

NAM A BANK

NAM A BANK – HỘI SỞ/HEAD OFFICE
201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TP.HCM
201-203 Cach Mang Thang Tam Street, Dist. 3, HCMC
[T] 028 3929 6699 - [F] 028 3929 6688
[Hotline] 1900 6679 - [W] www.namabank.com.vn

Số: 360/2025/CBTT-NHNA

No.: 360/2025/CBTT-NHNA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence – Freedom – Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2025

Ho Chi Minh City, March 29th, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*State Securities Commission of Vietnam*

- Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam/*Vietnam Exchange*

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/*Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức phát hành/Name of organization:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á/
Nam A Commercial Joint Stock Bank.
 - Mã chứng khoán/*Stock code:* NAB.
 - Địa chỉ/*Address:* 201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh/
201-203 Cach Mang Thang Tam Street, Ward 4, District 3, Ho Chi Minh City.
 - Email: namabank@namabank.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Ngày 28/03/2025, Ngân hàng TMCP Nam Á tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Để thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định, Ngân hàng TMCP Nam Á kính gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh các văn bản sau:

- + ***Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;***
- + ***Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;***
- + ***Các tài liệu văn kiện Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.***

On March 28th, 2025, Nam A Commercial Joint Stock Bank has convened the 2025 Annual General Meeting of Shareholders. In accordance with the regulations, Nam A Commercial Joint Stock Bank respectfully sends to the State Securities Commission of Vietnam, the Vietnam Exchange and the Hochiminh Stock Exchange the documents as listed below:

- + *Resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders;*
- + *Minutes of Meeting of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders;*
- + *Documents of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Nam Á:
<https://www.namabank.com.vn>.

This information was published on the company's website as in the link: <https://www.namabank.com.vn>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

NGÂN HÀNG TMCP NAM Á/NAM A BANK

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT/

Person authorized to disclose information

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT/

Vice Chairwoman

MM
Nơi nhận/To: *W*

- Như Kính gửi/*As the Greetings part;*
- Lưu/Archived: VPHĐQT/*Office of BOD.*



Võ Thị Tuyết Nga

TP. Đà Lạt, ngày 28 tháng 03 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Nam Á;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 28/03/2025 của Ngân hàng TMCP Nam Á.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả quản trị hoạt động ngân hàng năm 2024 và định hướng công tác quản trị năm 2025 (chi tiết theo Báo cáo số 330/2025/BCQT-NHNA ngày 26/03/2025).

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị (HĐQT) toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc triển khai, thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm, bao gồm: (i) xem xét điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp theo tình hình thực tế; (ii) thông qua phương án kinh doanh trong từng trường hợp cụ thể; (iii) quyết định lựa chọn triển khai hợp tác kinh doanh với các đối tác, định chế tài chính trong và ngoài nước; (iv) chủ động phê duyệt, triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh của năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc phù hợp với bối cảnh kinh doanh và quy định pháp luật, cho đến khi được ĐHĐCĐ thường niên chính thức thông qua; (v) thực hiện các công việc cần thiết có liên quan trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng TMCP Nam Á.

+ Số phiếu biểu quyết tán thành đạt tỷ lệ: **96,66%**.

Điều 2. Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025 (chi tiết theo Báo cáo số 12/2025/BC-NHNA-03 ngày 26/03/2025).

+ Số phiếu biểu quyết tán thành đạt tỷ lệ: **96,66%**.



- Điều 3.** Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 (chi tiết theo Báo cáo số 12/2025/BCBKS-NHNA ngày 26/03/2025).
+ Số phiếu biểu quyết tán thành đạt tỷ lệ: **96,66%**.
- Điều 4.** Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán độc lập (chi tiết theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán số 60758135/68418664-HN ngày 28/02/2025).
+ Số phiếu biểu quyết tán thành đạt tỷ lệ: **96,66%**.
- Điều 5.** Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và phân phối cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu (chi tiết theo Phương án số 331/2025/PAQT-NHNA ngày 26/03/2025).
+ Số phiếu biểu quyết tán thành đạt tỷ lệ: **96,66%**.
- Điều 6.** Thông qua Tờ trình về việc danh sách Công ty kiểm toán độc lập năm 2026 (chi tiết theo Tờ trình số 332/2025/TTQT-NHNA ngày 26/03/2025).
ĐHĐCĐ giao HĐQT quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ, kiểm toán Báo cáo tài chính, kiểm toán hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ đối với nội dung đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Ngân hàng TMCP Nam Á năm 2026 và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên lần tiếp theo.
+ Số phiếu biểu quyết tán thành đạt tỷ lệ: **96,62%**.
- Điều 7.** Thông qua Tờ trình về ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm tài chính 2025 (chi tiết theo Tờ trình số 333/2025/TTQT-NHNA ngày 26/03/2025).
+ Số phiếu biểu quyết tán thành đạt tỷ lệ: **96,39%**.
- Điều 8.** Thông qua Tờ trình về việc tăng vốn điều lệ năm 2025 (chi tiết theo Tờ trình số 334/2025/TTQT-NHNA ngày 26/03/2025).
ĐHĐCĐ giao HĐQT tổ chức triển khai thực hiện các nội dung tăng vốn điều lệ theo phương án tăng vốn điều lệ đính kèm Tờ trình và chủ động điều chỉnh, thay đổi các nội dung liên quan phù hợp với quy định pháp luật; đồng thời tiến hành các thủ tục trình các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận việc tăng vốn điều lệ theo quy định và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên lần tiếp theo.
+ Số phiếu biểu quyết tán thành đạt tỷ lệ: **96,24%**.
- Điều 9.** Thông qua Tờ trình về việc phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ (chi tiết theo Tờ trình số 335/2025/TTQT-NHNA ngày 26/03/2025).

ĐHĐCĐ giao HĐQT quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, phương án phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi phù hợp theo quy định của pháp luật; đồng thời tiến hành các thủ tục trình các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận việc phát hành trái phiếu chuyển đổi theo quy định và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên lần tiếp theo.

+ Số phiếu biểu quyết tán thành đạt tỷ lệ: **96,28%**.

Điều 10. Thông qua Tờ trình về việc niêm yết trái phiếu Ngân hàng TMCP Nam Á phát hành ra công chúng (chi tiết theo Tờ trình số 336/2025/TTQT-NHNA ngày 26/03/2025).

ĐHĐCĐ giao HĐQT tổ chức chỉ đạo thực hiện và quyết định các vấn đề cần thiết để thực hiện việc niêm yết trái phiếu đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên lần tiếp theo.

+ Số phiếu biểu quyết tán thành đạt tỷ lệ: **96,42%**.

Điều 11. Thông qua Tờ trình về việc góp vốn, mua cổ phần (chi tiết theo Tờ trình số 337/2025/TTQT-NHNA ngày 26/03/2025).

ĐHĐCĐ giao HĐQT quyết định hình thức, phương thức, trình tự, tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần; thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định pháp luật hiện hành và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên lần tiếp theo.

+ Số phiếu biểu quyết tán thành đạt tỷ lệ: **96,28%**.

Điều 12. Thông qua Tờ trình về việc chủ trương tham gia tái cơ cấu Quỹ tín dụng nhân dân (chi tiết theo Tờ trình số 338/2025/TTQT-NHNA ngày 26/03/2025).

ĐHĐCĐ giao HĐQT chủ động lựa chọn và quyết định phương án tham gia trình Ngân hàng Nhà nước xem xét, phê duyệt và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên lần tiếp theo.

+ Số phiếu biểu quyết tán thành đạt tỷ lệ: **96,28%**.

Điều 13. Thông qua Tờ trình về việc phát triển mạng lưới ra thị trường quốc tế (chi tiết theo Tờ trình số 339/2025/TTQT-NHNA ngày 26/03/2025).

ĐHĐCĐ giao HĐQT chủ động quyết định thời điểm, hình thức, địa bàn, phạm vi hoạt động và thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật để phát triển mạng lưới kinh doanh theo định hướng đã được ĐHĐCĐ thông qua và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên lần tiếp theo.

+ Số phiếu biểu quyết tán thành đạt tỷ lệ: **96,28%**.



Điều 14. Thông qua Tờ trình về việc Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp Ngân hàng TMCP Nam Á được can thiệp sớm (chi tiết theo Tờ trình số 340/2025/TTQT-NHNA ngày 26/03/2025).

ĐHĐCĐ giao HĐQT: (i) chỉ đạo việc nghiên cứu, xây dựng, thông qua "Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm tại Ngân hàng TMCP Nam Á" để báo cáo Ngân hàng Nhà nước theo quy định; (ii) chủ động điều chỉnh, thay đổi các nội dung liên quan đến Phương án khắc phục tùy vào tình hình thực tế khách quan hoặc theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên lần tiếp theo.

+ Số phiếu biểu quyết tán thành đạt tỷ lệ: **96,28%**.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Ngân hàng TMCP Nam Á thông qua tại phiên họp ngày 28/03/2025.

Các Ông Bà Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai theo thẩm quyền, chức năng hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng TMCP Nam Á.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- NHNN, UBCKNN;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Lưu: VPHĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Trần Ngô Phúc Vũ

TP. Đà Lạt, ngày 28 tháng 03 năm 2025

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CỦA NGÂN HÀNG TMCP NAM Á

- **Tên doanh nghiệp:** NGÂN HÀNG TMCP NAM Á.
- **Địa chỉ trụ sở chính:** 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, TPHCM.
- **Mã số doanh nghiệp:** 0300872315 cấp lần đầu ngày 21/10/1992, thay đổi lần thứ 45 ngày 03/08/2023. Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM.
- **Thời gian:** từ 8 giờ 30 phút đến 11 giờ 15 phút, ngày 28 tháng 03 năm 2025.
- **Địa điểm:** Khách sạn Đà Lạt Palace Heritage – Số 02 Trần Phú, TP. Đà Lạt, T. Lâm Đồng.

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ.

- Ông Bùi Đức Vinh – Đại diện Cục quản lý, giám sát tổ chức tín dụng – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Phó Trưởng Phòng quản lý, giám sát tổ chức tín dụng – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Khu vực II.
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Tổng số cổ đông và người đại diện theo ủy quyền tham dự họp lệ là **216 người**, đại diện cho **1.235.727.153 cổ phần** có quyền biểu quyết (tương ứng với 1.235.727.153 phiếu biểu quyết), tương ứng với số vốn cổ phần là **12.357.271.530.000 đồng**, chiếm tỷ lệ: **90,03%** trên tổng số vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Nam Á.

II. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI.**1. Phần nghi thức.**

- Tuyên bố lý do triệu tập Đại hội và giới thiệu thành phần tham dự.
- Giới thiệu Chủ tọa Đại hội: Ông Trần Ngô Phúc Vũ - Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Giới thiệu các thành viên hỗ trợ Chủ tọa Đại hội theo sự đề cử của Chủ tọa:
 - + Ông Trần Ngọc Tâm - Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị.
 - + Bà Võ Thị Tuyết Nga - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - + Ông Nguyễn Vĩnh Lợi - Trưởng Ban kiểm soát.
 - + Ông Trần Khải Hoàn - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Quyền Tổng Giám đốc.
- Giới thiệu Ban thư ký theo sự đề cử của Chủ tọa.

- + Ông Đặng Văn Hóa - Phó Ban Quản trị chiến lược - Trưởng ban
- + Bà Đoàn Thị Quyên - Phó Giám đốc Khối Quản lý rủi ro kiêm Trưởng Phòng Quản lý rủi ro phi tín dụng - Thành viên
- + Bà Phan Lê Đài Gương - Trưởng Phòng Pháp lý và Tuân thủ - Thành viên
- Giới thiệu Ban thẩm tra tư cách cổ đông.
- + Bà Đỗ Thị Hồng Trâm - Thành viên Ban kiểm soát - Trưởng Ban
- + Ông Lê Thế Long - Phó Giám đốc Khối Quản lý rủi ro - Thành viên
- + Bà Dương Thị Phương Trâm - Phó Chánh Văn phòng Tổng Giám đốc - Thành viên
- Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông lần 1: vào lúc 8 giờ 40 phút, Bà Đỗ Thị Hồng Trâm – Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo trước Đại hội về thành phần cổ đông tham dự Đại hội và xác nhận Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 của Ngân hàng TMCP Nam Á là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành.
- Đại hội thông qua Chương trình nghị sự bằng phương thức giơ tay biểu quyết.
- Đại hội bầu Ban kiểm phiếu bằng phương thức bỏ phiếu kín.
- 2. Phần nội dung Đại hội.**
- **Bà Võ Thị Tuyết Nga – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị:** trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả quản trị hoạt động ngân hàng năm 2024 và định hướng công tác quản trị năm 2025.
- **Ông Trần Khải Hoàn – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Quyền Tổng Giám đốc:** trình bày Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025.
- **Ông Nguyễn Vĩnh Lợi – Trưởng Ban kiểm soát:** trình bày các nội dung:
 - + Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2024.
 - + Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán độc lập.
- **Ông Võ Hoàng Hải – Phó Tổng Giám đốc:** trình bày các nội dung:
 - + Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và phân phối cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu.
 - + Tờ trình về việc thông qua danh sách Công ty kiểm toán độc lập năm 2026.
 - + Tờ trình về ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm tài chính 2025.
- **Ông Hà Huy Cường – Phó Tổng Giám đốc:** trình bày các nội dung:
 - + Tờ trình về việc tăng vốn điều lệ năm 2025.
 - + Tờ trình về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyên đổi riêng lẻ.
- **Ông Lê Anh Tú – Phó Tổng Giám đốc:** trình bày các nội dung:

- + Tờ trình về việc niêm yết trái phiếu Ngân hàng TMCP Nam Á phát hành ra công chúng.
- + Tờ trình về việc góp vốn, mua cổ phần.
- **Ông Hoàng Việt Cường – Phó Tổng Giám đốc:** trình bày các nội dung:
 - + Tờ trình về việc chủ trương tham gia tái cơ cấu Quỹ tín dụng nhân dân.
 - + Tờ trình về việc phát triển mạng lưới kinh doanh ra thị trường quốc tế.
 - + Tờ trình về việc thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm tại Ngân hàng TMCP Nam Á.

3. Thảo luận tại Đại hội.

- Đã có 03 cổ đông phát biểu trực tiếp tại Đại hội và một số cổ đông góp ý bằng Phiếu ý kiến với các nội dung chính như sau:
 - + Thống nhất các báo cáo tại Đại hội, cổ đông đánh giá rất cao hoạt động của Ngân hàng TMCP Nam Á và công tác quản trị của Hội đồng quản trị các năm qua vì đã mang lại hiệu quả tối ưu cho Ngân hàng và nâng cao quyền lợi của cổ đông;
 - + Cổ đông đề nghị giải đáp về: thời điểm chốt danh sách cổ đông để chia cổ tức, nghiên cứu phương án chia cổ tức bằng tiền mặt, việc mở rộng đối tượng mua ESOP; định hướng công tác quản trị nhân sự của Ngân hàng TMCP Nam Á trong thời gian sắp tới; kế hoạch phát triển kinh doanh ra thị trường quốc tế cụ thể trong năm 2025; rủi ro đối với khoản cấp tín dụng của khách hàng lớn.
- Chủ tọa Đại hội tiếp thu ý kiến của các cổ đông và đã phản hồi, giải đáp tất cả các ý kiến tại Đại hội.

4. Công bố kết quả bầu Ban kiểm phiếu:

- Bà Đỗ Thị Hồng Trâm – Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông công bố kết quả bầu Ban kiểm phiếu.

Nội dung	Số tờ phiếu
1. Số tờ phiếu phát ra cho cổ đông:	216
2. Số tờ phiếu cổ đông tham gia biểu quyết, trong đó:	211
a. Số tờ phiếu hợp lệ	210
b. Số tờ phiếu không hợp lệ	1
3. Số tờ phiếu cổ đông không tham gia biểu quyết:	5

- Đại hội thông qua bầu Ban kiểm phiếu bao gồm các thành viên:
 - + Ông Nguyễn Vĩnh Tuyên - Phó Tổng Giám đốc - Trưởng ban
 - + Ông Võ Trọng Nguyên - Trưởng Phòng KTKSNB - Thành viên
 - + Ông Lê Đình Tú - Trưởng phòng Kế toán - Thành viên

Nội dung	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ (%)
Số phiếu biểu quyết tán thành	1.197.157.047	96,88
Số phiếu biểu quyết không tán thành	38.495.971	3,12
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	0	0,00
Số phiếu biểu quyết không hợp lệ	521	0,00
Số phiếu biểu quyết không tham gia biểu quyết	73.614	0,01

Kết quả biểu quyết: **Đạt.**

5. Ban kiểm phiếu thông qua Thể lệ biểu quyết tại Đại hội.

– Ông Nguyễn Vĩnh Tuyên – Trưởng Ban kiểm phiếu thông qua Thể lệ biểu quyết, trong đó quy định về Phiếu biểu quyết:

+ Phiếu biểu quyết thể hiện đầy đủ các thông tin: họ tên cổ đông (kèm số giấy tờ pháp lý), số thứ tự của cổ đông, số cổ phần sở hữu, họ tên đại diện được ủy quyền (kèm số giấy tờ pháp lý), số cổ phần được ủy quyền, nội dung biểu quyết, ngày tháng in phiếu và các ô biểu quyết tương ứng với các ý kiến biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến”.

+ Phiếu biểu quyết được xem là hợp lệ khi **đáp ứng đủ** các điều kiện sau đây:

(i) Phiếu do Ngân hàng TMCP Nam Á phát hành.

(ii) Cổ đông thực hiện biểu quyết theo quy định tại **Thể lệ biểu quyết** và phải xác định được ý kiến biểu quyết “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” đối với nội dung đó.

(iii) Phiếu không bị rách, gach, tẩy xóa, sửa chữa, thay đổi hoặc ghi thêm nội dung trên mẫu do Ngân hàng TMCP Nam Á phát hành.

+ Phiếu biểu quyết **không đáp ứng đủ** các điều kiện nêu trên được xem là **không hợp lệ**.

6. Biểu quyết các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội.

Cổ đông tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội theo phương thức bỏ phiếu kín.

7. Báo cáo Đại hội các nội dung theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 (Luật Các TCTD).

– Báo cáo công khai thông tin theo quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 Điều 49 Luật Các TCTD.

– Báo cáo công khai thông tin theo quy định tại các điểm a, c, d khoản 2 Điều 49 Luật Các TCTD.

– Báo cáo các khoản cấp tín dụng cho đối tượng thuộc quy định tại khoản 1 Điều 135 Luật Các TCTD.

8. Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông lần 2.

Vào lúc 10 giờ 45 phút, Bà Đỗ Thị Hồng Trâm – Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông – báo cáo trước Đại hội về thành phần cổ đông tham dự Đại hội (trước kiểm phiếu).

9. Công bố kết quả thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội.

Ông Nguyễn Vĩnh Tuyên – Trưởng Ban kiểm phiếu báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu, cụ thể như sau:

Nội dung	Số tờ phiếu
1. Số tờ phiếu phát ra cho cổ đông:	216
2. Số tờ phiếu cổ đông tham gia biểu quyết, trong đó:	214
<i>a. Số tờ phiếu hợp lệ</i>	214
<i>b. Số tờ phiếu không hợp lệ</i>	0
3. Số tờ phiếu cổ đông không tham gia biểu quyết:	2

9.1 Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả quản trị hoạt động ngân hàng năm 2024 và định hướng công tác quản trị năm 2025 (chi tiết theo Báo cáo số 330/2025/BCQT-NHNA ngày 26/03/2025).

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị (HĐQT) toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc triển khai, thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm, bao gồm: (i) xem xét điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp theo tình hình thực tế; (ii) thông qua phương án kinh doanh trong từng trường hợp cụ thể; (iii) quyết định lựa chọn triển khai hợp tác kinh doanh với các đối tác, định chế tài chính trong và ngoài nước; (iv) chủ động phê duyệt, triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh của năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc phù hợp với bối cảnh kinh doanh và quy định pháp luật, cho đến khi được ĐHĐCĐ thường niên chính thức thông qua; (v) thực hiện các công việc cần thiết có liên quan trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng TMCP Nam Á.

Nội dung	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ (%)
Số phiếu biểu quyết tán thành	1.194.461.409	96,66
Số phiếu biểu quyết không tán thành	38.496.071	3,12
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	12	0,00
Số phiếu biểu quyết không hợp lệ	0	0,00
Số phiếu biểu quyết không tham gia biểu quyết	2.769.661	0,22

Kết quả biểu quyết: **Đạt.**

- 9.2 Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025 (chi tiết theo Báo cáo số 12/2025/BC-NHNA-03 ngày 26/03/2025).

Nội dung	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ (%)
Số phiếu biểu quyết tán thành	1.194.461.409	96,66
Số phiếu biểu quyết không tán thành	38.496.071	3,12
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	12	0,00
Số phiếu biểu quyết không hợp lệ	0	0,00
Số phiếu biểu quyết không tham gia biểu quyết	2.769.661	0,22

Kết quả biểu quyết: **Đạt.**

- 9.3 Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 (chi tiết theo Báo cáo số 12/2025/BCBKS-NHNA ngày 26/03/2025).

Nội dung	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ (%)
Số phiếu biểu quyết tán thành	1.194.461.409	96,66
Số phiếu biểu quyết không tán thành	38.496.071	3,12
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	12	0,00
Số phiếu biểu quyết không hợp lệ	0	0,00
Số phiếu biểu quyết không tham gia biểu quyết	2.769.661	0,22

Kết quả biểu quyết: **Đạt.**

- 9.4 Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán độc lập (chi tiết theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán số 60758135/68418664-HN ngày 28/02/2025).

Nội dung	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ (%)
Số phiếu biểu quyết tán thành	1.194.461.409	96,66
Số phiếu biểu quyết không tán thành	38.496.071	3,12
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	12	0,00
Số phiếu biểu quyết không hợp lệ	0	0,00
Số phiếu biểu quyết không tham gia biểu quyết	2.769.661	0,22

Kết quả biểu quyết: **Đạt.**

- 9.5 Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và phân phối cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu (chi tiết theo Phương án số 331/2025/PAQT-NHNA ngày 26/03/2025).

Nội dung	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ (%)
Số phiếu biểu quyết tán thành	1.194.417.409	96,66
Số phiếu biểu quyết không tán thành	38.496.071	3,12
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	12	0,00
Số phiếu biểu quyết không hợp lệ	44.000	0,00
Số phiếu biểu quyết không tham gia biểu quyết	2.769.661	0,22

Kết quả biểu quyết: **Đạt.**

- 9.6 Thông qua Tờ trình về việc danh sách Công ty kiểm toán độc lập năm 2026 (chi tiết theo Tờ trình số 332/2025/TTQT-NHNA ngày 26/03/2025).

ĐHĐCĐ giao HĐQT quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ, kiểm toán Báo cáo tài chính, kiểm toán hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ đối với nội dung đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Ngân hàng TMCP Nam Á năm 2026 và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên lần tiếp theo.

Nội dung	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ (%)
Số phiếu biểu quyết tán thành	1.193.979.282	96,62
Số phiếu biểu quyết không tán thành	38.496.071	3,12
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	481.612	0,04
Số phiếu biểu quyết không hợp lệ	527	0,00
Số phiếu biểu quyết không tham gia biểu quyết	2.769.661	0,22

Kết quả biểu quyết: **Đạt.**

- 9.7 Thông qua Tờ trình về ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm tài chính 2025 (chi tiết theo Tờ trình số 333/2025/TTQT-NHNA ngày 26/03/2025).

Nội dung	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ (%)
Số phiếu biểu quyết tán thành	1.191.093.548	96,39
Số phiếu biểu quyết không tán thành	38.496.071	3,12
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	361.530	0,03
Số phiếu biểu quyết không hợp lệ	3.006.343	0,24
Số phiếu biểu quyết không tham gia biểu quyết	2.769.661	0,22

Kết quả biểu quyết: **Đạt.**

- 9.8 Thông qua Tờ trình về việc tăng vốn điều lệ năm 2025 (chi tiết theo Tờ trình số 334/2025/TTQT-NHNA ngày 26/03/2025).

ĐHĐCĐ giao HĐQT tổ chức triển khai thực hiện các nội dung tăng vốn điều lệ theo phương án tăng vốn điều lệ đính kèm Tờ trình và chủ động điều chỉnh, thay đổi các nội dung liên quan phù hợp với quy định pháp luật; đồng thời tiến hành các thủ tục trình các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận việc tăng vốn điều lệ theo quy định và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên lần tiếp theo.

Nội dung	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ (%)
Số phiếu biểu quyết tán thành	1.189.291.566	96,24
Số phiếu biểu quyết không tán thành	40.659.571	3,29
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	12	0,00
Số phiếu biểu quyết không hợp lệ	3.006.343	0,24
Số phiếu biểu quyết không tham gia biểu quyết	2.769.661	0,22

Kết quả biểu quyết: **Đạt.**

- 9.9 Thông qua Tờ trình về việc phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ (chi tiết theo Tờ trình số 335/2025/TTQT-NHNA ngày 26/03/2025).

ĐHĐCĐ giao HĐQT quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, phương án phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi phù hợp theo quy định của pháp luật; đồng thời tiến hành các thủ tục trình các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận việc phát hành trái phiếu chuyển đổi theo quy định và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên lần tiếp theo.

Nội dung	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ (%)
Số phiếu biểu quyết tán thành	1.189.707.373	96,28
Số phiếu biểu quyết không tán thành	40.177.971	3,25
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	65.805	0,01
Số phiếu biểu quyết không hợp lệ	3.006.343	0,24
Số phiếu biểu quyết không tham gia biểu quyết	2.769.661	0,22

Kết quả biểu quyết: **Đạt.**

- 9.10 Thông qua Tờ trình về việc niêm yết trái phiếu Ngân hàng TMCP Nam Á phát hành ra công chúng (chi tiết theo Tờ trình số 336/2025/TTQT-NHNA ngày 26/03/2025).

ĐHĐCĐ giao HĐQT tổ chức chỉ đạo thực hiện và quyết định các vấn đề cần thiết để thực hiện việc niêm yết trái phiếu đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên lần tiếp theo.

Nội dung	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ (%)
Số phiếu biểu quyết tán thành	1.191.455.066	96,42
Số phiếu biểu quyết không tán thành	38.496.071	3,12
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	12	0,00
Số phiếu biểu quyết không hợp lệ	3.006.343	0,24
Số phiếu biểu quyết không tham gia biểu quyết	2.769.661	0,22

Kết quả biểu quyết: **Đạt.**

9.11 Thông qua Tờ trình về việc góp vốn, mua cổ phần (chi tiết theo Tờ trình số 337/2025/TTQT-NHNA ngày 26/03/2025).

ĐHĐCĐ giao HĐQT quyết định hình thức, phương thức, trình tự, tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần; thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định pháp luật hiện hành và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên lần tiếp theo.

Nội dung	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ (%)
Số phiếu biểu quyết tán thành	1.189.707.373	96,28
Số phiếu biểu quyết không tán thành	40.177.971	3,25
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	65.805	0,01
Số phiếu biểu quyết không hợp lệ	3.006.343	0,24
Số phiếu biểu quyết không tham gia biểu quyết	2.769.661	0,22

Kết quả biểu quyết: **Đạt.**

9.12 Thông qua Tờ trình về việc chủ trương tham gia tái cơ cấu Quỹ tín dụng nhân dân (chi tiết theo Tờ trình số 338/2025/TTQT-NHNA ngày 26/03/2025).

ĐHĐCĐ giao HĐQT chủ động lựa chọn và quyết định phương án tham gia trình Ngân hàng Nhà nước xem xét, phê duyệt và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên lần tiếp theo.

Nội dung	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ (%)
Số phiếu biểu quyết tán thành	1.189.773.166	96,28
Số phiếu biểu quyết không tán thành	40.177.971	3,25
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	12	0,00
Số phiếu biểu quyết không hợp lệ	3.006.343	0,24
Số phiếu biểu quyết không tham gia biểu quyết	2.769.661	0,22

Kết quả biểu quyết: **Đạt.**

9.13 Thông qua Tờ trình về việc phát triển mạng lưới ra thị trường quốc tế (chi tiết theo Tờ trình số 339/2025/TTQT-NHNA ngày 26/03/2025).

ĐHĐCĐ giao HĐQT chủ động quyết định thời điểm, hình thức, địa bàn, phạm vi hoạt động và thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật để phát triển mạng lưới kinh doanh theo định hướng đã được ĐHĐCĐ thông qua và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên lần tiếp theo.

Nội dung	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ (%)
Số phiếu biểu quyết tán thành	1.189.773.166	96,28
Số phiếu biểu quyết không tán thành	40.177.971	3,25
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	12	0,00
Số phiếu biểu quyết không hợp lệ	3.006.343	0,24
Số phiếu biểu quyết không tham gia biểu quyết	2.769.661	0,22

Kết quả biểu quyết: **Đạt.**

9.14 Thông qua Tờ trình về việc Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp Ngân hàng TMCP Nam Á được can thiệp sớm (chi tiết theo Tờ trình số 340/2025/TTQT-NHNA ngày 26/03/2025).

ĐHĐCĐ giao HĐQT: (i) chỉ đạo việc nghiên cứu, xây dựng, thông qua "Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm tại Ngân hàng TMCP Nam Á" để báo cáo Ngân hàng Nhà nước theo quy định; (ii) chủ động điều chỉnh, thay đổi các nội dung liên quan đến Phương án khắc phục tùy vào tình hình thực tế khách quan hoặc theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên lần tiếp theo.

Nội dung	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ (%)
Số phiếu biểu quyết tán thành	1.189.773.166	96,28
Số phiếu biểu quyết không tán thành	40.177.971	3,25
Số phiếu biểu quyết không có ý kiến	12	0,00
Số phiếu biểu quyết không hợp lệ	3.006.343	0,24
Số phiếu biểu quyết không tham gia biểu quyết	2.769.661	0,22

Kết quả biểu quyết: **Đạt.**

III. Tổng kết:

- Ông Đặng Văn Hóa – Trưởng Ban thư ký trình bày nội dung Biên bản họp tại Đại hội.
- Đại hội đồng cổ đông thông qua Biên bản họp tại Đại hội bằng phương thức giơ tay biểu quyết.
- Ông Trần Ngô Phúc Vũ – Chủ tọa Đại hội tuyên bố bế mạc Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Ngân hàng TMCP Nam Á kết thúc vào lúc 11 giờ 15 phút cùng ngày.

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Trần Ngô Phúc Vũ

THÀNH VIÊN HỖ TRỢ CHỦ TỌA

Trần Ngọc Tâm

Võ Thị Tuyết Nga



THÀNH VIÊN HỖ TRỢ CHỦ TỌA

Nguyễn Vĩnh Lợi

Trần Khải Hoàn

TRƯỞNG BAN

Đặng Văn Hóa

BAN THƯ KÝ

THÀNH VIÊN

Đoàn Thị Quyền

THÀNH VIÊN

Phan Lê Đài Gương

Số: 330/2025/BCQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG NĂM 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ NĂM 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Nền kinh tế toàn cầu năm 2024 đã có những chuyển biến tích cực và dần lấy lại đà hồi phục. Tuy vậy, tốc độ tăng trưởng vẫn còn chậm do chịu ảnh hưởng từ các căng thẳng địa chính trị kéo dài. Trong bối cảnh đó, dù phải đối diện với rất nhiều thách thức, biến động nhưng với sự điều hành chính sách linh hoạt và quyết liệt của Chính phủ, Việt Nam vẫn hoàn thành mục tiêu tăng trưởng do Quốc hội đặt ra và tiếp tục là điểm sáng về kinh tế trong khu vực và trên thế giới.

Đối mặt với môi trường kinh doanh đầy biến động, Hội đồng quản trị (HDQT) đã luôn kịp thời nắm bắt diễn biến thị trường, chủ động điều chỉnh chiến lược kinh doanh cũng như điều tiết nhịp độ tăng trưởng nhằm đảm bảo tính an toàn, bền vững, hiệu quả trong mọi hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Nam Á (Ngân hàng Nam Á). Trên cơ sở đó, HDQT kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 các nội dung như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUẢN TRỊ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG NĂM 2024:

1. Kết quả thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024:

1.1. Về kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tổng tài sản đạt 245.129 tỷ đồng, hoàn thành 106% kế hoạch năm 2024.
- Huy động vốn khách hàng cá nhân, tổ chức kinh tế và phát hành giấy tờ có giá đạt 178.341 tỷ đồng, hoàn thành 100% kế hoạch năm 2024.
- Dự nợ cho vay khách hàng cá nhân và tổ chức kinh tế đạt 167.738 tỷ đồng, hoàn thành 105% kế hoạch năm 2024.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 4.545 tỷ đồng, hoàn thành 114% kế hoạch năm 2024.
- Hoàn thành xuất sắc mục tiêu kiểm soát chất lượng tín dụng đã đặt ra cho năm 2024.

1.2. Về tăng vốn điều lệ:

- Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, Ngân hàng Nam Á đã hoàn thành tăng vốn điều lệ từ mức 10.580.416.150.000 đồng (*Mười nghìn năm trăm tám mươi tỷ, bốn trăm mười sáu triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*) lên mức 13.725.505.530.000

đồng (*Mười ba nghìn bảy trăm hai mươi lăm tỷ, năm trăm lẻ năm triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng*) thông qua:

- + Phát hành 264.508.938 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tương ứng với mức vốn điều lệ tăng thêm là 2.645.089.380.000 đồng (*Hai nghìn sáu trăm bốn mươi lăm tỷ, không trăm tám mươi chín triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng*). Ngân hàng Nam Á đã nhận được Công văn số 4632/UBCK-QLCB ngày 25/07/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Ngân hàng Nam Á; và
- + Phát hành 50.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, tương ứng với mức vốn điều lệ tăng thêm là 500.000.000.000 đồng (*Năm trăm tỷ đồng*). Ngân hàng Nam Á đã nhận được Công văn số 7015/UBCK-QLCB ngày 17/10/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Ngân hàng Nam Á.
- Hiện nay, Ngân hàng Nam Á đang trong quá trình thực hiện thủ tục sửa đổi mức vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) theo đúng trình tự, quy định của pháp luật hiện hành.

1.3. Về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng Nam Á:

- HĐQT đã hoàn tất sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật, đồng thời đã báo cáo NHNN theo đúng quy định.

1.4. Về mạng lưới hoạt động:

- Trong năm 2024, Ngân hàng Nam Á đã hoàn tất khai trương, đưa vào hoạt động 05 Chi nhánh và 03 Phòng giao dịch đã được NHNN chấp thuận tại Công văn số 9586/NHNN-TTGSNH và Công văn số 9587/NHNN-TTGSNH ngày 15/12/2023, nâng tổng số điểm giao dịch trên toàn quốc lên 262 điểm, trong đó bao gồm 148 điểm giao dịch truyền thống và 114 điểm giao dịch hiện đại (Onebank).
- Đối với việc phát triển mạng lưới kinh doanh ra thị trường quốc tế, trong bối cảnh môi trường vĩ mô chưa thật sự thuận lợi, đồng thời cần có thêm thời gian nghiên cứu, phân tích kỹ lưỡng về đặc thù kinh tế, văn hóa, pháp luật của từng quốc gia nên việc phát triển mạng lưới kinh doanh ra thị trường quốc tế vẫn chưa thể triển khai trong năm 2024. HĐQT sẽ tiếp tục trình ĐHĐCĐ triển khai nội dung này trong năm 2025.

1.5. Về ngân sách hoạt động và thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát:

- Vượt qua những tác động không thuận lợi của môi trường vĩ mô, Ngân hàng Nam Á vẫn đảm bảo được tính an toàn, bền vững và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh. Kết quả này thể hiện HĐQT và Ban kiểm soát (BKS) đã hoàn thành tốt trách nhiệm được ĐHĐCĐ giao. Ngân sách hoạt động và thù lao của HĐQT, BKS trong năm 2024 nằm trong kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua và được sử dụng hợp lý, hiệu quả.

1.6. Về góp vốn, mua cổ phần:

- Trong năm 2024, do ảnh hưởng bởi một số nguyên nhân khách quan từ thị trường, HĐQT đánh giá chưa phù hợp để thực hiện triển khai việc góp vốn, mua cổ phần. HĐQT sẽ tiếp tục trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 các nội dung này để có cơ sở triển khai thực hiện khi điều kiện thuận lợi.

1.7. Về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

- Trên cơ sở danh sách những công ty đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua, HĐQT quyết định lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ tại Ngân hàng Nam Á năm 2025.

1.8. Về phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ:

- Thị trường trái phiếu trong nước năm 2024 phần nào được cải thiện, tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp do khả năng trả nợ suy giảm và việc hấp thụ vốn còn nhiều hạn chế. Vì vậy, HĐQT chủ động hoãn phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ theo kế hoạch, đồng thời sẽ tiếp tục trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 nghiệp vụ phát hành trái phiếu chuyển đổi này để có cơ sở triển khai thực hiện trong điều kiện phù hợp.

1.9. Về niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng và tham gia tái cơ cấu quỹ tín dụng nhân dân:

- Trong năm 2024, vì một số lý do khách quan Ngân hàng Nam Á chưa triển khai việc phát hành trái phiếu ra công chúng và tham gia tái cơ cấu quỹ tín dụng nhân dân. HĐQT sẽ tiếp tục trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 các nội dung này để có cơ sở triển khai thực hiện khi điều kiện phù hợp.

1.10. Về triển khai “Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu Ngân hàng Nam Á giai đoạn 2021 – 2025”:

- Ngân hàng Nam Á đã hoàn tất việc xây dựng, phê duyệt “Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu Ngân hàng Nam Á giai đoạn 2021 – 2025” và đã báo cáo NHNN thông qua trước khi triển khai theo quy định.
- Ngân hàng Nam Á hiện đang tiếp tục triển khai Phương án đã được phê duyệt phù hợp theo chủ trương, định hướng của Chính phủ và NHNN.

2. Kết quả quản trị hoạt động ngân hàng năm 2024:

Với chức năng định hướng chiến lược và giám sát điều hành, HĐQT thường xuyên tổ chức trao đổi, thảo luận giữa các thành viên HĐQT theo nguyên tắc tập trung, dân chủ để có các quyết sách phù hợp với tình hình hoạt động trong từng thời kỳ. Trong năm 2024, thông qua các cuộc họp (định kỳ, đột xuất) hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, HĐQT đã ban hành 284 Nghị quyết, 161 Quyết định, 115 Công văn liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau nhằm định hướng chiến lược và chính sách kinh doanh cho Ban điều hành. Một số chủ trương, định hướng chính của HĐQT trong năm 2024 bao gồm:

- Tuyệt đối chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á diễn ra phù hợp với quy định pháp luật hiện hành; tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của NHNN.
- Triển khai hiệu quả các dự án trọng điểm mang tính chiến lược của Ngân hàng Nam Á, đặc biệt là các dự án liên quan đến chủ trương “số hóa” và “xanh hóa” đã được Chính phủ và NHNN chỉ đạo trong thời gian qua.

- Phát huy vị thế là ngân hàng quản trị rủi ro tốt nhất Việt Nam bằng việc tăng cường hệ thống chốt chặn và cảnh báo sớm, nâng cao chất lượng hoạt động giám sát từ xa, triển khai các chuẩn mực quản trị rủi ro quốc tế như Basel II nâng cao, Basel III.
- Chuẩn hóa hệ thống thông tin kế toán tài chính và kế toán quản trị nhằm tạo cơ sở vững chắc cho việc ban hành các quyết định kinh doanh kết hợp với việc lập báo cáo tài chính phù hợp với chuẩn mực quốc tế (tiêu chuẩn IFRS9).
- Công nghệ thông tin tiếp tục được đầu tư, nâng cấp nhằm đảm bảo hệ thống luôn vận hành ổn định, thông suốt, an toàn, bảo mật theo quy định hiện hành song song với việc ứng dụng công nghệ vào công tác quản trị điều hành nhằm khẳng định sự khác biệt cho thương hiệu Ngân hàng Nam Á.
- Quản trị toàn diện và đồng bộ nguồn nhân lực dựa trên việc củng cố các giá trị cốt lõi về văn hóa doanh nghiệp; hướng đến xây dựng nguồn nhân lực hội tụ đủ các giá trị tiên phong, chính trực, lịch thiệp, cụ thể:
 - + Công tác tuyển dụng chú trọng đồng thời về mặt chất lượng chuyên môn lẫn đạo đức nghề nghiệp. Tính đến ngày 31/12/2024, Ngân hàng có 5.306 lao động (đã gồm Công ty AMC), được thị trường đánh giá là năng động, bản lĩnh.
 - + Các hoạt động đào tạo nội bộ được tổ chức thường xuyên, đa dạng về nội dung lẫn hình thức nhằm nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý điều hành cũng như giúp gắn kết tinh thần cho đội ngũ cán bộ nhân viên.
 - + Chính sách lương, thưởng, phúc lợi cũng được xem xét, điều chỉnh theo hướng gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh của toàn hàng cũng như năng suất, đóng góp của người lao động thông qua bộ tiêu chuẩn đánh giá KPIs.
- Chủ động rà soát, sắp xếp, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong phạm vi toàn hệ thống nhằm đảm bảo tính hiệu quả, tinh gọn trong công tác vận hành cũng như phù hợp với định hướng phát triển của Ngân hàng Nam Á trong từng thời kỳ.
- Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung hệ thống chính sách, quy chế, quy định, quy trình nội bộ cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và chiến lược kinh doanh của Ngân hàng Nam Á.
- Công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu đã được chuẩn hóa, đồng nhất nhằm nâng cao vị thế, uy tín Ngân hàng Nam Á trong ngành và đảm bảo mục tiêu gia tăng sự nhận biết từ cộng đồng đối với hình ảnh, thương hiệu Ngân hàng Nam Á.
- Hỗ trợ hàng loạt chương trình an sinh xã hội, hoạt động chung tay vì cộng đồng như: (i) trao tặng nhà tình thương, nhà đại đoàn kết, nhà văn hóa, xây dựng hạ tầng, cầu đường tại nhiều tỉnh thành trên cả nước; (ii) ủng hộ quỹ vì người nghèo, quỹ học bổng, quỹ cứu trợ trẻ em tàn tật, hỗ trợ đồng bào khắc phục thiệt hại do cơn bão Yagi gây ra.

3. Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc HĐQT năm 2024:

3.1 Ủy ban Nhân sự:

Ủy ban Nhân sự gồm 05 thành viên, đã phát huy vai trò tham mưu, tư vấn cho HĐQT các vấn đề liên quan đến cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, công tác quản trị nguồn nhân lực thuộc thẩm quyền của HĐQT với một số hoạt động nổi bật trong năm 2024, cụ thể:

- Tham gia tư vấn về định hướng mô hình tổ chức và điều hành của Ngân hàng Nam Á, làm cơ sở cho việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức phù hợp với điều kiện và nhu cầu kinh doanh trong từng thời kỳ.
- Tham mưu công tác hoạch định và giám sát việc triển khai chiến lược quản trị nguồn nhân lực của Ngân hàng Nam Á phù hợp với định hướng phát triển kinh doanh của Ngân hàng.
- Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các chính sách, quy chế, quy định, quy trình quản trị nguồn nhân lực hiện hành của Ngân hàng và đề xuất các giải pháp cải tiến phù hợp, kịp thời.
- Tham mưu cho HĐQT trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, tái bổ nhiệm, thôi nhiệm đối với cán bộ quản lý của Ngân hàng và của công ty con thuộc thẩm quyền của HĐQT trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc và/hoặc Chủ tịch công ty con.

3.2 Ủy ban Quản lý rủi ro:

Ủy ban Quản lý rủi ro gồm 06 thành viên, với vai trò giúp HĐQT giám sát, quản lý rủi ro trong quá trình hoạt động, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, phục vụ tốt nhất cho nhu cầu kinh doanh an toàn, hiệu quả. Năm 2024, Ủy ban Quản lý rủi ro đã hoàn thành tốt các chức năng, nhiệm vụ theo quy định, tập trung các nội dung chính sau:

- Chỉ đạo giám sát chặt chẽ rủi ro công nghệ thông tin, rủi ro không gian mạng, rủi ro kỹ thuật số, rủi ro gian lận để đảm bảo mục tiêu phát triển “ngân hàng số” một cách bền vững và an toàn.
- Tham mưu HĐQT triển khai xây dựng khung quản lý rủi ro tại Ngân hàng Nam Á tích hợp các yếu tố quản lý rủi ro môi trường, xã hội, quản trị doanh nghiệp (ESG). Giám sát, chỉ đạo việc xây dựng chính sách quản lý rủi ro ESG tại Ngân hàng Nam Á.
- Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các chính sách, quy chế, quy định, quy trình quản lý rủi ro của Ngân hàng Nam Á, kiến nghị HĐQT điều chỉnh, thay đổi phù hợp, kịp thời.
- Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

4. Đánh giá hiệu quả làm việc của thành viên HĐQT:

Nhận được sự tin nhiệm của ĐHCĐ, HĐQT đã luôn nỗ lực trong công tác quản trị điều hành, kịp thời đưa ra các quyết sách phù hợp với thị trường nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á bền vững, ổn định, hiệu quả, góp phần kiến tạo giá trị cho cổ đông, khách hàng và xã hội. Không chỉ vậy, các thành viên HĐQT còn thể hiện sự cam kết mạnh mẽ trong việc hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược, đưa thương hiệu Ngân hàng Nam Á vào nhóm các ngân hàng thương mại hàng đầu tại Việt Nam. HĐQT mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ, đồng hành từ Quý Cổ đông để hoàn thành thắng lợi sứ mệnh, nhiệm vụ được giao trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ.

Hiệu quả làm việc của thành viên HĐQT trong năm 2024 được nhận định như sau:

- Tất cả thành viên HĐQT Ngân hàng Nam Á đều đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện đảm nhiệm chức vụ và trình độ chuyên môn theo quy định của pháp luật hiện hành; đồng thời đều là người có tư cách đạo đức tốt, đảm bảo không để xảy ra những vấn đề tiêu cực, gây mất uy tín cho HĐQT nói riêng cũng như cho Ngân hàng Nam Á nói chung.
- Với trình độ chuyên môn vững vàng, kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, tất cả các thành viên HĐQT đều thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, có ý thức tuân thủ pháp luật và hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà Quý Cổ đông giao phó thông qua kết quả thực hiện các nội dung tại Nghị quyết ĐHĐCĐ hàng năm.

5. Đánh giá hiệu quả làm việc của thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Năm 2024, Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao độ, quyết liệt trong việc thực thi kế hoạch kinh doanh và triển khai có hiệu quả định hướng chiến lược HĐQT đã đề ra. Điều này góp phần giúp Ngân hàng Nam Á đạt kết quả kinh doanh ấn tượng, hoàn thành tất cả các chỉ tiêu tài chính trọng yếu do ĐHĐCĐ giao. Song song đó, công tác quản trị rủi ro và xử lý nợ xấu luôn được quan tâm triển khai và đạt được kết quả tích cực.

Hiệu quả làm việc của thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2024 được nhận định như sau:

- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc, thành viên Ban Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng Nam Á.
- Thực hiện đầy đủ các định hướng, chỉ đạo của HĐQT thông qua các Nghị quyết, Quyết định và các cuộc họp thường kỳ, đột xuất giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

6. Kết quả đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT và hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập:

6.1 Đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập đối với hoạt động của HĐQT:

Trong năm 2024, HĐQT đã hoạt động tích cực, hiệu quả với tinh thần trách nhiệm cao; chủ động, kịp thời ban hành các Nghị quyết, Quyết định nhằm triển khai hiệu quả Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, cụ thể:

- Các thành viên HĐQT đã tích cực, nỗ lực thực hiện nhiệm vụ được giao một cách cẩn trọng, trung thực, góp phần thành công vào kết quả kinh doanh năm 2024 của Ngân hàng Nam Á.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Ủy ban/Hội đồng được phân công; thống nhất thông qua các vấn đề nêu tại cuộc họp/dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- Hoàn thành nhiệm vụ, quyền hạn, vai trò của các vị trí đảm nhiệm theo phân công của HĐQT.
- Báo cáo, công bố thông tin đầy đủ, kịp thời các nội dung theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng Nam Á.

6.2 Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập:

- Cùng các thành viên HĐQT chỉ đạo, giám sát Ban điều hành triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Hoàn thành tốt vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng Nam Á, phân công của HĐQT.
- Tham gia các cuộc họp của Ủy ban Quản lý rủi ro và đưa ra các kiến nghị, chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro tại Ngân hàng Nam Á.

II. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ NĂM 2025:

1. Định hướng hoạt động của HĐQT trong năm 2025:

- Tập trung nguồn lực, chuẩn hóa danh mục sản phẩm dịch vụ phù hợp với nhu cầu thị trường, gắn liền với chiến lược số hóa và xanh hóa hướng đến việc khẳng định tính bền vững, tính chuyên nghiệp, tính khác biệt của thương hiệu Ngân hàng Nam Á.
- Tham gia có trách nhiệm vào thị trường tài chính quốc tế bằng việc thành lập các điểm kinh doanh, văn phòng đại diện tại các thị trường chuẩn mực hàng đầu thế giới; tăng cường thiết lập mối quan hệ hợp tác với các định chế tài chính toàn cầu nhằm khai thác tối đa cơ hội kinh doanh từ những khách hàng tiềm năng mới, đặc biệt là nhóm khách hàng kiều bào và nhóm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
- Đầu tư, nâng cấp, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin nhằm đảm bảo tính tiên phong, sẵn sàng và thông suốt của hệ thống để đáp ứng có hiệu quả các tính năng của sản phẩm dịch vụ được triển khai trên nền tảng số cũng như để nâng cao hiệu suất lao động trong quá trình vận hành, tác nghiệp của các Đơn vị.
- Nghiên cứu, triển khai công cụ siêu thị tài chính nhằm đảm bảo thực hiện thành công mô hình tài chính toàn diện dành cho hệ khách hàng bền vững, ổn định, có nhu cầu sử dụng đa dạng các dịch vụ tài chính ngân hàng.
- Hình thành các liên minh chiến lược giữa Ngân hàng Nam Á với các công ty tài chính, bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản, chuỗi bán lẻ nhằm mở rộng thị trường, khai thác khách hàng trong cùng hệ sinh thái để cung ứng sản phẩm dịch vụ.
- Tiếp tục nâng cấp và cải tiến hệ thống kênh phân phối truyền thống theo hướng chuẩn mực, đẳng cấp, kết hợp với chuẩn hóa hệ thống kênh phân phối hiện đại đảm bảo tiện ích, an toàn nhằm phục vụ cho tất cả phân khúc khách hàng cá nhân và doanh nghiệp.
- Quản trị nghiệp vụ tín dụng theo định hướng tập trung và an toàn, số hóa việc phê duyệt và giải ngân; củng cố hệ thống chính sách, giải pháp kiểm soát và xử lý nợ; củng cố và nâng cao năng lực quản trị rủi ro của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Tái cấu trúc và tổ chức lại bộ máy theo hướng tinh gọn và chuyên nghiệp. Tách biệt rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, giảm bớt tầng lớp trung gian và tăng tính hiệu quả, trách nhiệm của nhân sự đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo, quản lý.
- Củng cố và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt quan tâm đến công tác quy hoạch đội ngũ lãnh đạo chủ chốt từ cấp Khu vực, Đơn vị kinh doanh và các Đơn vị tại Hội sở.
- Chuẩn hóa công tác đào tạo theo hướng đồng bộ, chất lượng, hiệu quả trên cơ sở rà soát và cập nhật chương trình đào tạo phù hợp với bối cảnh kinh doanh; củng cố và phát huy năng lực của đội ngũ giảng viên nội bộ.
- Tích cực củng cố, xây dựng, bồi đắp một cách sâu rộng các giá trị văn hóa đặc trưng của Ngân hàng Nam Á thông qua việc xây dựng môi trường làm việc văn minh và

chuyên nghiệp, an toàn và minh bạch cùng tinh thần gắn kết lâu dài giữa Ngân hàng Nam Á và người lao động.

- Tăng cường vai trò và hoạt động của các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT trong việc tham mưu, giám sát các lĩnh vực chuyên môn như: tín dụng, đầu tư, kinh doanh tiền tệ, quản lý rủi ro, nhân sự, công nghệ thông tin.
- Tiếp tục tăng vốn điều lệ theo kế hoạch đến năm 2025 (theo Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu Ngân hàng Nam Á giai đoạn 2021 – 2025), đồng thời xem xét việc tìm kiếm các đối tác chiến lược uy tín trong và ngoài nước nhằm nâng cao năng lực tài chính và năng lực quản trị điều hành.

2. Định hướng kinh doanh trong năm 2025:

Nền kinh tế năm 2025 được nhận định sẽ có nhiều khởi sắc, tuy nhiên vẫn còn nhiều thách thức mới từ ảnh hưởng vĩ mô sẽ tác động đến tính ổn định của ngành tài chính – ngân hàng. Trong bối cảnh đó, căn cứ vào các mục tiêu của Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu Ngân hàng Nam Á giai đoạn 2021 – 2025 đã được phê duyệt, và tình hình môi trường kinh doanh trong và ngoài nước, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025 như sau:

- Tổng tài sản: đạt 270.000 tỷ đồng, tăng trưởng 10% so với năm 2024.
- Huy động vốn cá nhân, tổ chức kinh tế và phát hành giấy tờ có giá: đạt 209.000 tỷ đồng, tăng trưởng 17% so với năm 2024.
- Dự nợ cho vay cá nhân và tổ chức kinh tế: đạt 194.000 tỷ đồng, tăng trưởng 16% so với năm 2024 đồng thời đảm bảo tỷ lệ tăng trưởng tín dụng phù hợp quy định của NHNN trong năm 2025.
- Kiểm soát tỷ lệ nợ xấu không vượt quá 2,5%.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: đạt 5.000 tỷ đồng (mức lợi nhuận này được tính toán trên cơ sở tăng trưởng tín dụng đạt được mức kế hoạch đề ra và phù hợp quy định NHNN; đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định hiện hành của NHNN; điều kiện kinh tế vĩ mô ổn định). Ngoài ra, nhằm khuyến khích các đơn vị hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận được giao, kính trình ĐHĐCĐ thông qua chính sách trích 20% phần lợi nhuận trước thuế hợp nhất vượt kế hoạch để động viên, khích lệ cán bộ nhân viên Ngân hàng Nam Á, được hạch toán vào chi phí nhân sự trong hoạt động của ngân hàng.

III. ĐỀ XUẤT

Kính trình ĐHĐCĐ thảo luận, đóng góp ý kiến, thông qua toàn bộ nội dung tại báo cáo này, đồng thời giao và ủy quyền cho HĐQT toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc triển khai, thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm, bao gồm:

- Xem xét điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp theo tình hình thực tế;
- Thông qua phương án kinh doanh trong từng trường hợp cụ thể;
- Quyết định lựa chọn triển khai hợp tác kinh doanh với các đối tác, định chế tài chính trong và ngoài nước;
- Đối với kế hoạch kinh doanh của năm tài chính tiếp theo, cho đến khi được ĐHĐCĐ thường niên chính thức thông qua, HĐQT được chủ động phê duyệt, triển khai thực

hiện trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc phù hợp với bối cảnh kinh doanh và quy định pháp luật.

- Thực hiện các công việc cần thiết có liên quan trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng Nam Á;

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Ngân hàng Nam Á;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Trần Ngô Phúc Vũ

Số: 12/2025/BC-NHNA-03

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 & KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Ngân hàng TMCP Nam Á (Ngân hàng Nam Á) đã được kiểm toán;
- Căn cứ vào tình hình thực tế của Ngân hàng Nam Á cũng như dự kiến những biến động của kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam trong năm 2025.

Năm 2024, nền kinh tế thế giới đang trên đà phục hồi nhưng tốc độ còn chậm, với mức tăng trưởng chỉ đạt 2,7% - 3,2%. Các cuộc xung đột giữa các cường quốc trên các mặt kinh tế, chính trị, quân sự tiếp tục leo thang đã làm ảnh hưởng đến tính ổn định của nền kinh tế toàn cầu. Vượt qua những bất ổn của tình hình chung của thế giới, kinh tế Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng GDP hơn 7%; lạm phát được kiểm soát dưới 4%; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt mốc lịch sử mới với khoảng 800 tỷ USD.

Ngành ngân hàng luôn chủ động bám sát diễn biến nền kinh tế trong và ngoài nước để triển khai đồng bộ các giải pháp tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, tăng trưởng tín dụng ngành đạt 15,08% so với năm 2023. Dù gặp thách thức từ nợ xấu gia tăng và biến động kinh tế nhưng ngành vẫn duy trì triển vọng phát triển tích cực, ghi nhận lợi nhuận đạt mức kỷ lục và đảm bảo an toàn hệ thống. Khuôn khổ pháp lý, cơ chế, chính sách cho hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt và hoạt động ngân hàng số tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện, ứng dụng công nghệ mới và đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thanh toán.

Trước những thách thức mà nền kinh tế toàn cầu nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng đang phải đối mặt, Ngân hàng Nam Á đã biến thách thức thành cơ hội, phát huy tối đa và có hiệu quả nguồn lực của hệ thống trên cơ sở ứng dụng triệt để công nghệ thông tin và quản trị rủi ro hiệu quả để hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao trong năm 2024. Ban Điều hành xin báo cáo ĐHĐCĐ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2025, chi tiết như sau:

PHẦN 1: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2024

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH ĐHĐCĐ GIAO NĂM 2024

- **Tổng tài sản đạt 245.129 tỷ đồng, tăng 35.233 tỷ đồng** so với đầu năm, tương ứng với mức tăng **17%** và hoàn thành **106%** kế hoạch. Trong đó, tỷ trọng tài sản có sinh lời chiếm **98%**.
- **Huy động vốn từ cá nhân, tổ chức kinh tế và phát hành giấy tờ có giá đạt 178.341 tỷ đồng, tăng 14.453 tỷ đồng** so với đầu năm, tương ứng với mức tăng **9%** và hoàn thành **100%** kế hoạch.

- **Dư nợ cho vay cá nhân, tổ chức kinh tế đạt 167.738 tỷ đồng, tăng 26.300 tỷ đồng** so với đầu năm, tương ứng với mức tăng **19%** và hoàn thành **105%** kế hoạch. Chất lượng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ với tỷ lệ nợ xấu là **2,33%**.
- **Lợi nhuận trước thuế (hợp nhất) đạt mức 4.545 tỷ đồng, tăng 38%** so với năm 2023 và hoàn thành **114%** kế hoạch. Dự phòng rủi ro được trích lập đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.
- **Các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động** luôn được giám sát chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024, Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, Thông tư số 22/2019/TT-NHNN và Thông tư điều chỉnh liên quan, cụ thể:
 - + Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất là **12,66%**, cao hơn mức tối thiểu quy định 8%.
 - + Tỷ lệ dự trữ thanh khoản là **23,42%**, cao hơn mức tối thiểu quy định 10%.
 - + Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn là **22,33%**, đảm bảo không vượt mức tối đa quy định 30%.
 - + Giới hạn đầu tư, góp vốn, mua cổ phần là **4,06%** đảm bảo không vượt mức tối đa quy định 40%.
 - + Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi là **76,98%**, đảm bảo không vượt mức tối đa quy định 85%.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM

- Năm 2024, Ngân hàng Nam Á chính thức được nâng xếp hạng theo Thông tư 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lên hạng A, đây là mức xếp hạng cao nhất trong thang điểm đánh giá, khẳng định Ngân hàng Nam Á có hệ thống quản trị rủi ro tốt, tài chính phát triển bền vững và ổn định.
- Ngân hàng Nam Á đã chính thức đưa cổ phiếu Ngân hàng Nam Á giao dịch trên sàn HOSE (Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh). Đây là bước ngoặt quan trọng trong hành trình phát triển, giúp ngân hàng nâng cao vị thế, khẳng định tính minh bạch, gia tăng giá trị cho cổ đông và sự phát triển bền vững trên thị trường.
- Moody's đã nâng bậc xếp hạng tín nhiệm của Ngân hàng Nam Á ở 02 hạng mục là chất lượng tài sản từ B3 lên B2 và hạng mục lợi nhuận cùng các chỉ số về khả năng sinh lời từ B2 lên B1. Đồng thời xếp hạng tổ chức phát hành ở mức B2 với triển vọng “ổn định”.
- Hoàn thành dự án chuyển đổi Báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRS, đánh dấu cột mốc quan trọng trong việc nỗ lực tiên phong chuẩn bị sẵn sàng áp dụng chuẩn mực quản trị tài chính quốc tế theo quy định.
- Công tác phát triển tín dụng xanh là một trong những hoạt động trọng tâm Ngân hàng Nam Á tích cực triển khai: (i) Hoàn thành bàn giao giao phẩm hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội ESMS, đánh dấu bước đệm quan trọng trong việc thực hiện và hoàn thiện các trụ cột để tiến tới Ngân hàng Xanh cấp độ 5; (ii) Hoàn thành Báo cáo phát triển bền vững.

- Hoàn thành việc khai trương và đưa vào hoạt động 05 Chi nhánh, 03 Phòng giao dịch mở mới, nâng tổng số điểm kinh doanh lên 148 điểm. Ngoài ra, hệ sinh thái Onebank cũng được mở rộng với 114 điểm Onebank và phủ sóng khắp các vùng kinh tế trọng điểm trong cả nước.
- Công tác phát triển đội ngũ nhân sự tiếp tục được kiện toàn, phân công phân nhiệm minh bạch, ban hành thông báo định biên nhân sự kênh phân phối, đồng thời chú trọng công tác nâng cao chất lượng nhân sự, đảm bảo nguồn lực đáp ứng chiến lược kinh doanh.
- Tổ chức thành công chuỗi sự kiện và chương trình thi đua “Chào mừng 32 năm thành lập Nam A Bank” vừa thúc đẩy hoạt động kinh doanh vừa lan tỏa văn hóa doanh nghiệp đề cao tinh thần đoàn kết.
- Các giải thưởng nổi bật Ngân hàng Nam Á đã đạt được: “Ngân hàng Xanh tốt nhất Việt Nam 2024” do tạp chí Global Brands Magazines trao tặng; Top 10 Doanh Nghiệp Tiêu Biểu ASEAN 2024; “Ngân Hàng Quản Trị Rủi Ro Tốt Nhất Việt Nam 2024”; “Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam 2024”; “Hệ sinh thái ngân hàng số sáng tạo nhất Việt Nam 2024”; “Open Banking sáng tạo nhất Việt Nam 2024”; Open Banking by Nam A Bank là “Sản phẩm công nghệ và chuyển đổi số tiêu biểu”; “Ngân hàng tiêu biểu về Tín dụng Xanh” và “Ngân hàng bán lẻ tiêu biểu” do Diễn đàn ngân hàng Bán lẻ Việt Nam 2024 trao tặng; "Nơi làm việc tốt nhất Châu Á 2024" và "Nơi làm việc có chế độ chăm sóc nhân viên tốt nhất 2024" do HR Asia trao tặng; Giải thưởng “Chuyển đổi số Việt Nam 2024” (Vietnam Digital Award 2024) do Hội Truyền thông số Việt Nam trao tặng.

Kết lại: Kết thúc năm tài chính 2024, dù vẫn còn rất nhiều khó khăn và thách thức nhưng với tiềm năng nội lực và sự đồng lòng từ các cấp, Ngân hàng Nam Á đã có kết quả kinh doanh rất ấn tượng, các chỉ tiêu vượt kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể: (i) Tổng tài sản đạt 106% kế hoạch; (ii) Huy động vốn đạt 100% kế hoạch; (iii) Cho vay đạt 105% kế hoạch; (iv) Lợi nhuận trước thuế đạt 114% kế hoạch, bên cạnh đó chất lượng tín dụng luôn được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước (NHNN).

PHẦN 2: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2025

Kinh tế thế giới năm 2025 được dự báo tăng trưởng ổn định nhưng phải đối mặt với nhiều thách thức từ đầu tư yếu, nợ công cao, căng thẳng địa chính trị và bảo hộ thương mại vẫn hiện hữu. Kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng với mục tiêu được Chính phủ đề ra là 8%. Trong đó giải ngân đầu tư công được kỳ vọng là động lực chính hỗ trợ tăng trưởng bên cạnh xuất khẩu và phát triển công nghệ số.

Năm 2025 được xem là “năm bản lề” của giai đoạn 2025 – 2030, là cơ hội để Ngân hàng Nam Á củng cố nội lực, khắc phục những hạn chế, cải thiện bản thân, nâng cấp chính mình để đủ sức cho một hành trình tiếp theo đầy thách thức, đó là chuyển hải trình của **một kỷ nguyên phát triển**. Ban Lãnh đạo định hướng điều hành trong năm 2025 tập trung tái cấu trúc hệ thống và tổ chức được gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa ba yếu tố **chiến lược - cơ chế - con người**, nỗ lực hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh năm 2025. Theo đó, một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trọng yếu trong năm 2025 được xây dựng và báo cáo như sau:

I. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

- Tổng tài sản đạt **270.000 tỷ đồng**, tăng 10% so với năm 2024.
- Huy động vốn cá nhân, tổ chức kinh tế và phát hành giấy tờ có giá đạt **209.000 tỷ đồng**, tăng 17% so với năm 2024.
- Dự nợ cho vay cá nhân, tổ chức kinh tế đạt **194.000 tỷ đồng**, tăng 16% so với năm 2024.
- Tỷ lệ nợ xấu **không vượt quá 2,5%**
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt **5.000 tỷ đồng**, tăng 10% so với năm 2024.
- Đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo đúng quy định.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Để hoàn thành các mục tiêu kế hoạch trọng yếu trong năm 2025, Ngân hàng Nam Á định hướng và đề ra các giải pháp trọng tâm để triển khai thực hiện như sau:

1. Kiên định với mục tiêu **quản trị điều hành theo hướng minh bạch**, tuân thủ quy định pháp luật, định hướng của NHNN và tiệm cận với thông lệ quốc tế. Đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp để **hoàn thành mục tiêu Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025** đã được NHNN thông qua.
2. Kiên trì với mục tiêu phát triển bền vững theo chiến lược “Số hóa” và “Xanh hóa” khẳng định tính khác biệt của thương hiệu Ngân hàng Nam Á thông qua yếu tố “số” và “xanh”.
3. Phát triển kinh doanh song hành với việc nâng cấp cốt lõi cơ sở hạ tầng công nghệ theo hướng “**hiện đại, tập trung và sẵn sàng kết nối**”. Sẵn sàng công tác chuyển đổi, nâng cấp hệ thống cùng với việc tích hợp các giải pháp công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo phục vụ **chuyển đổi số trong “vận hành – kinh doanh – giám sát”**.
4. Khẳng định chiến lược “**Tài chính số**”, tiếp tục phát triển siêu thị tài chính trên nền tảng số hóa, xây dựng các sản phẩm dịch vụ mang tính cá nhân hóa, gia tăng tỷ lệ khách hàng sử dụng công nghệ số.
5. Xây dựng các liên minh chiến lược giữa Ngân hàng Nam Á và các đối tác để tạo dựng hệ sinh thái nhằm phát triển hệ khách hàng và tăng doanh thu hoạt động.
6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào công tác đánh giá rủi ro, kiểm soát hiệu quả đối với các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng và đối tác. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, định hướng hệ thống, nâng cao tính tuân thủ và chuẩn mực đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả, mang lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng và cổ đông.
7. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, thực hiện giải pháp kéo giảm nợ quá hạn, tăng cường các giải pháp xử lý nợ xấu nhằm cải thiện các chỉ số hiệu quả và an toàn trong hoạt động.
8. Kiên định với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, chú trọng tăng trưởng cao hoạt động dịch vụ, cải thiện giá vốn thông qua việc tăng trưởng CASA và đẩy mạnh tăng trưởng USD. Cải thiện chất lượng nguồn vốn, giảm chi phí đầu vào, tạo điều kiện cho tăng trưởng bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh.
9. Tiếp tục triển khai tái cấu trúc tổ chức bộ máy và chất lượng nguồn nhân lực, theo hướng **tinh gọn, chuyên nghiệp, nâng cao hiệu suất công việc**, xây dựng đội ngũ nhân sự trẻ

am hiểu công nghệ và chuyên môn cao. Thiết lập đội ngũ nhân sự kế thừa đủ “**Tâm**” và đủ “**Tầm**”.

10. Tích cực bồi đắp các giá trị văn hóa doanh nghiệp một cách sâu rộng, kết nối văn hóa doanh nghiệp với chiến lược điều hành, thúc đẩy gia tăng năng suất lao động.

Kết luận: Ngân hàng Nam Á đã xuất sắc chinh phục thành công những mục tiêu đầy thách thức của năm tài chính 2024. Thành quả này đã tạo thêm niềm tin vững chắc và là nền tảng để ngân hàng bước vào năm kế hoạch 2025. Trước những thách thức của môi trường kinh tế trong và ngoài nước, sự cạnh tranh trong ngành ngày càng cao, bằng sự quyết tâm, đoàn kết của toàn thể cán bộ nhân viên cùng sự ủng hộ của Quý Cổ đông, HĐQT và sự hỗ trợ của NHNN, Ngân hàng Nam Á hoàn toàn tự tin thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch năm 2025 đề ra.

Qua đây, chúng tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý Cổ đông đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng Ngân hàng Nam Á trong suốt thời gian qua. Để khẳng định niềm tin đó, Ngân hàng Nam Á sẽ tiếp tục phấn đấu, tiến đến mục tiêu trở thành ngân hàng thương mại uy tín hàng đầu, có quy mô thương mại thuộc nhóm các ngân hàng lớn nhất Việt Nam.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Ngân hàng Nam Á;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: P.KHTC, VPTGD, VPHĐQT

QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC

(*đã ký*)

Trần Khải Hoàn

Số: 12/2025/BCBKS-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ
KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á số 21/2024/QĐBKS-NHNA ngày 12/8/2024;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Nam Á (Ngân hàng Nam Á);
- Căn cứ kết quả thẩm tra của Ban kiểm soát về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á năm 2024.

Ban kiểm soát kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 về hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) và kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2024 của Ngân hàng Nam Á như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- Giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng Nam Á trong việc quản trị, điều hành ngân hàng.
- Giám sát việc thực hiện các quy định của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) liên quan đến: các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, giám sát việc chấp hành các điều luật, phân loại tài sản có, trích lập dự phòng rủi ro, giám sát các hoạt động kinh doanh chủ yếu. Qua đó, có kiến nghị đề xuất chấn chỉnh các thiếu sót phát sinh (nếu có).
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ.
- Thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng Nam Á, Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ, Hội đồng quản trị (HĐQT) và quy định nội bộ của Ngân hàng Nam Á.
- Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và năm 2024 do tổ chức kiểm toán độc lập Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.
- Ban hành quy định nội bộ của BKS. Định kỳ hàng năm, xem xét lại quy định nội bộ của BKS, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.

- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp cùng HĐQT và các cuộc họp khác của Ngân hàng Nam Á định kỳ hàng quý hoặc đột xuất theo thư mời (nếu có).
- Thực hiện lưu giữ và cập nhật danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc theo quy định.
- Thực hiện các hoạt động khác theo yêu cầu của NHNN, Cơ quan thanh tra giám sát, quy định nội bộ, v.v.

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024:

- BKS thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2024 của Ngân hàng Nam Á, thống nhất số liệu với báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Các số liệu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2024 của Ngân hàng Nam Á đã phản ánh tình hình hoạt động tài chính, trên các khía cạnh trọng yếu là hợp lý, hợp pháp, trung thực, phù hợp với các quy định hiện hành về chế độ kế toán tài chính theo quy định của pháp luật.
- Xác nhận phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 trình ĐHĐCĐ, tính toán đúng theo quy định của Nhà nước và Điều lệ của Ngân hàng Nam Á.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NGÀY 29/3/2024:

1. Về thực hiện kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2024:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện đến 31/12/2024	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1	Tổng tài sản	232.000	245.129	106%
2	Huy động TCKT&DC và GTCG	178.000	178.341	100%
3	Dư nợ cho vay cá nhân và TCKT	160.000	167.738	105%
4	Lợi nhuận trước thuế	4.000	4.545	114%
5	Tỷ lệ nợ xấu	≤ 3%	Hoàn thành mục tiêu kiểm soát nợ xấu năm 2024	

DVT: tỷ đồng

2. Về việc chọn Công ty Kiểm toán độc lập:

- HĐQT đã thống nhất chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ, kiểm toán Báo cáo tài chính, kiểm toán hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ đối với nội dung đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Ngân hàng Nam Á năm 2025.

3. Về ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm tài chính 2024:

- Ngân sách hoạt động (thù lao, thưởng, các lợi ích và chi phí khác) của HĐQT, BKS được sử dụng hợp lý, hiệu quả đảm bảo không vượt quy định theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đã thông qua ngày 29/3/2024.

4. Về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng Nam Á và ngành nghề kinh doanh tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, Ngân hàng Nam Á đã thông qua Điều lệ Ngân hàng Nam Á ngày 29/7/2024 và có hiệu lực ngày 12/8/2024 phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật, đồng thời đã báo cáo NHNN theo đúng quy định.

5. Về việc tăng vốn điều lệ:

- Ngân hàng Nam Á đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ mức 10.580.416.150.000 đồng (*Mười nghìn năm trăm tám mươi tỷ, bốn trăm mười sáu triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*) lên 13.725.505.530.000 đồng (*Mười ba nghìn bảy trăm hai mươi lăm tỷ, năm trăm lẻ năm triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng*) bằng hình thức phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tương ứng với mức vốn điều lệ tăng thêm là 2.645.089.380.000 đồng (*Hai nghìn sáu trăm bốn mươi lăm tỷ, không trăm tám mươi chín triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng*) và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, tương ứng với mức vốn điều lệ tăng thêm là 500.000.000.000 đồng (*Năm trăm tỷ đồng*).
- Hiện nay, Ngân hàng Nam Á đang trong quá trình thực hiện thủ tục sửa đổi mức vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động với NHNN theo đúng trình tự, quy định của pháp luật hiện hành.

6. Về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ:

- Ngân hàng Nam Á đang trong quá trình xúc tiến tìm kiếm đối tác, chưa thực hiện phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ được.

7. Về việc niêm yết trái phiếu Ngân hàng Nam Á phát hành ra công chúng:

- Ngân hàng Nam Á đang trong quá trình chuẩn bị hồ sơ, triển khai việc phát hành trái phiếu ra công chúng, dự kiến sẽ tiếp tục thực hiện trong năm 2025.

8. Về việc góp vốn, mua cổ phần:

- Tính đến ngày 31/12/2024, tổng mức góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng Nam Á vào các doanh nghiệp, bao gồm cả mức vốn cấp, vốn góp vào các công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng Nam Á là 4,06% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của Ngân hàng Nam Á, đảm bảo không vượt mức quy định tối đa 40% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của Ngân hàng Nam Á.

9. Về chủ trương tham gia tái cơ cấu Quỹ tín dụng nhân dân:

- Do điều kiện chưa thuận lợi, Ngân hàng Nam Á chưa thực hiện.

10. Về việc phát triển mạng lưới kinh doanh ra thị trường quốc tế:

- Do điều kiện chưa thuận lợi, Ngân hàng Nam Á chưa thực hiện.

Kết lại: Năm 2024, thương mại toàn cầu bắt đầu phục hồi, tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2024 đạt khoảng 3,2%. Kinh tế Việt Nam cũng vậy, tốc độ tăng GDP đạt khoảng 7,09% so với năm trước. Việt Nam được xem như ngôi sao tăng trưởng Đông Nam Á với xu hướng phục hồi tốt với mức tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước.

Trước những khó khăn chung của nền kinh tế và của ngành Ngân hàng, Ngân hàng Nam Á đã nỗ lực vượt qua khó khăn, hoàn thành các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ giao trong năm 2024, khẳng định hướng đi đúng đắn và hiệu quả trong lộ trình phát triển của ngân hàng.

Trên đây là báo cáo hoạt động của BKS và kết quả thẩm tra hoạt động kinh doanh năm 2024 của Ngân hàng Nam Á, đánh giá tình hình quản trị, điều hành của HĐQT và Ban điều hành.

IV. KIẾN NGHỊ:

1. Kính đề nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 xem xét, thông qua các báo cáo của HĐQT và Tổng Giám đốc đã báo cáo tại ĐHĐCĐ về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024, Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2025.
2. Kính đề nghị HĐQT và Tổng Giám đốc tiếp tục phát huy công tác quản trị, điều hành phù hợp với xu hướng mới của NHNN, đưa Ngân hàng Nam Á hoạt động an toàn, bền vững và hiệu quả.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Ngân hàng Nam Á;
- HĐQT;
- TGD;
- Lưu: BKS, VP. HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

(đã ký)

Nguyễn Vĩnh Lợi

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 80



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số 0026/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp ngày 22 tháng 8 năm 1992, Giấy phép Thành lập số 463/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 1992 và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300872315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 1 tháng 9 năm 1992, thay đổi lần thứ 45 vào ngày 3 tháng 8 năm 2023. Giấy phép Hoạt động của Ngân hàng có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm hoạt động huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn với các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi; tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển, vay vốn các tổ chức tín dụng khác; cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá; hùn vốn và liên doanh; làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế, huy động vốn từ nước ngoài và dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép; thực hiện hoạt động bao thanh toán; cung ứng dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính, bảo quản tài sản, cho thuê tủ két, két an toàn; mua bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; ủy thác cho vay và nhận ủy thác cho vay; đại lý bảo hiểm; cấp tín dụng dưới hình thức bảo lãnh ngân hàng; hoạt động mua nợ; kinh doanh cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định; kinh doanh mua, bán vàng miếng; cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết thuộc sở hữu của Ngân hàng.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại 201 - 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có một (1) văn phòng đại diện, một (1) trung tâm kinh doanh và một trăm bốn mươi bảy (147) chi nhánh và phòng giao dịch trên toàn quốc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Trần Ngô Phúc Vũ	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Tâm	Phó Chủ tịch thường trực (từ ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Bà Võ Thị Tuyết Nga	Phó Chủ tịch
Ông Trần Khải Hoàn	Thành viên (từ ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Ông Nguyễn Đức Minh Trí	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Đào	Thành viên
Bà Lê Thị Kim Anh	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Nguyễn Vĩnh Lợi	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên
Bà Đỗ Thị Hồng Trâm	Thành viên

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Trần Khải Hoàn	Quyền Tổng Giám đốc (từ ngày 30 tháng 3 năm 2024)
Ông Trần Ngọc Tâm	Tổng Giám đốc (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Ông Trần Khải Hoàn	Phó Tổng Giám đốc thường trực (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Ông Hoàng Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Huy Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vĩnh Tuyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hoàng Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Nguyễn Thúy Vy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Thanh Phong	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 5 tháng 12 năm 2024)
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 5 tháng 12 năm 2024)
Bà Lâm Kim Khôi	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 5 tháng 12 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Mỹ Lan	Giám đốc Khối Tài chính kiêm Kế toán Trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng vào ngày lập báo cáo này là ông Trần Ngô Phúc Vũ, Chủ tịch HĐQT.

Ông Trần Khải Hoàn - Quyền Tổng Giám đốc được ông Trần Ngô Phúc Vũ – Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền ký báo cáo này theo Giấy Ủy quyền số 567A/2024/UQQT-NHNA ngày 9 tháng 4 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng và Công ty con.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và Công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và Công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và Công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và Công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và Công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và Công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông Trần Khải Hoàn
Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Số tham chiếu: 60758135/68418664-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á (“Ngân hàng”) và Công ty con được lập ngày 28 tháng 2 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 80, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và Công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và Công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và Công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và Công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Vũ Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2025-004-1



Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3847-2021-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm Triệu đồng</i>
TÀI SẢN			
Tiền mặt và vàng	4	1.148.489	1.132.969
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	13.632.932	16.268.047
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác		36.809.783	22.591.302
Tiền gửi tại các TCTD khác	6.1	36.519.898	20.801.417
Cho vay các TCTD khác	6.2	289.885	1.789.885
Các công cụ tài chính phái sinh và tài sản khác	7	-	39.455
Cho vay khách hàng		165.672.890	139.894.641
Cho vay khách hàng	8	167.737.997	141.438.441
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9.1	(2.065.107)	(1.543.800)
Chứng khoán đầu tư		20.841.857	24.068.777
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	10.1	10.289.877	13.110.808
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	10.2	10.566.774	10.976.814
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	10.4	(14.794)	(18.845)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	142.759	85.320
Đầu tư dài hạn khác		224.011	85.320
Dự phòng đầu tư dài hạn		(81.252)	-
Tài sản cố định		2.188.108	1.586.997
Tài sản cố định hữu hình	12	1.528.846	901.069
<i>Nguyên giá tài sản cố định</i>		2.307.181	1.554.014
<i>Khấu hao tài sản cố định</i>		(778.335)	(652.945)
Tài sản cố định thuê tài chính	13	79.745	104.336
<i>Nguyên giá tài sản cố định</i>		159.317	158.913
<i>Khấu hao tài sản cố định</i>		(79.572)	(54.577)
Tài sản cố định vô hình	14	579.517	581.592
<i>Nguyên giá tài sản cố định</i>		755.607	744.439
<i>Hao mòn tài sản cố định</i>		(176.090)	(162.847)
Bất động sản đầu tư	15	30.439	15.971
Nguyên giá bất động sản đầu tư		30.439	15.971
Tài sản Có khác		4.661.726	4.212.760
Các khoản phải thu	16.1	919.497	1.466.711
Các khoản lãi, phí phải thu	16.2	3.001.116	2.076.285
Tài sản Có khác	16.3	780.289	702.787
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	16.4	(39.176)	(33.023)
TỔNG TÀI SẢN		245.128.983	209.896.239

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm Triệu đồng</i>
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN Việt Nam	17	2.577.611	345
Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN		2.577.611	345
Tiền gửi và vay các TCTD khác		39.196.315	24.021.674
Tiền gửi của các TCTD khác	18.1	37.715.294	22.816.967
Vay các TCTD khác	18.2	1.481.021	1.204.707
Tiền gửi của khách hàng	19	158.334.003	145.428.945
Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả khác		6.768	-
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	20	1.076.174	1.066.465
Phát hành giấy tờ có giá	21	20.006.940	18.458.868
Các khoản nợ khác		4.642.639	5.678.150
Các khoản lãi, phí phải trả	22.1	3.395.608	4.282.773
Các khoản phải trả và công nợ khác	22.2	1.247.031	1.395.377
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		225.840.450	194.654.447
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn		13.725.604	10.580.866
Vốn điều lệ		13.725.506	10.580.416
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định		10	10
Thặng dư vốn cổ phần		63	415
Vốn khác		25	25
Các quỹ dự trữ		2.174.392	1.447.731
Lợi nhuận chưa phân phối		3.388.537	3.213.195
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	24	19.288.533	15.241.792
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		245.128.983	209.896.239



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02/TCTD-HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm Triệu đồng</i>
Bảo lãnh vay vốn	38	3.658.967	-
Cam kết giao dịch hối đoái	38	8.075.790	14.694.595
- Cam kết giao dịch hoán đổi		8.075.790	12.105.195
- Cam kết mua ngoại tệ		-	2.420.000
- Cam kết bán ngoại tệ		-	169.400
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	38	549.881	6.114.363
Bảo lãnh khác	38	3.656.250	9.847.973
Cam kết khác	38	149.669	-
Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	39	2.312.141	2.019.149
Nợ khó đòi đã xử lý	40	2.508.183	2.674.247
Tài sản và chứng từ khác	41	10.123.872	11.470.531
		31.034.753	46.820.858

Ông Lê Đình Tú
Trưởng phòng Kế toán

Bà Nguyễn Thị Mỹ Lan
Giám đốc Khối Tài chính
kiêm Kế toán Trưởng



Ông Trần Khải Hoàn
Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B03/TCTD-HN

	Thuyết minh	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	26	17.411.707	19.338.340
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	27	(9.473.887)	(12.691.031)
Thu nhập lãi thuần		7.937.820	6.647.309
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		951.804	1.141.500
Chi phí hoạt động dịch vụ		(390.838)	(551.469)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	28	560.966	590.031
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	29	2.807	14.607
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	30	864	-
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	31	123.787	59.287
Thu nhập từ hoạt động khác		467.824	499.520
Chi phí hoạt động khác		(42.027)	(166.581)
Lãi thuần từ hoạt động khác	32	425.797	332.939
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	33	22	38
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		9.052.063	7.644.211
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	34	(3.985.763)	(3.492.455)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		5.066.300	4.151.756
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	9	(520.902)	(847.804)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		4.545.398	3.303.952
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.1	(938.305)	(682.333)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(938.305)	(682.333)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		3.607.093	2.621.619
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	25	2.702	1.937



Ông Lê Đình Tú
Trưởng phòng Kế toán



Bà Nguyễn Thị Mỹ Lan
Giám đốc Khối Tài chính
kiểm Kế toán Trưởng



Ông Trần Khải Hoàn
Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B04/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay Triệu đồng</i>	<i>Năm trước Triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		16.460.416	19.982.045
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(10.346.973)	(11.539.747)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		581.694	537.866
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		122.507	45.593
Lỗ từ hoạt động khác		(41.391)	(165.114)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	32	465.822	496.895
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(3.363.965)	(3.826.059)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	23	(950.901)	(501.892)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động		2.927.209	5.029.587
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Giảm/(tăng) các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác		1.500.000	(1.104.739)
Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		3.230.971	352.279
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		39.455	65.494
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(26.299.556)	(20.238.361)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)		(3.944)	(1.023.708)
Giảm khác về tài sản hoạt động		71.868	1.034.357
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động			
Tăng/(giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN Việt Nam		2.577.266	(267)
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		15.195.082	2.677.578
Tăng tiền gửi của khách hàng		12.905.058	20.435.610
Tăng phát hành giấy tờ có giá		1.548.072	6.075.205
Tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro		9.709	115.235
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		6.768	-
Giảm khác về nợ phải trả hoạt động		(308.806)	(894.055)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		13.399.152	12.524.215

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

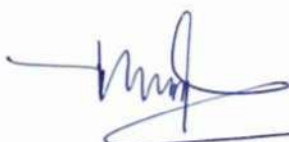
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B04/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay Triệu đồng</i>	<i>Năm trước Triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(669.877)	(581.238)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		1.191	1.191
Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		7.527	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(142.197)	-
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		3.506	-
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	33	22	38
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(799.828)	(580.009)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn cổ phần từ hoạt động góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		499.648	-
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(86)	(226)
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		499.562	(226)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		13.098.886	11.943.980
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	35	38.202.433	26.258.453
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	35	51.301.319	38.202.433



Ông Lê Đình Tú
Trưởng phòng Kế toán



Bà Nguyễn Thị Mỹ Lan
Giám đốc Khối Tài chính
kiểm Kế toán Trưởng



Ông Trần Khải Hoàn
Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B05/TCTD-HN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và hoạt động

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số 0026/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp ngày 22 tháng 8 năm 1992, Giấy phép Thành lập số 463/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 1992 và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300872315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 1 tháng 9 năm 1992, thay đổi lần thứ 45 vào ngày 3 tháng 8 năm 2023. Giấy phép Hoạt động của Ngân hàng có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm hoạt động huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn với các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi; tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển, vay vốn các tổ chức tín dụng khác; cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá; hùn vốn và liên doanh; làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế, huy động vốn từ nước ngoài và dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép; thực hiện hoạt động bao thanh toán; cung ứng dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính, bảo quản tài sản, cho thuê tủ két, két an toàn; mua bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; ủy thác cho vay và nhận ủy thác cho vay; đại lý bảo hiểm; cấp tín dụng dưới hình thức bảo lãnh ngân hàng; hoạt động mua nợ; kinh doanh cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định; kinh doanh mua, bán vàng miếng; cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết thuộc sở hữu của Ngân hàng.

Vốn điều lệ

Số vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 13.725.505.530.000 đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.580.416.150.000 đồng).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại 201 - 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có một (1) văn phòng đại diện, một (1) trung tâm kinh doanh và một trăm bốn mươi bảy (147) chi nhánh và phòng giao dịch trên toàn quốc.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có một (1) công ty con như sau:

Tên công ty	Giấy phép đăng ký kinh doanh số	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á	0304691951 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 19 vào ngày 16 tháng 1 năm 2023	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 5.317 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 5.357 người).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các TCTD Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và Công ty con được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014 và Thông tư 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007, Thông tư 27/2021/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2021, Thông tư 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành và công bố sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và Công ty con theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và các lãnh thổ bên ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007, Thông tư 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành là các khoản mục không có số dư.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng và Công ty con bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và Công ty con là đồng Việt Nam ("VND"). Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu đồng"). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính hợp nhất về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và của Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Ngân hàng thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và Công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa Ngân hàng mẹ và Công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

2.6 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính và dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Ngân hàng và Công ty con sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, ngoại trừ các thay đổi sau:

Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 1 năm 2024 quy định về việc thành lập, tổ chức, hoạt động, can thiệp sớm, giải thể, chấm dứt hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài; việc thành lập, hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; việc xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ. Luật này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2024.

2315-
ANG
CỔ PHẦN
Á
CHI NH

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

Nghị định số 86/2024/NĐ-CP quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu, phải thoái ("Nghị định 86")

Nghị định 86 có hiệu lực từ ngày 11 tháng 7 năm 2024, thay thế các quy định liên quan đến mức trích lập và phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, cùng việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tại Thông tư 11/2021/TT-NHNN ("Thông tư 11"). Ngân hàng đã thực hiện trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro theo quy định của Nghị định 86 trong năm.

Thông tư 31/2024/TT-NHNN ("Thông tư 31") quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Thông tư 31/2024/TT-NHNN ("Thông tư 31") quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực từ ngày 11 tháng 7 năm 2024, thay thế Thông tư 11. Thông tư 31 thay đổi các quy định liên quan đến việc phân loại nợ tại Thông tư 11. Các thay đổi chính của Thông tư 31 ảnh hưởng đến việc ước tính dự phòng như sau: bổ sung nguyên tắc phân loại nợ đối với khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ thư tín dụng, nghiệp vụ mua hân miễn truy đòi bộ chứng từ xuất trình theo thư tín dụng và một số nghiệp vụ khác.

Thông tư 21/2024/TT-NHNN ("Thông tư 21") quy định về nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng.

Thông tư 21 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2024, nghiệp vụ thư tín dụng được coi là một hình thức cấp tín dụng thông qua phát hành, xác nhận, thương lượng thanh toán và hoàn trả thư tín dụng. Các hợp đồng, thỏa thuận liên quan đến nghiệp vụ này ký trước ngày Thông tư 21 có hiệu lực sẽ tiếp tục được thực hiện cho đến khi hết hạn và các nghĩa vụ hoàn thành. Việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn chỉ được thực hiện nếu phù hợp với Thông tư 21.

Thông tư 06/2024/TT-NHNN ("Thông tư 06") ngày 18 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2023/TT-NHNN ("Thông tư 02") ngày 23 tháng 4 năm 2023 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 6 năm 2024.

Thông tư 53/2024/TT-NHNN ("Thông tư 53") ngày 4 tháng 12 năm 2024 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, ngập lụt, lũ, sạt lở đất sau bão số 3. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 4 tháng 12 năm 2024.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và vàng, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các khoản tiền gửi thanh toán, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi, các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.3 Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác

Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác được trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 31 và Nghị định 86 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi không kỳ hạn) và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nêu tại *Thuyết minh số 3.5*.

Theo Nghị định 86, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

Theo Thông tư 31, đối với các khoản cho vay tổ chức tín dụng đang được kiểm soát đặc biệt theo quy định tại khoản 9 Điều 174 Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, Ngân hàng phân loại các khoản vay này vào nhóm nợ đủ tiêu chuẩn và không phải điều chỉnh nhóm nợ theo danh sách khách hàng do Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia Việt Nam thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("CIC") CIC cung cấp.

3.4 Các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày thành một (1) dòng riêng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay tối đa 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay trên 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 31 và Nghị định 86 như trình bày trong *Thuyết minh số 3.5*.

3.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng khác

3.5.1 Phân loại nợ và dự phòng rủi ro tín dụng

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng (gọi chung là "các khoản nợ") được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 31. Theo đó, các khoản nợ được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn. Các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng khác* (tiếp theo)

3.5.1 *Phân loại nợ và dự phòng rủi ro tín dụng* (tiếp theo)

Dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024. Cơ sở xác định giá trị và tỷ lệ khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Nghị định 86.

Việc phân loại nợ và tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ	Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1 Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2 Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn.	5%
3 Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu còn trong hạn; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: <ul style="list-style-type: none">Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 134 Luật các tổ chức tín dụng; hoặcKhoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 135 Luật các tổ chức tín dụng; hoặcKhoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5, 9 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (g) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	20%

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 **Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng khác** (tiếp theo)

3.5.1 Phân loại nợ và dự phòng rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Nhóm nợ	Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
4 Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai còn trong hạn; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (g) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	50%
5 Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (h) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản; hoặc (i) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	100%

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng khác* (tiếp theo)

3.5.1 *Phân loại nợ và dự phòng rủi ro tín dụng* (tiếp theo)

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Trường hợp nợ của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia Việt Nam thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("CIC") cung cấp, Ngân hàng phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của Ngân hàng.

3.5.2 *Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng*

Từ ngày 13 tháng 3 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, Ngân hàng đã áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản nợ đáp ứng các điều kiện của Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 ("Thông tư 01"), Thông tư 03/2021/TT-NHNN ("Thông tư 03") ngày 2 tháng 4 năm 2021 và Thông tư 14/2021/TT-NHNN ("Thông tư 14") ngày 7 tháng 9 năm 2021 do Ngân hàng Nhà nước ban hành quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID - 19.

Từ ngày 24 tháng 4 năm 2023, Ngân hàng đã áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khách hàng gặp khó khăn trả nợ vay phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng và đáp ứng yêu cầu của Thông tư 02/2023/TT-NHNN ("Thông tư 02") ngày 23 tháng 4 năm 2023 và Thông tư 06/2024/TT-NHNN ngày 18 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02 do NHNN ban hành quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 **Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng khác (tiếp theo)**

3.5.2 **Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng (tiếp theo)**

Theo đó, Ngân hàng và Công ty con thực hiện phân loại nợ đối với các khoản nợ áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như sau:

Thời điểm phát sinh khoản nợ	Tình trạng quá hạn	Khoảng thời gian phát sinh quá hạn	Nguyên tắc giữ nguyên nhóm nợ
Trước 1/8/2021	Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 30/3/2020 đến 30/6/2022	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/1/2020 hoặc nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu
Trước 23/1/2020	Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến 29/3/2020	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/1/2020
Từ 23/1/2020 đến 10/6/2020		Từ 23/1/2020 đến 17/5/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày khoản nợ bị chuyển quá hạn
Từ 10/6/2020 đến 1/8/2021		Từ 17/7/2021 đến 7/9/2021	
Trước 24/4/2023	Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 24/4/2023 đến 31/12/2024	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ

Từ ngày 4 tháng 12 năm 2024, theo Thông tư 53/2024/TT-NHNN ("Thông tư 53"), Ngân hàng thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng gặp khó khăn do bão số 4. Chính sách này áp dụng cho khách hàng cá nhân và tổ chức (trừ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) tại 26 tỉnh, thành phố bị ảnh hưởng. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ sẽ được thực hiện dựa trên đề nghị của khách hàng và khả năng tài chính của Ngân hàng:

Thời điểm phát sinh khoản nợ	Tình trạng quá hạn	Khoảng thời gian phát sinh quá hạn	Nguyên tắc giữ nguyên nhóm nợ
Trước 7/9/2024	Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 7/9/2024 đến 31/12/2025	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ

Đối với các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, được miễn, giảm lãi và/hoặc phí và giữ nguyên nhóm nợ, nếu quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại và không đủ điều kiện được cơ cấu lại theo quy định hiện hành, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng theo Thông tư 31 và Nghị định 86.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng khác* (tiếp theo)

3.5.3 *Trích lập dự phòng cụ thể đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ*

Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo công thức sau: $C = A - B$

Trong đó:

C: Dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;

A: Dự phòng cụ thể phải trích đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 31 và Nghị định 86 (*Thuyết minh số 3.5.1*);

B: Tổng dự phòng cụ thể phải trích đối với phần dư nợ được giữ nguyên nhóm nợ theo quy định (*Thuyết minh số 3.5.2*) và dự phòng cụ thể phải trích đối với phần dư nợ còn lại của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 31 và Nghị định 86 (*Thuyết minh số 3.5.1*).

Dự phòng cụ thể phải trích bổ sung C được Ngân hàng thực hiện trích bổ sung khi lập báo cáo tài chính đảm bảo việc trích lập tối thiểu theo quy định như sau:

- ▶ Đối với khoản nợ áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14:
 - + Đến thời điểm 31/12/2021: Tối thiểu 30% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
 - + Đến thời điểm 31/12/2022: Tối thiểu 60% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
 - + Đến thời điểm 31/12/2023: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.
- ▶ Đối với khoản nợ áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư 02:
 - + Đến thời điểm 31/12/2023: Tối thiểu 50% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
 - + Đến thời điểm 31/12/2024: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.
- ▶ Đối với khoản nợ áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư 53:
 - + Đến thời điểm 31/12/2024: Tối thiểu 35% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.
 - + Đến thời điểm 31/12/2025: Trích thêm để đạt tối thiểu 70% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung
 - + Đến thời điểm 31/12/2026: Trích thêm số còn lại để đủ 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung

Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Thông tư 31 và Nghị định 86, Ngân hàng thành lập hội đồng xử lý rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5 hoặc nếu khách hàng vay là tổ chức bị giải thể, phá sản, hoặc cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Chứng khoán kinh doanh

3.6.1 Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán vốn được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

3.6.2 Đo lường

Định kỳ, chứng khoán kinh doanh sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Dự phòng giảm giá cho các khoản chứng khoán kinh doanh được lập riêng cho khoản đầu tư có tổn thất. Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng các khoản chứng khoán kinh doanh nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các chứng khoán này vào ngày kết thúc năm tài chính. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh".

Dự phòng rủi ro đối với chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán kinh doanh là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Tiền lãi và cổ tức bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở thực thu.

3.6.3 Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

3.7 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

3.7.1 Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với chứng khoán vốn, Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Tổng Giám đốc.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (tiếp theo)

3.7.1 Phân loại và ghi nhận (tiếp theo)

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

3.7.2 Đo lường

Định kỳ, chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường theo Thông tư 48/2019/TT-BTC và Thông tư 24/2022/TT-BTC. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư".

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì Ngân hàng tiến hành phân loại và trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 31 và Nghị định 86 như được trình bày tại *Thuyết minh số 3.5*.

3.8 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi và Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn có giá trị xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận và đo lường tương tự như chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được trình bày tại *Thuyết minh số 3.7*.

3.9 Các hợp đồng mua lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Góp vốn, đầu tư dài hạn

3.10.1 Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các công ty con được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào công ty con được lập riêng cho từng khoản đầu tư có tổn thất, và được xem xét vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất. Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào khoản mục "*Chi phí hoạt động khác*".

3.10.2 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác từ 11% quyền biểu quyết trở xuống. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Trong trường hợp cổ phiếu của các đơn vị được đầu tư đăng ký trên sàn giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM), dự phòng giảm giá được trích lập khi giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất do Sở Giao dịch chứng khoán công bố, nhỏ hơn giá gốc của khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính.

Trong các trường hợp khác, dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế được đầu tư gặp thua lỗ. Dự phòng giảm giá được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích} \\ \text{dự phòng} \\ \text{cho từng} \\ \text{khoản đầu} \\ \text{tư} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ sở hữu vốn} \\ \text{điều lệ thực góp} \\ \text{(\%)} \text{ của Ngân hàng} \\ \text{và Công ty con tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \\ \text{nhận vốn góp tại} \\ \text{thời điểm trích lập} \\ \text{dự phòng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Vốn đầu tư thực tế} \\ \text{của các chủ sở hữu} \\ \text{ở tổ chức kinh tế} \\ \text{nhận vốn góp tại thời} \\ \text{điểm trích lập dự} \\ \text{phòng} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ sở hữu} \\ \text{của tổ chức kinh} \\ \text{tế nhận vốn góp} \\ \text{tại thời điểm} \\ \text{trích lập dự} \\ \text{phòng} \end{array}$$

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tăng hoặc giảm dự phòng đầu tư dài hạn được ghi nhận vào khoản mục "*Chi phí hoạt động khác*" trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng và Công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động hợp nhất.

3.12 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu thông qua xem xét thỏa thuận này có gắn liền với việc sử dụng một tài sản nhất định và bao gồm các điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục "*Chi phí hoạt động*" trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn thuê tài sản.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được ghi nhận vào khoản mục "*Thu nhập từ hoạt động dịch vụ*" trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Ngân hàng và Công ty con có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư không còn được ghi nhận và trình bày trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.14 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	3 - 8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 10 năm
Phần mềm máy vi tính	3 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	30 - 50 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn không được trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các khoản phải thu

3.15.1 Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc. Nợ phải thu khó đòi được Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được trình bày tại *Thuyết minh số 3.5*.

3.15.2 Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí hoạt động khác*" trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC được sửa đổi bởi Thông tư 24/2022/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

3.16 Chi phí trả trước và chi phí chờ phân bổ

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.17 Các khoản nợ Chính phủ và NHNN Việt Nam, tiền gửi và vay các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng, phát hành giấy tờ có giá và vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro

Các khoản nợ Chính phủ và NHNN Việt Nam, tiền gửi và vay các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng, phát hành giấy tờ có giá và vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm số dư gốc của trái phiếu. Ngân hàng và Công ty con thực hiện phân bổ dần các chi phí này vào "*Chi phí lãi và các chi phí tương tự*" theo phương pháp đường thẳng phù hợp với kỳ hạn của giấy tờ có giá.

3.18 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Ngân hàng và Công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 *Phân loại nợ cho các cam kết ngoại bảng*

Cam kết ngoại bảng bao gồm các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời gian thực hiện cụ thể.

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng theo chính sách phân loại áp dụng đối với các khoản nợ như được trình bày tại *Thuyết minh số 3.5*.

Theo Thông tư 31 và Nghị định 86, Ngân hàng và Công ty con không cần phải trích lập dự phòng cho các cam kết ngoại bảng.

3.20 *Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ*

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và Công ty con và không được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và Công ty con.

3.21 *Các hợp đồng phái sinh tiền tệ*

Ngân hàng và Công ty con ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng và Công ty con.

Các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại; chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục "*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*" trên "*Vốn chủ sở hữu*" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vào cuối năm tài chính.

Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng kỳ hạn.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 *Vốn cổ phần*

3.22.1 *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu.

3.22.2 *Thặng dư vốn cổ phần*

Ngân hàng phản ánh vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần.

3.22.3 *Các quỹ và dự trữ*

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau đây theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 32/2024/QH15 và Nghị định 93/2017/NĐ-CP theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

	<i>Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

3.23 *Ghi nhận thu nhập và chi phí*

Thu nhập lãi và chi phí lãi

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 31 và Nghị định 86 và các khoản cho vay được cơ cấu thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi Ngân hàng và Công ty con thực nhận.

Phí dịch vụ và hoa hồng

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng và Công ty con được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thường nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng và Công ty con mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.23 Ghi nhận thu nhập và chi phí (tiếp theo)

Thu nhập khác

Các doanh thu khác được ghi nhận dựa trên cơ sở thực thu.

Theo Thông tư 16/2018/TT-BTC ngày 7 tháng 2 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì Ngân hàng và Công ty con hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được các khoản này, Ngân hàng và Công ty con sẽ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

3.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thuế TNDN hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, dựa trên mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng và Công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Ngân hàng và Công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Ngân hàng và Công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và Công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.25 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng và Công ty con, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng và Công ty con được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm tài chính, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (Thuyết minh số 51). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng và Công ty con được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên tài khoản "Vốn chủ sở hữu" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tại thời điểm cuối năm tài chính.

3.26 Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cân trừ và thể hiện giá trị ròng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất chỉ khi Ngân hàng và Công ty con có quyền hợp pháp để thực hiện việc bù trừ và Ngân hàng và Công ty con dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.27 Lợi ích của nhân viên

3.27.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng và Công ty con khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng và Công ty con sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Ngân hàng và Công ty con không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.27.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, Ngân hàng và Công ty con có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

3.27.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Ngân hàng và Công ty con có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.28 Lãi trên cổ phiếu

Ngân hàng và Công ty con trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng và Công ty con (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Nếu cổ phiếu phát hành trong năm chỉ làm thay đổi về số lượng cổ phiếu mà không dẫn đến sự thay đổi về nguồn vốn, Ngân hàng và Công ty con sẽ thực hiện điều chỉnh số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất, dẫn đến điều chỉnh tương ứng cho chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu.

3.29 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Ngân hàng và Công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý); mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Ngân hàng và Công ty con là dựa theo bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.30 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Ngân hàng và Công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Ngân hàng và Công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN MẶT VÀ VÀNG

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tiền mặt bằng VND	1.009.089	1.001.030
Tiền mặt bằng ngoại tệ	138.834	130.654
Vàng tiền tệ	566	1.285
	1.148.489	1.132.969

5. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (“NHNN”)

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Bằng VND	13.563.341	16.178.399
Bằng ngoại tệ	69.591	89.648
	13.632.932	16.268.047

Tiền gửi tại NHNN Việt Nam bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN Việt Nam. Số dư bình quân tiền gửi thanh toán của Ngân hàng tại NHNN Việt Nam không thấp hơn số tiền phải dự trữ bắt buộc trong tháng. Số tiền dự trữ bắt buộc trong tháng được tính bằng số dư tiền gửi huy động bình quân của từng loại tiền gửi phải dự trữ bắt buộc trong tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc thực tế như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 %	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %
<i>Đối với tiền gửi của khách hàng</i>		
Tiền gửi bằng VND không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	3,00	3,00
Tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	1,00	1,00
Tiền gửi bằng ngoại tệ không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	8,00	8,00
Tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	6,00	6,00
<i>Đối với tiền gửi của các TCTD nước ngoài</i>		
Tiền gửi bằng ngoại tệ	1,00	1,00

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

5. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (“NHNN”) (tiếp theo)

Lãi suất năm thực tế của tiền gửi tại NHNN Việt Nam như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm
Trong dự trữ bắt buộc bằng VND	0,50	0,50
Trong dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Vượt dự trữ bắt buộc bằng VND và ngoại tệ	0,00	0,00

6. TIỀN GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG (“TCTD”) KHÁC

6.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	12.021.626	9.267.817
- Bằng VND	11.693.725	8.468.742
- Bằng ngoại tệ	327.901	799.075
Tiền gửi có kỳ hạn	24.498.272	11.533.600
- Bằng VND	23.891.000	10.856.000
- Bằng ngoại tệ	607.272	677.600
	36.519.898	20.801.417

Mức lãi suất tiền gửi các TCTD khác vào thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm
Tiền gửi không kỳ hạn		
- Bằng VND	0,00 - 0,50	0,00 - 0,60
- Bằng ngoại tệ	0,00 - 1,00	0,00 - 1,00
Tiền gửi có kỳ hạn		
- Bằng VND	3,80 - 5,80	0,80 - 4,00
- Bằng ngoại tệ	5,00 - 5,10	5,10 - 5,30

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

6. TIỀN GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG (“TCTD”) KHÁC (tiếp theo)

6.2 Cho vay các TCTD khác

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Bảng VND	289.885	1.789.885

Bao gồm các khoản cho vay đối với ba quỹ tín dụng nhân dân bị kiểm soát đặc biệt với lãi suất 0% (2023: 0%) theo chủ trương của NHNN Việt Nam với số tiền là 289.885 triệu đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 289.885 triệu đồng).

Mức lãi suất cho vay các TCTD khác vào thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm
Cho vay các TCTD khác Bảng VND	0,00	0,00 - 6,30

6.3 Phân tích chất lượng tiền gửi có kỳ hạn và cho vay tại các TCTD khác

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	24.788.157	13.323.485
Tiền gửi có kỳ hạn	24.498.272	11.533.600
Cho vay các TCTD	289.885	1.789.885

7. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ TÀI SẢN/(NỢ PHẢI TRẢ) TÀI CHÍNH KHÁC

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) Triệu đồng	Giá trị ghi sổ kế toán ròng (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)	Tài sản Triệu đồng	Nợ phải trả Triệu đồng
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	4.118.782	-	-	(6.768)
	4.118.782	-	-	(6.768)
Số thuần				(6.768)
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	11.907	57	-	-
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	5.752.651	39.398	-	-
	5.764.558	39.455	-	-
Số thuần		39.455		

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

8. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	<i>Số cuối năm</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>Triệu đồng</i>
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	167.702.005	141.428.637
Các khoản trả thay khách hàng	18.097	6.238
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	17.731	3.402
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	164	164
	167.737.997	141.438.441

Mức lãi suất năm của các khoản cho vay khách hàng tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2024</i> <i>%/năm</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2023</i> <i>%/năm</i>
Bằng VND	4,00 - 23,50	3,80 - 23,50
Bằng ngoại tệ	3,00 - 5,50	3,20 - 7,30

8.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	<i>Số cuối năm</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>Triệu đồng</i>
Nợ đủ tiêu chuẩn	161.359.386	133.053.654
Nợ cần chú ý	2.469.632	5.395.665
Nợ dưới tiêu chuẩn	264.304	820.666
Nợ nghi ngờ	1.027.409	1.182.425
Nợ có khả năng mất vốn	2.617.266	986.031
	167.737.997	141.438.441

8.2 Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay ban đầu

	<i>Số cuối năm</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>Triệu đồng</i>
Nợ ngắn hạn	91.523.999	77.393.620
Nợ trung hạn	27.730.309	20.841.076
Nợ dài hạn	48.483.689	43.203.745
	167.737.997	141.438.441

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

8. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

8.3 Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Cho vay các tổ chức kinh tế	138.327.454	82,47	113.313.435	80,12
Công ty TNHH khác	80.371.152	47,92	61.289.527	43,33
Công ty cổ phần khác	57.818.921	34,47	51.962.750	36,74
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	101.236	0,06	8.110	0,01
Doanh nghiệp tư nhân	32	0,00	32	0,00
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	27	0,00	265	0,00
Khác	36.086	0,02	52.751	0,04
Cho vay cá nhân	29.410.543	17,53	28.125.006	19,88
	167.737.997	100	141.438.441	100

8.4 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác	71.636.507	55.693.320
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	23.416.639	15.730.332
Hoạt động kinh doanh bất động sản	19.982.380	12.802.865
Xây dựng	12.418.316	10.241.206
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	12.243.761	13.949.297
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	9.138.305	10.433.935
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	7.758.888	11.513.182
Công nghiệp chế biến, chế tạo	3.560.168	3.623.355
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	2.687.391	3.683.797
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	2.147.909	1.020.340
Vận tải kho bãi	963.352	1.279.707
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	877.937	199.948
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	317.026	344.531
Khai khoáng	251.707	811.781
Giáo dục và đào tạo	150.859	10.913
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	137.800	53.620
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	24.518	28.715
Thông tin và truyền thông	1.710	5.464
Hoạt động dịch vụ khác	22.824	12.133
	167.737.997	141.438.441

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

9. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Số dư dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm bao gồm:

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm Triệu đồng</i>
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9.1	2.065.107	1.543.800
Dự phòng các khoản phải thu có rủi ro tín dụng	16.4	-	4.349
		2.065.107	1.548.149

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trong năm bao gồm:

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay Triệu đồng</i>	<i>Năm trước Triệu đồng</i>
Số trích lập dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9.1	525.251	1.323.280
Số (hoàn nhập)/trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản bán nợ	16.4	(4.349)	274
Hoàn nhập dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	10.4	-	(475.750)
		520.902	847.804

9.1 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm như sau:

	<i>Dự phòng cụ thể Triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung Triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng Triệu đồng</i>
Ngày 1 tháng 1 năm 2024	490.407	1.053.393	1.543.800
Số trích lập trong năm	340.239	185.012	525.251
Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong năm	(3.944)	-	(3.944)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	826.702	1.238.405	2.065.107

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm trước như sau:

	<i>Dự phòng cụ thể Triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung Triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng Triệu đồng</i>
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	359.510	884.718	1.244.228
Số trích lập trong năm	1.154.605	168.675	1.323.280
Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong năm	(1.023.708)	-	(1.023.708)
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	490.407	1.053.393	1.543.800

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

10. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

10.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	<i>Số cuối năm Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm Triệu đồng</i>
Chứng khoán Nợ		
Trái phiếu Chính phủ (a)	2.857.573	3.084.093
Trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành (b)	7.290.000	9.582.574
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	-	300.000
	10.147.573	12.966.667
Chứng khoán Vốn		
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	103.369	103.369
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	38.935	40.772
	142.304	144.141
	10.289.877	13.110.808
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán		
Dự phòng giảm giá	(14.794)	(16.595)
Dự phòng chung	-	(2.250)
	(14.794)	(18.845)
	10.275.083	13.091.963

(a) Trái phiếu Chính phủ có thời hạn từ 15 năm đến 30 năm và lãi suất từ 3,60%/năm đến 7,80%/năm.

(b) Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành có thời hạn 2 năm đến 3 năm, lãi suất từ 5,50%/năm đến 6,80%/năm. Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành có thời hạn từ 6 tháng đến 12 tháng và lãi suất từ 3%/năm đến 6,80%/năm.

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán như sau:

	<i>Số cuối năm Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm Triệu đồng</i>
Chứng khoán Nợ		
Đã niêm yết	2.857.573	3.084.093
Chưa niêm yết	7.290.000	9.882.574
	10.147.573	12.966.667
Chứng khoán Vốn		
Chưa niêm yết	142.304	144.141
	142.304	144.141

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

10. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

10.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Trái phiếu Chính phủ (a)	8.266.428	9.977.613
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành (b)	2.300.346	999.201
	10.566.774	10.976.814

(a) Đây là các trái phiếu Chính phủ có thời hạn từ 10 năm đến 30 năm với lãi suất từ 2,20%/năm đến 6,30%/năm.

(b) Đây là các trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành có thời hạn từ 2 năm đến 15 năm và có lãi suất từ 5,50% đến 7,60%. Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành có thời hạn 6 tháng và lãi suất 5,50%/năm

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Chứng khoán Nợ		
Đã niêm yết	8.666.774	10.776.814
Chưa niêm yết	1.900.000	200.000
	10.566.774	10.976.814

10.3 Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	9.190.000	10.881.775

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

10. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

10.4 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>Triệu đồng</i>
Ngày 1 tháng 1 năm 2024		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	18.845	49.625
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	-	637.815
	18.845	687.440
Sử dụng dự phòng		
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	-	(162.065)
	-	(162.065)
Số hoàn nhập trong năm		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(4.051)	(30.780)
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	-	(475.750)
	(4.051)	(506.530)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	14.794	18.845
	14.794	18.845

11. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Chi tiết đầu tư dài hạn khác theo giá gốc của Ngân hàng và Công ty con như sau:

	<i>Số cuối năm</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>Triệu đồng</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta	74.800	74.800
Các công ty cổ phần khác	149.211	10.520
	224.011	85.320

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>Triệu đồng</i>
1 tháng 1 năm 2024	-	-
Số trích lập trong năm	81.252	-
31 tháng 12 năm 2024	81.252	-

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HIN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu đồng	Máy móc thiết bị Triệu đồng	Phương tiện vận tải Triệu đồng	Thiết bị, dụng cụ quản lý Triệu đồng	Tài sản khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	782.115	450.687	259.211	42.020	19.981	1.554.014
Mua trong năm	41.592	16.850	14.417	1.099	530	74.488
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang	631.265	31.639	18.798	2.708	4.456	688.866
Thanh lý, nhượng bán	(100)	(687)	(9.180)	(783)	(670)	(11.420)
Chuyển từ tài sản cố định thuế tài chính	-	-	1.233	-	-	1.233
Số dư cuối năm	1.454.872	498.489	284.479	45.044	24.297	2.307.181
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số dư đầu năm	187.767	251.452	165.630	33.629	14.467	652.945
Khấu hao trong năm	40.140	56.574	33.060	3.161	2.797	135.732
Chuyển từ tài sản cố định thuế tài chính	-	-	1.078	-	-	1.078
Thanh lý, nhượng bán	(100)	(687)	(9.180)	(783)	(670)	(11.420)
Số dư cuối năm	227.807	307.339	190.588	36.007	16.594	778.335
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	594.348	199.235	93.581	8.391	5.514	901.069
Số dư cuối năm	1.227.065	191.150	93.891	9.037	7.703	1.528.846

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 306.075 triệu đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 264.993 triệu đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	<i>Phương tiện vận tải</i> <i>Triệu đồng</i>
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	158.913
Tăng trong năm	1.637
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	<u>(1.233)</u>
Số dư cuối năm	<u>159.317</u>
Giá trị khấu hao lũy kế	
Số dư đầu năm	54.577
Khấu hao trong năm	26.073
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	<u>(1.078)</u>
Số dư cuối năm	<u>79.572</u>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	<u>104.336</u>
Số dư cuối năm	<u>79.745</u>

Ngân hàng thuê một số phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuê tài chính. Đến cuối thời hạn thuê, Ngân hàng có quyền lựa chọn mua lại những phương tiện vận tải này.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TC/TD-HN

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất có thời hạn Triệu đồng	Quyền sử dụng đất không thời hạn Triệu đồng	Phần mềm máy vi tính Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	205.587	356.378	182.474	744.439
Mua trong năm	-	-	8.777	8.777
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	2.391	2.391
Số dư cuối năm	205.587	356.378	193.642	755.607
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	10.553	-	152.294	162.847
Hao mòn trong năm	6.367	-	6.876	13.243
Số dư cuối năm	16.920	-	159.170	176.090
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	195.034	356.378	30.180	581.592
Số dư cuối năm	188.667	356.378	34.472	579.517

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 140.415 triệu đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 140.415 triệu đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư bao gồm các Quyền sử dụng đất không có thời hạn và nhà ở gắn liền trên đất mà Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng Nam Á sở hữu từ việc bán đấu giá tài sản gắn xiết nợ. Các tài sản này được nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc không thể xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thông tin tại ngày kết thúc năm tài chính. Do đó, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày kết thúc năm tài chính.

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu đồng</i>
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	15.971
Thanh lý, nhượng bán	(7.354)
Tăng khác	21.822
Số dư cuối năm	30.439
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	15.971
Số dư cuối năm	30.439

16. TÀI SẢN CÓ KHÁC

16.1 Các khoản phải thu

	<i>Số cuối năm Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm Triệu đồng</i>
Phải thu trong nghiệp vụ chuyển tiền nhanh	440.883	515.070
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (i)	179.644	293.571
Đặt cọc, ký quỹ, thế chấp, cầm cố	136.868	140.778
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	85.641	363.904
Ký quỹ hợp đồng với tổ chức thế	47.795	30.250
Các khoản phải thu từ hoạt động thanh toán thẻ	26.233	32.639
Phải thu từ nghiệp vụ bán nợ	-	89.466
Các khoản phải thu khác	2.433	1.033
	919.497	1.466.711

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	<i>Số cuối năm Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm Triệu đồng</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	126.330	290.036
Máy móc thiết bị	26.932	2.367
Phương tiện vận tải	24.734	-
Mua sắm tài sản khác	1.648	1.168
	179.644	293.571

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

16. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

16.1 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số đầu năm	293.571	531.950
Tăng trong năm	601.650	520.911
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(688.866)	(457.691)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(2.391)	(163.065)
Chuyển sang tài sản cố định thuê tài chính	-	(9.346)
Chuyển sang công cụ lao động	(10.345)	(19.675)
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ và chi phí hoạt động	(13.975)	(109.513)
Số cuối năm	179.644	293.571

16.2 Các khoản lãi, phí phải thu

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Lãi phải thu từ cho vay	2.635.626	1.577.705
Lãi phải thu từ chứng khoán đầu tư	332.984	450.910
Lãi phải thu từ tiền gửi	31.161	21.807
Lãi phải thu từ giao dịch hoán đổi	1.076	5.684
Lãi phải thu từ giao dịch kỳ hạn	-	9
Phí phải thu	269	20.170
	3.001.116	2.076.285

16.3 Tài sản Có khác

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Chi phí trả trước chờ phân bổ (i)	603.962	578.172
Tài sản gán nợ chờ xử lý (ii)	152.902	103.869
Vật liệu và công cụ	23.425	20.746
	780.289	702.787

(i) Chi phí trả trước chờ phân bổ chủ yếu bao gồm chi phí thuê và sửa chữa tài sản, chi phí mua sắm công cụ lao động và các loại chi phí chờ phân bổ khác.

(ii) Chi tiết tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho các TCTD chờ xử lý bao gồm:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Cổ phiếu	80.684	82.047
Bất động sản	72.218	21.822
	152.902	103.869

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

16. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

16.4 Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác bao gồm:

	<i>Số cuối năm</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>Triệu đồng</i>
Dự phòng rủi ro tín dụng	-	4.349
<i>Dự phòng chung</i>	-	274
<i>Dự phòng cụ thể</i>	-	4.075
Dự phòng rủi ro giảm giá	39.176	28.674
	39.176	33.023

Thay đổi dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>Triệu đồng</i>
Số đầu năm	33.023	26.623
Trích lập dự phòng giảm giá (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng rủi ro các khoản bán nợ	10.502 (4.349)	6.126 274
Số cuối năm	39.176	33.023

17. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN VIỆT NAM

	<i>Số cuối năm</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>Triệu đồng</i>
Vay theo hồ sơ tín dụng	155	345
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá (i)	2.577.456	-
	2.577.611	345

(i) Đây là khoản đi vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông qua nghiệp vụ thị trường mở có kỳ hạn gốc 7 ngày, lãi suất 4,00%/năm.

18. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

18.1 Tiền gửi của các TCTD khác

	<i>Số cuối năm</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>Triệu đồng</i>
Tiền gửi không kỳ hạn	11.524.751	8.014.467
Bằng VND	11.524.068	8.014.467
Bằng ngoại tệ	683	-
Tiền gửi có kỳ hạn	26.190.543	14.802.500
Bằng VND	24.141.000	13.834.500
Bằng ngoại tệ	2.049.543	968.000
	37.715.294	22.816.967

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

18. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC (tiếp theo)

18.1 Tiền gửi của các TCTD khác (tiếp theo)

Mức lãi suất năm các khoản tiền gửi của các TCTD khác như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm
Tiền gửi CKH bằng VND	3,80 - 5,50	0,80 - 5,00
Tiền gửi CKH bằng ngoại tệ	4,45 - 5,10	5,30

18.2 Vay các TCTD khác

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Vay các tổ chức tín dụng khác		
Bằng VND	962.260	65.126
Vay cầm cố, thế chấp	917.575	-
Thuê tài chính	44.685	65.126
Bằng ngoại tệ	518.761	1.139.581
	1.481.021	1.204.707

Mức lãi suất năm của các khoản tiền vay các TCTD khác như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm
Bằng VND	10,00 - 10,55	8,05 - 12,05
Bằng ngoại tệ	0,75 - 5,02	0,75 - 6,38

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

19. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

19.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn ("KKH")	9.760.047	9.997.385
Tiền gửi KKH bằng VND	9.509.604	9.602.907
Tiền gửi KKH bằng ngoại tệ	211.925	364.457
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng VND	37.851	29.385
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng ngoại tệ	667	636
Tiền gửi có kỳ hạn ("CKH")	147.840.718	134.373.843
Tiền gửi CKH bằng VND	30.157.878	29.055.149
Tiền gửi CKH bằng ngoại tệ	209.912	102.060
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND	116.904.420	104.511.347
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	568.508	705.287
Tiền gửi vốn chuyên dùng	497.745	769.691
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	497.722	767.715
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	23	1.976
Tiền ký quỹ	235.493	288.026
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	235.493	288.026
	158.334.003	145.428.945

Mức lãi suất năm của các khoản tiền gửi của khách hàng như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm
Tiền gửi KKH bằng VND	0,00 - 0,50	0,00 - 0,50
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng VND	0,50	0,50
Tiền gửi KKH bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi CKH bằng VND	0,50 - 11,20	0,50 - 12,20
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng VND	0,50 - 12,00	0,50 - 13,10
Tiền gửi CKH bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	0,20 - 0,50	0,20 - 1,00
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	0,20 - 8,70	0,00 - 10,00

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

19. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

19.2 Thuyết minh theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp

	<i>Số cuối năm</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>Triệu đồng</i>
Tiền gửi của tổ chức kinh tế	32.956.759	33.231.409
Công ty cổ phần khác	14.023.480	15.498.078
Công ty TNHH khác	9.807.685	6.631.774
Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	3.624.026	4.156.586
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	3.570.633	4.132.212
Công ty Nhà nước	895.729	1.085.544
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	426.496	616.924
Công ty hợp danh	21.170	40.509
Doanh nghiệp tư nhân	284.840	40.197
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	34.914	26.160
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chỉ phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty	267.786	1.003.425
Tiền gửi của cá nhân	123.735.973	110.553.797
Khác	1.641.271	1.643.739
	158.334.003	145.428.945

20. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

	<i>Số cuối năm</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>Triệu đồng</i>
Bằng VND	797	1.665
Bằng ngoại tệ (i)	1.075.377	1.064.800
	1.076.174	1.066.465

(i) Đây là một vốn tài trợ bằng USD, nhằm tài trợ cho dự án có mục đích theo thỏa thuận.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

21. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	<i>Số cuối năm Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm Triệu đồng</i>
Chứng chỉ tiền gửi dưới 1 năm	4.000.000	5.600.000
Chứng chỉ tiền gửi từ 1 năm trở lên	12.046.940	9.148.868
Trái phiếu trên 1 năm	3.960.000	3.710.000
	20.006.940	18.458.868

Mức lãi suất năm của giấy tờ có giá đã phát hành tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 %/năm</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm</i>
Chứng chỉ tiền gửi dưới 1 năm	3,50 - 5,80	4,90 - 9,50
Chứng chỉ tiền gửi từ 1 năm trở lên	5,84 - 8,00	5,20 - 11,70
Trái phiếu trên 1 năm	5,30 - 7,80	4,40 - 9,70

22. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

22.1 Các khoản lãi, phí phải trả

	<i>Số cuối năm Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm Triệu đồng</i>
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm	2.241.542	2.913.772
Lãi phải trả tiền gửi	628.963	676.464
Lãi phải trả phát hành giấy tờ có giá	504.535	662.245
Lãi phải trả cho vốn ngắn hạn tài trợ ủy thác đầu tư	12.097	7.479
Lãi phải trả cho tiền vay	7.850	16.675
Lãi phải trả liên quan đến giao hoán đổi	621	6.130
Lãi phải trả liên quan đến giao dịch kỳ hạn	-	8
	3.395.608	4.282.773

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

22. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC (tiếp theo)

22.2 Các khoản phải trả và công nợ khác

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Các khoản phải trả nội bộ	493.128	325.463
Các khoản phải trả nhân viên	386.240	271.985
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (i)	106.888	53.478
Các khoản phải trả bên ngoài	753.903	1.069.914
Các khoản phải trả trong dịch vụ thanh toán chuyển tiền nhanh	299.180	580.478
Thuế và các khoản phải trả ngân sách nhà nước	289.779	366.965
Các khoản chờ thanh toán trong nghiệp vụ thanh toán	75.896	26.174
Các khoản phải trả trong dịch vụ thanh toán thẻ	50.118	43.674
Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	15.367	17.472
Phải trả khác	23.563	35.151
	1.247.031	1.395.377

(i) Biến động của Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số đầu năm	53.478	26.145
Trích lập quỹ trong năm	60.000	29.607
Sử dụng quỹ trong năm	(6.590)	(2.274)
Số cuối năm	106.888	53.478

23. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Triệu đồng	Phát sinh trong năm		Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng
		Số phải nộp Triệu đồng	Số đã nộp Triệu đồng	
Thuế giá trị gia tăng	69.135	83.368	(148.315)	4.188
Thuế TNDN	269.095	938.305	(950.901)	256.499
Các loại thuế khác	28.735	178.479	(178.140)	29.074
Thuế thu nhập cá nhân	25.646	163.590	(163.603)	25.633
Thuế nhà thầu	3.089	14.742	(14.390)	3.441
Thuế môn bài	-	147	(147)	-
Các khoản phí, lệ phí và phải nộp khác	-	16.152	(16.134)	18
	366.965	1.216.304	(1.293.490)	289.779

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

23. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

23.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

Ngân hàng và Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế TNDN là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo quy định hiện hành (năm trước: 20%).

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và Công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm trước do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và Công ty con và các quy định về thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng và Công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được tính như sau:

	<i>Năm nay</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>Triệu đồng</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.545.398	3.303.952
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Ngân hàng	909.080	660.790
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
- Thu nhập từ cổ tức	(6)	(8)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
- Chi phí không được trừ	20.510	21.551
- Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	8.721	-
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	938.305	682.333

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu như sau:

	Vốn điều lệ Triệu đồng	Thặng dư vốn cổ phần Triệu đồng	Vốn khác Triệu đồng	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản Triệu đồng	Quỹ của TCTD Triệu đồng	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	10.580.416	415	25	10	1.447.731	3.213.195	15.241.792
Tăng trong năm	3.145.090	-	-	-	-	(2.645.090)	500.000
Giảm trong năm	-	(352)	-	-	-	-	(352)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	3.607.093	3.607.093
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	726.661	(726.661)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(60.000)	(60.000)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	13.725.506	63	25	10	2.174.392	3.388.537	19.288.533

Trong năm, Ngân hàng và Công ty con đã trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 ngày 22 tháng 3 năm 2024.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng và Công ty con đã phát hành thêm: (i) 264.508.938 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và (ii) 50.000.000 cổ phiếu để tăng vốn từ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP) theo Nghị Quyết ĐHCĐ thường niên năm 2024. Theo đó, Ngân hàng và Công ty con đã ghi nhận tăng vốn điều lệ thêm 3.145.089.380.000 đồng từ mức 10.580.416.150.000 đồng lên mức 13.725.505.530.000 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Tình hình thay đổi các quỹ của Ngân hàng và Công ty con trong năm được thể hiện trong bảng dưới đây:

	<i>Quỹ dự phòng tài chính Triệu đồng</i>	<i>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu đồng</i>	<i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu Triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng Triệu đồng</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	956.706	479.086	11.939	1.447.731
Trích lập các quỹ	360.709	360.709	5.243	726.661
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.317.415	839.795	17.182	2.174.392

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Cổ phiếu</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.372.550.553	1.058.041.615
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.372.550.553	1.058.041.615
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.372.550.553	1.058.041.615

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 29 tháng 3 năm 2024. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số liệu này chưa trừ trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có quyết định từ Đại Hội đồng Cổ đông.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Ngân hàng sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước Trình bày lại</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (triệu đồng)	3.607.093	2.621.619
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (triệu đồng)	-	(60.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (triệu đồng)	3.607.093	2.561.619
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	1.334.845.635	1.322.550.553
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.702	1.937

26. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	<i>Năm nay Triệu đồng</i>	<i>Năm trước Triệu đồng</i>
Thu nhập lãi cho vay	15.437.773	17.246.142
Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	1.120.944	1.075.430
Thu nhập lãi tiền gửi	618.024	616.668
Thu nhập từ nghiệp vụ bảo lãnh	103.145	104.547
Thu khác từ hoạt động tín dụng	131.821	295.553
	17.411.707	19.338.340

27. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	<i>Năm nay Triệu đồng</i>	<i>Năm trước Triệu đồng</i>
Trả lãi tiền gửi	7.886.396	11.306.927
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	1.326.634	1.094.283
Trả lãi tiền vay	214.617	213.260
Trả lãi thuê tài chính	5.883	7.298
Chi phí hoạt động tín dụng khác	40.357	69.263
	9.473.887	12.691.031

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

28. LÃI THUÀN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	<i>Năm nay</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>Triệu đồng</i>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	951.804	1.141.500
Thu từ dịch vụ thanh toán	621.452	717.001
Thu từ dịch vụ tài khoản	204.242	186.388
Thu từ dịch vụ bảo quản tài sản	3.767	39.536
Thu từ dịch vụ cho thuê tài sản	43.251	37.370
Thu từ dịch vụ tư vấn	10.536	31.123
Thu từ dịch vụ đại lý bảo hiểm	3.340	12.967
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	2.583	3.124
Thu khác	62.633	113.991
Chi phí hoạt động dịch vụ	(390.838)	(551.469)
Chi dịch vụ thanh toán	(372.541)	(536.510)
Chi dịch vụ ngân quỹ	(3.571)	(3.507)
Chi dịch vụ tư vấn	(4.981)	(7.185)
Chi khác	(9.745)	(4.267)
	560.966	590.031

29. LÃI THUÀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	<i>Năm nay</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>Triệu đồng</i>
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	156.345	271.855
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	126.095	207.706
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	29.875	63.763
Thu từ kinh doanh vàng	375	386
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(153.538)	(257.248)
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(125.102)	(87.285)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(28.328)	(169.666)
Chi về kinh doanh vàng	(108)	(297)
	2.807	14.607

30. LÃI THUÀN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	<i>Năm nay</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>Triệu đồng</i>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	864	-

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

31. LÃI THUẬN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	<i>Năm nay</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>Triệu đồng</i>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	120.898	70.892
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(1.162)	(42.385)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	4.051	30.780
	123.787	59.287

32. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Năm nay</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>Triệu đồng</i>
Thu nhập từ hoạt động khác	467.824	499.520
Thu từ nợ đã xử lý rủi ro	465.822	496.895
Thu nhập thuần từ thanh lý tài sản cố định	1.191	1.158
Thu nhập khác	811	1.467
Chi phí hoạt động khác	(42.027)	(166.581)
Chi phí chấm dứt hợp đồng	-	(89.000)
Chi phí chậm nộp thuế giá trị gia tăng	-	(64.701)
Chi công tác xã hội	(24.603)	(9.068)
Chi phí khác	(17.424)	(3.812)
	425.797	332.939

33. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	<i>Năm nay</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>Triệu đồng</i>
Chứng khoán vốn đầu tư	22	38

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

34. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	<i>Năm nay</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>Triệu đồng</i>
Chi phí cho nhân viên	2.103.964	1.888.273
- Chi lương và phụ cấp	1.865.606	1.706.557
- Các khoản chi đóng góp theo lương	120.451	112.269
- Chi trợ cấp và chi khác	117.907	69.447
Chi phí khấu hao tài sản cố định	175.048	145.802
Chi phí hoạt động khác	1.706.751	1.458.380
- Chi phí quản lý chung	429.423	366.073
- Chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, tiếp tân, khánh tiết	361.929	298.162
- Chi phí thuê văn phòng	324.974	283.711
- Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	189.245	174.845
- Chi phí sửa chữa và nâng cấp tài sản	181.494	165.893
- Chi khác về tài sản	43.118	45.312
- Chi phí vật liệu giấy tờ in	37.082	41.120
- Công tác phí	24.727	19.426
- Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	3.107	43.535
- Chi phí dự phòng (không bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng, rủi ro chứng khoán)	91.754	6.126
- Chi phí khác	19.898	14.177
	3.985.763	3.492.455

35. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất sau đây:

	<i>Số cuối năm</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>Triệu đồng</i>
Tiền mặt và vàng	1.148.489	1.132.969
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	13.632.932	16.268.047
Tiền gửi tại TCTD khác có kỳ hạn dưới 3 tháng	36.519.898	20.801.417
	51.301.319	38.202.433

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

36. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA NHÂN VIÊN

	<i>Năm nay</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>Triệu đồng</i>
I. Tổng số nhân viên trung bình (người)	5.298	5.128
II. Thu nhập của nhân viên (Triệu đồng)		
1. Tổng quỹ lương	1.865.606	1.706.557
2. Tiền thưởng	6.550	1.090
3. Tổng thu nhập (1+2)	1.872.156	1.707.647
4. Tiền lương bình quân tháng (Triệu đồng/người)	29	28
5. Thu nhập bình quân tháng (Triệu đồng/người)	29	28

37. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ SỔ SÁCH TÀI SẢN THẾ CHẤP

37.1 Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

Bảng dưới đây trình bày giá trị sổ sách của tài sản thế chấp của khách hàng:

	<i>Số cuối năm</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>Triệu đồng</i>
Bất động sản	147.796.484	146.305.613
Giấy tờ có giá	60.630.860	67.691.303
Động sản	4.114.804	4.331.319
Tài sản khác	81.085.862	64.549.919
	293.628.010	282.878.154

37.2 Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

Chi tiết các tài sản tài chính của Ngân hàng và Công ty con đưa đi cầm cố, thế chấp để được cấp hạn mức cho các nghiệp vụ thực hiện với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và đảm bảo cho các khoản vay hoặc đã chuyển nhượng theo các hợp đồng bán và mua lại chứng khoán với NHNN và các tổ chức tín dụng khác như sau:

	<i>Số cuối năm</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>Triệu đồng</i>
Giấy tờ có giá	2.510.000	7.379.000

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

38. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng và Công ty con thực hiện các công cụ tài chính ghi nhận trong các khoản mục ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết giao dịch hối đoái, các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng và Công ty con ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoài bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng và Công ty con khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng và Công ty con cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng và Công ty con ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng và Công ty con phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng và Công ty con trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Ngân hàng và Công ty con thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng và Công ty con đánh giá.

Cam kết giao dịch hối đoái bao gồm các cam kết mua, bán ngoại tệ giao ngay và các cam kết giao dịch hoán đổi. Các cam kết mua, bán ngoại tệ giao ngay là các cam kết mà Ngân hàng và Công ty con sẽ thực hiện việc mua, bán ngoại tệ theo tỷ giá thỏa thuận trong hợp đồng và thực hiện thanh toán trong vòng hai (2) ngày kể từ ngày giao dịch. Cam kết giao dịch hoán đổi là các cam kết mua và bán cùng một lượng ngoại tệ (chỉ có hai đồng tiền được sử dụng trong giao dịch) với cùng một đối tác, trong đó một giao dịch có thời hạn thanh toán giao ngay và một giao dịch có thời hạn thanh toán xác định trong tương lai với tỷ giá của hai giao dịch được xác định đồng thời tại thời điểm xác nhận giao dịch giao ngay.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết tại thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Số cuối năm</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>Triệu đồng</i>
Bảo lãnh vay vốn	3.658.967	-
Cam kết giao dịch hối đoái	8.075.790	14.694.595
- Cam kết giao dịch hoán đổi	8.075.790	12.105.195
- Cam kết mua ngoại tệ	-	2.420.000
- Cam kết bán ngoại tệ	-	169.400
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	549.881	6.116.593
- Thư tín dụng trả chậm	549.881	6.116.593
Bảo lãnh khác	3.669.698	9.884.653
- Cam kết bảo lãnh thanh toán	620.517	684.543
- Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng	190.387	231.470
- Cam kết bảo lãnh dự thầu	13.858	8.752
- Cam kết bảo lãnh khác	2.844.936	8.959.888
Cam kết khác	149.669	-
	16.104.005	30.695.841
Trừ: Tiền ký quỹ	<i>(13.448)</i>	<i>(38.910)</i>
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra	16.090.557	30.656.931

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

39. LÃI CHO VAY VÀ PHÍ PHẢI THU CHƯA THU ĐƯỢC

Chi tiết các khoản lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được tại thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Số cuối năm</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>Triệu đồng</i>
Lãi cho vay chưa thu được	2.312.141	2.019.149

40. NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

Chi tiết các khoản nợ khó đòi đã xử lý tại thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Số cuối năm</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>Triệu đồng</i>
Khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi:		
<i>Nợ gốc</i>	2.507.578	2.673.642
<i>Nợ lãi</i>	1.279.537	1.735.034
<i>Nợ lãi</i>	1.228.041	938.608
Các khoản nợ khác đã xử lý	605	605
	2.508.183	2.674.247

41. TÀI SẢN VÀ CHỨNG TỪ KHÁC

Chi tiết các khoản tài sản và chứng từ khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Số cuối năm</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>Triệu đồng</i>
Tài sản khác giữ hộ	3.350.780	2.188.093
Tài sản bảo đảm nhận thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên nhận bảo đảm chờ xử lý	24.662	13.702
Các chứng từ có giá trị khác đang được bảo quản	6.748.430	9.268.736
	10.123.872	11.470.531

42. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng và Công ty con. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng và Công ty con nếu:

(a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:

- ▶ kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng và Công ty con;
- ▶ có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Ngân hàng và Công ty con và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng và Công ty con;
- ▶ có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng và Công ty con;

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

42. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng và Công ty con là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự trong Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng và Công ty con;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Thù lao các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng và các bên liên quan đến các cá nhân này

	<u>Năm nay</u> <u>Triệu đồng</u>
Chi phí lương và phụ cấp của ban Tổng giám đốc	34.630
<i>Trong đó:</i>	
- Ông: Trần Khải Hoàn (từ ngày 30 tháng 3 năm 2024)	2.104
- Ông: Trần Ngọc Tâm (đến ngày 29 tháng 03 năm 2024)	3.956
- Các thành viên còn lại	28.570
Thù lao trả cho các thành viên hội đồng Quản trị	17.364
<i>Trong đó:</i>	
- Ông Trần Ngô Phúc Vũ	4.864
- Ông Trần Ngọc Tâm	3.498
- Bà Võ Thị Tuyết Nga	4.139
- Ông Trần Khải Hoàn (từ ngày 29 tháng 3 năm 2024)	513
- Ông Nguyễn Đức Minh Trí	2.900
- Bà Nguyễn Thị Thanh Đào	725
- Bà Lê Thị Kim Anh	725
Thù lao trả cho Ban kiểm soát	4.205
	<u>Năm trước</u> <u>Triệu đồng</u>
Chi phí lương và phụ cấp của ban Tổng giám đốc	34.091
<i>Trong đó:</i>	
- Ông: Trần Ngọc Tâm	7.035
- Các thành viên còn lại	27.056
Thù lao trả cho các thành viên hội đồng Quản trị	11.700
<i>Trong đó:</i>	
- Ông Trần Ngô Phúc Vũ	3.900
- Ông Trần Ngọc Tâm	650
- Bà Võ Thị Tuyết Nga	3.250
- Ông Nguyễn Đức Minh Trí	2.600
- Bà Nguyễn Thị Thanh Đào	650
- Bà Lê Thị Kim Anh	650
Thù lao trả cho Ban kiểm soát	3.770

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

42. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

(a) Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng

	<u>Năm nay</u> <u>Triệu đồng</u>	<u>Năm trước</u> <u>Triệu đồng</u>
Thu nhập lãi cho vay	-	527
Chi phí trả lãi tiền gửi	(620)	(563)

(b) Các bên liên quan khác (*)

	<u>Năm nay</u> <u>Triệu đồng</u>	<u>Năm trước</u> <u>Triệu đồng</u>
Thu nhập lãi cho vay	3.675	4.680
Chi phí tiền gửi	(4.173)	(5.971)
Thu dịch vụ khác	104	-
Chi dịch vụ khác	(233)	-

(*) Các bên liên quan khác bao gồm các bên liên quan đến Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng; những doanh nghiệp do các cá nhân này nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng.

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Các giao dịch</u>	<u>Năm nay</u> <u>Triệu đồng</u>	<u>Năm trước</u> <u>Triệu đồng</u>
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng	Tiền gửi	(38.386)	(29.224)
	Tiền cho vay	-	16
	Lãi dự chi tiền gửi	(154)	(148)
Các bên liên quan khác	Tiền gửi	(66.429)	(51.520)
	Tiền cho vay	59.214	49.851
	Lãi dự chi tiền gửi	(1.053)	(1.453)
	Lãi dự thu cho vay	251	276

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

43. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	<i>Trong nước Triệu đồng</i>	<i>Nước ngoài Triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng Triệu đồng</i>
Tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	225.359.910	268.532	225.628.442
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	36.541.251	268.532	36.809.783
Cho vay khách hàng - gộp	167.737.997	-	167.737.997
Chứng khoán đầu tư - gộp	20.856.651	-	20.856.651
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	224.011	-	224.011
Công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	221.340.550	1.391.664	222.732.214
Tiền gửi và vay các TCTD khác	38.880.028	316.287	39.196.315
Tiền gửi của khách hàng	158.334.003	-	158.334.003
Các công cụ tài chính phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	4.118.782	-	4.118.782
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	797	1.075.377	1.076.174
Phát hành giấy tờ có giá	20.006.940	-	20.006.940
Cam kết ngoại bảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	16.090.557	-	16.090.557

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

44. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Thông tin về thu nhập, chi phí của các bộ phận theo khu vực địa lý của Ngân hàng và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

	Miền Bắc Triệu đồng	Miền Trung Triệu đồng	Miền Nam Triệu đồng	Tổng bộ phận đã báo cáo Triệu đồng	Loại trừ Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Doanh thu	3.202.202	3.237.875	36.709.956	43.150.033	(24.038.321)	19.111.712
Doanh thu lãi	3.138.713	3.112.516	35.198.799	41.450.028	(24.038.321)	17.411.707
Doanh thu từ hoạt động dịch vụ	24.584	109.657	817.563	951.804	-	951.804
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	38.905	15.702	693.594	748.201	-	748.201
Chi phí	(2.789.879)	(2.767.664)	(32.526.190)	(38.083.733)	24.038.321	(14.045.412)
Chi phí lãi	(2.360.819)	(2.275.237)	(28.876.152)	(33.512.208)	24.038.321	(9.473.887)
Chi phí khấu hao TSCĐ	(15.970)	(20.937)	(138.141)	(175.048)	-	(175.048)
Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(413.090)	(471.490)	(3.511.897)	(4.396.477)	-	(4.396.477)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	412.323	470.211	4.183.766	5.066.300	-	5.066.300
Chi phí dự phòng rủi ro tin dụng	(3.873)	(12.916)	(504.113)	(520.902)	-	(520.902)
Kết quả kinh doanh trước thuế	408.450	457.295	3.679.653	4.545.398	-	4.545.398

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

44. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về các khoản mục tài sản, nợ phải trả của các bộ phận theo khu vực địa lý của Ngân hàng và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng bộ phận	Loại trừ	Tổng công
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	đã báo cáo Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
TÀI SẢN						
Tiền mặt và vàng	147.512	234.616	766.361	1.148.489	-	1.148.489
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	1.173	410	13.631.349	13.632.932	-	13.632.932
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	78	602	36.809.103	36.809.783	-	36.809.783
Cho vay khách hàng	3.338.041	11.511.739	150.823.110	165.672.890	-	165.672.890
Chứng khoán đầu tư	-	-	20.841.857	20.841.857	-	20.841.857
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	142.759	142.759	-	142.759
Tài sản cố định	54.087	144.128	1.989.893	2.188.108	-	2.188.108
Bất động sản đầu tư	-	30.439	-	30.439	-	30.439
Tài sản Có khác	148.902	210.449	4.302.375	4.661.726	-	4.661.726
TỔNG TÀI SẢN	3.689.793	12.132.383	229.306.807	245.128.983	-	245.128.983
NỢ PHẢI TRẢ						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN Việt Nam	-	-	2.577.611	2.577.611	-	2.577.611
Tiền gửi và vay các TCTD khác	25	4.017	39.192.273	39.196.315	-	39.196.315
Tiền gửi của khách hàng	37.942.899	24.235.957	96.155.147	158.334.003	-	158.334.003
Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả khác	-	-	6.768	6.768	-	6.768
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	1.076.174	1.076.174	-	1.076.174
Phát hành giấy tờ có giá	2.332.615	3.055.310	14.619.015	20.006.940	-	20.006.940
Các khoản Nợ khác	862.515	519.266	3.260.858	4.642.639	-	4.642.639
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	41.138.054	27.814.550	156.887.846	225.840.450	-	225.840.450

45. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro luôn luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Ngân hàng và Công ty con, nhưng được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Ngân hàng và Công ty con và mỗi cá nhân trong Ngân hàng và Công ty con có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến quyền hạn công việc của họ. Ngân hàng và Công ty con đối mặt với các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường (được phân loại thành rủi ro kinh doanh và rủi ro không liên quan đến kinh doanh). Ngoài ra, Ngân hàng và Công ty con cũng chịu rủi ro hoạt động.

Quy trình kiểm soát rủi ro độc lập không bao gồm các rủi ro kinh doanh như những thay đổi của môi trường, công nghệ và ngành nghề. Những rủi ro này được kiểm soát bởi quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược của Ngân hàng và Công ty con.

(i) Cơ cấu quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị là những người chịu trách nhiệm cho việc phát hiện và kiểm soát các rủi ro. Tuy nhiên, từng thành viên riêng biệt sẽ chịu trách nhiệm cho việc theo dõi và quản lý các rủi ro.

(ii) Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là những người chịu trách nhiệm giám sát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Ngân hàng và Công ty con.

(iii) Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý rủi ro tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động Ngân hàng và Công ty con.

Ủy ban Quản lý rủi ro phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng và Công ty con trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

Ủy ban Quản lý rủi ro xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng và Công ty con để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.

(iv) Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm kiểm soát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Ngân hàng và Công ty con.

(v) Kiểm toán nội bộ

Theo kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm, các quy trình hoạt động của Ngân hàng và Công ty con sẽ được kiểm toán bởi bộ phận kiểm toán nội bộ nhằm kiểm tra tính đầy đủ và tính tuân thủ của các thủ tục. Kiểm toán nội bộ thảo luận kết quả đánh giá với Ban Tổng Giám đốc và báo cáo những phát hiện và đề xuất lên Ban Kiểm soát.

(vi) Hệ thống báo cáo và đo lường rủi ro

Rủi ro của Ngân hàng và Công ty con được đo lường bằng cách sử dụng phương pháp phản ánh cả những tổn thất dự đoán được gần như phát sinh trong các trường hợp thông thường và những tổn thất không dự đoán được mà chỉ là những ước tính những tổn thất thực tế sau cùng dựa trên những mô hình thống kê.

Việc theo dõi và quản lý rủi ro chủ yếu được thực hiện dựa trên những hạn mức được thiết lập bởi Ngân hàng và Công ty con và tuân thủ các quy định an toàn của NHNN. Những hạn mức này phản ánh chiến lược kinh doanh và môi trường thị trường của Ngân hàng và Công ty con cũng như mức độ rủi ro mà Ngân hàng và Công ty con sẵn sàng chấp nhận.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

45. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(vi) Hệ thống báo cáo và đo lường rủi ro (tiếp theo)

Các thông tin kết hợp từ hoạt động kinh doanh được kiểm tra và xử lý để nhằm phân tích, kiểm soát và phát hiện sớm hơn các rủi ro. Thông tin này được trình bày và giải thích cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các trưởng phòng ban. Báo cáo bao gồm tổng mức rủi ro tín dụng, dự báo hệ thống lượng hóa rủi ro tín dụng, các ngoại lệ hạn mức, các chỉ số thanh khoản và thay đổi hồ sơ rủi ro. Ban lãnh đạo sẽ đánh giá tính thích hợp của việc lập dự phòng cho những tổn thất tín dụng hàng quý. Ban lãnh đạo sẽ nhận được báo cáo tổng hợp mỗi quý cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết cho việc đánh giá và đưa ra kết luận về rủi ro của Ngân hàng và Công ty con.

Đối với tất cả các cấp trong Ngân hàng và Công ty con, các báo cáo rủi ro cụ thể sẽ được lập và phân phối nhằm đảm bảo rằng tất cả các phòng ban kinh doanh đều cập nhật tất cả các thông tin cần thiết một cách đầy đủ và kịp thời.

(vii) Giảm thiểu rủi ro

Ngân hàng và Công ty con đã chủ động sử dụng các tài sản thế chấp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

(viii) Mức độ tập trung rủi ro

Sự tập trung rủi ro phát sinh khi một số lượng lớn các khách hàng của Ngân hàng và Công ty con cùng liên quan đến một hoạt động kinh doanh, hoặc các hoạt động kinh doanh cùng trên một khu vực địa lý, hoặc có cùng các đặc điểm kinh tế là những yếu tố có thể ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc quyền lợi được thanh toán của nhóm khách hàng khi nghĩa vụ đến hạn do ảnh hưởng của các thay đổi về kinh tế, chính trị hoặc các yếu tố khác.

Những mức độ tập trung trên phản ánh các mức độ nhạy cảm của hoạt động Ngân hàng và Công ty con đối với sự phát triển của một khu vực địa lý hoặc ngành nghề nhất định nào đó.

Để có thể giảm thiểu các rủi ro tập trung, Ngân hàng và Công ty con đã có các chính sách và thủ tục cần thiết bao gồm các hướng dẫn cụ thể nhằm đa dạng hóa các danh mục hoạt động. Theo đó mức độ tập trung rủi ro tín dụng sẽ được kiểm soát và quản lý. Ngân hàng và Công ty con cũng áp dụng các biện pháp phòng tránh rủi ro có chọn lọc đối với các ngành nghề và các yếu tố liên quan khác.

46. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Ngân hàng và Công ty con kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng và Công ty con có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề, và bằng cách giám sát các rủi ro theo những hạn mức đó.

Ngân hàng và Công ty con đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về mức độ tin cậy của khách hàng, bao gồm cả việc rà soát tài sản đảm bảo thường xuyên. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

46. RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

46.1 Mức rủi ro tín dụng tối đa chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ gộp của nhóm tài sản tài chính đó trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất được trình bày như sau:

	<u>Số cuối năm</u> <u>Triệu đồng</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>Triệu đồng</u>
Rủi ro tín dụng liên quan đến các tài sản nội bảng		
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	36.809.783	22.591.302
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	39.455
Cho vay khách hàng		
- Cho vay khách hàng cá nhân	29.410.543	28.125.006
- Cho vay khách hàng là tổ chức	138.327.454	113.313.435
Chứng khoán đầu tư		
- Chứng khoán Nợ - sẵn sàng để bán	7.290.000	9.882.574
- Chứng khoán Nợ - giữ đến ngày đáo hạn	1.900.000	999.201
Tài sản tài chính khác	3.740.969	3.249.425
Rủi ro tín dụng liên quan đến các tài sản ngoại bảng		
Các hợp đồng bảo lãnh tài chính	7.328.665	9.884.653
Các cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	549.881	6.116.593

Bảng trên thể hiện trường hợp xấu nhất với mức độ mất vốn tối đa của Ngân hàng và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, chưa tính đến bất kỳ các tài sản thế chấp được nắm giữ hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng nào.

46.2 Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá

Các tài sản tài chính chưa quá hạn và chưa bị giảm giá trị của Ngân hàng và Công ty con bao gồm các khoản nợ nhóm 1 theo quy định của Thông tư 31 và Nghị định 86; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư 48/2019/TT-BTC sửa đổi bởi Thông tư 24/2022/TT-BTC.

Ngân hàng và Công ty con đánh giá rằng Ngân hàng và Công ty con hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

46.3 Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày dưới đây:

	<u>Quá hạn</u>				<u>Tổng cộng</u> <u>Triệu đồng</u>
	<u>Dưới</u> <u>90 ngày</u> <u>Triệu đồng</u>	<u>Từ 91 đến</u> <u>180 ngày</u> <u>Triệu đồng</u>	<u>Từ 181 đến</u> <u>360 ngày</u> <u>Triệu đồng</u>	<u>Trên</u> <u>360 ngày</u> <u>Triệu đồng</u>	
Cho vay khách hàng	<u>1.246.489</u>	<u>32.644</u>	<u>171.339</u>	<u>495.551</u>	<u>1.946.023</u>

Cho vay khách hàng đã quá hạn nhưng không bị giảm giá là các khoản cho vay bị quá hạn nhưng không phải trích lập dự phòng do Ngân hàng và Công ty con đang nắm giữ đầy đủ các tài sản bảo đảm dưới hình thức tiền gửi đối ứng, bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản bảo đảm khác.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

47. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

47.1 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh do có những thay đổi về lãi suất ảnh hưởng đến giá trị của các công cụ tài chính. Ngân hàng và Công ty con sẽ có nguy cơ chịu rủi ro lãi suất do sự không tương xứng hay chênh lệch giữa ngày đáo hạn hoặc ngày xác định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả và các công cụ ngoại bảng trong một giai đoạn nhất định. Ngân hàng và Công ty con quản lý rủi ro này thông qua việc cân đối ngày xác định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả.

Phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất hoặc thời hạn đáo hạn của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và Công ty con:

- ▶ Tiền mặt và vàng; tiền gửi tại NHNN Việt Nam; chứng khoán đầu tư – chứng khoán vốn; các công cụ tài chính phái sinh, góp vốn, đầu tư dài hạn và các tài sản khác (bao gồm tài sản cố định và tài sản Có khác) và các khoản nợ khác được phân loại vào khoản mục không chịu lãi;
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản chứng khoán đầu tư – chứng khoán nợ; các khoản cho vay khách hàng; các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác; nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro; các khoản nợ Chính phủ và NHNN Việt Nam; phát hành giấy tờ có giá; các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCCTD-HN

47. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

47.1 Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

	Thời hạn định lại lãi suất							Tổng cộng Triệu đồng	
	Quá hạn Triệu đồng	Không chịu lãi Triệu đồng	Đến 1 tháng Triệu đồng	Từ 1 - 3 tháng Triệu đồng	Từ 3 - 6 tháng Triệu đồng	Từ 6 - 12 tháng Triệu đồng	Từ 1 - 5 năm Triệu đồng		Trên 5 năm Triệu đồng
Tài sản									
Tiền mặt và vàng	-	1.148.489	-	-	-	-	-	-	1.148.489
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	-	13.632.932	-	-	-	-	-	-	13.632.932
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	289.885	34.219.898	2.300.000	-	-	-	-	36.809.783
Cho vay khách hàng - gộp	6.378.611	-	19.308.026	32.338.436	32.484.412	53.623.288	23.424.581	180.643	167.737.997
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	142.304	277.657	1.341.719	3.038.676	12.472.571	3.583.724	-	20.856.651
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	224.011	-	-	-	-	-	-	224.011
Tài sản cố định	-	2.188.108	-	-	-	-	-	-	2.188.108
Bất động sản đầu tư	-	30.439	-	-	-	-	-	-	30.439
Tài sản Có khác - gộp	-	4.700.902	-	-	-	-	-	-	4.700.902
Tổng tài sản	6.378.611	22.357.070	53.805.581	35.980.155	35.523.088	66.095.859	27.008.305	180.643	247.329.312
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Việt Nam	-	-	2.577.611	-	-	-	-	-	2.577.611
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	36.653.244	2.010.494	279.497	253.080	-	-	39.196.315
Tiền gửi của khách hàng	-	-	44.556.313	38.159.630	42.908.770	30.328.018	2.381.272	-	158.334.003
Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả khác	-	6.768	-	-	-	-	-	-	6.768
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay	-	-	796	506.060	569.318	-	-	-	1.076.174
TCTD chịu rủi ro	-	-	309.690	1.244.280	6.857.400	11.595.570	-	-	20.006.940
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Các khoản nợ khác	-	4.642.639	-	-	-	-	-	-	4.642.639
Tổng nợ phải trả	-	4.649.407	84.097.654	41.920.464	50.614.985	42.176.668	2.381.272	-	225.840.450
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	6.378.611	17.707.663	(30.292.073)	(5.940.309)	(15.091.897)	23.919.191	24.627.033	180.643	21.488.862



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

47. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

47.1 Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Độ nhạy đối với lãi suất

Ngân hàng thực hiện phân tích độ nhạy của Thu nhập lãi thuần với giả định lãi suất thị trường thay đổi đối với VND và USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	<u>Thay đổi lãi suất</u>	<u>Ảnh hưởng đến kết quả thu nhập lãi thuần Triệu đồng</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024		
VND	0,02%	(7,3)
VND	(0,02%)	7,3
USD	0,02%	(0,3)
USD	(0,02%)	0,3

47.2 Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng và Công ty con được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND, đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng và Công ty con cũng là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và Công ty con chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD, EUR và vàng. Ngân hàng và Công ty con đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng và Công ty con sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Tỷ giá của các loại ngoại tệ quan trọng tại thời điểm lập báo cáo được trình bày tại *Thuyết minh số 51*.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tạ ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

47. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

47.2 Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Bảng dưới đây thể hiện tài sản và nợ phải trả theo ngoại tệ đã được quy đổi sang VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	EUR được quy đổi Triệu đồng	USD được quy đổi Triệu đồng	Giá trị vàng tiền tệ được quy đổi Triệu đồng	Các ngoại tệ khác được quy đổi Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tài sản					
Tiền mặt và vàng	5.545	127.908	566	5.381	139.400
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	-	69.591	-	-	69.591
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	4.137	870.985	-	60.051	935.173
Cho vay khách hàng - gộp	-	1.598.326	-	-	1.598.326
Tài sản Có khác - gộp	-	55.205	-	-	55.205
Tổng tài sản	9.682	2.722.015	566	65.432	2.797.695
Nợ phải trả					
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	2.568.987	-	-	2.568.987
Tiền gửi của khách hàng	6.359	971.994	-	12.682	991.035
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	1.075.377	-	-	1.075.377
Các khoản nợ khác	2	36.806	-	-	36.808
Tổng nợ phải trả	6.361	4.653.164	-	12.682	4.672.207
Trạng thái tiền tệ nội bảng	3.321	(1.931.149)	566	52.750	(1.874.512)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	3.321	(1.931.149)	566	52.750	(1.874.512)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

47. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

47.2 Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Độ nhạy đối với tỷ giá

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng và Công ty con do các thay đổi có thể xảy ra của tỷ giá. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Ngân hàng và Công ty con là không đáng kể.

	<i>Ảnh hưởng tăng/(giảm) lợi nhuận sau thuế</i>	
	<i>Thay đổi tỷ giá</i>	<i>Triệu đồng</i>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024		
EUR	1%	27
EUR	(1%)	(27)
USD	1%	(15.449)
USD	(1%)	15.449
SJC	1%	5
SJC	(1%)	(5)

47.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng và Công ty con gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng và Công ty con có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những khoản nợ phải trả này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng và Công ty con huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng và Công ty con, đồng thời Ngân hàng và Công ty con có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng và Công ty con cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến ngày thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và Công ty con:

- ▶ Tiền gửi tại NHNN Việt Nam được xếp loại vào tiền gửi thanh toán đến hạn trong một (1) tháng, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc;
- ▶ Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư - chứng khoán nợ được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán; chứng khoán đầu tư - chứng khoán vốn đã niêm yết được xác định khả năng thanh khoản trong vòng một (1) tháng do tính thanh khoản cao của khoản mục này trên thị trường;
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản nợ Chính phủ và NHNN Việt Nam; nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro; phát hành giấy tờ có giá; các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác, các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn;
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư, góp vốn mua cổ phần được coi là hơn năm (5) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- ▶ Các khoản tiền gửi và vay của các TCTD khác; các công cụ tài chính phái sinh, các khoản nợ tài chính khác và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- ▶ Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

47. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

47.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày thời hạn đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Quá hạn					Tổng cộng Triệu đồng
	Trong hạn					
	Trên 3 tháng Triệu đồng	Đến 3 tháng Triệu đồng	Từ 1 - 3 tháng Triệu đồng	Từ 3 - 12 tháng Triệu đồng	Từ 1 - 5 năm Triệu đồng	
Tài sản						
Tiền mặt và vàng	-	-	-	-	-	1.148.489
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	-	-	-	-	-	13.632.932
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	2.300.000	137.721	130.644	36.809.783
Cho vay khách hàng - gộp	3.908.979	2.469.632	13.397.749	66.668.646	27.928.989	167.737.997
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	1.170.053	5.270.000	3.087.332	20.856.651
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	224.011
Tài sản cố định	-	-	1.159	12.060	369.968	2.188.108
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	30.439
Tài sản Có khác - gộp	-	-	625.940	1.393.013	1.161.953	4.700.902
Tổng tài sản	3.908.979	2.469.632	17.494.901	73.481.440	32.678.886	247.329.312
Nợ phải trả						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN Việt Nam	-	-	-	155	-	2.577.611
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	2.000.000	319.394	40.245	39.196.315
Tiền gửi của khách hàng	-	-	38.159.630	73.236.788	2.381.272	158.334.003
Các công cụ tài chính phải sinh và nợ phải trả khác	-	-	2.075	54	-	6.768
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	113.910	962.264	1.076.174
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	500.000	4.667.440	10.146.770	20.006.940
Các khoản nợ khác	-	-	850.686	1.843.682	38.984	4.642.639
Tổng nợ phải trả	-	-	41.512.391	80.181.423	13.569.535	225.840.450
Mức chênh thanh khoản ròng	3.908.979	2.469.632	(24.017.490)	(6.699.983)	19.109.351	21.488.862

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

47. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

47.4 Rủi ro giá cả thị trường

Ngoại trừ các khoản mục tài sản, công nợ đã được thuyết minh ở phần trên, Ngân hàng và Công ty con không có các rủi ro giá cả thị trường khác có mức độ rủi ro chiếm 5% lợi nhuận ròng hoặc giá trị khoản mục tài sản, công nợ chiếm 5% tổng tài sản.

48. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Số cuối năm</u> <u>Triệu đồng</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>Triệu đồng</u>
Các cam kết thuê hoạt động	1.652.059	1.373.256
<i>Trong đó:</i>		
- Đến hạn trong 1 năm	279.840	229.089
- Đến hạn từ 1 đến 5 năm	837.117	842.805
- Đến hạn sau 5 năm	535.102	301.362

49. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, nên Ngân hàng và Công ty con chỉ áp dụng các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan để trình bày thông tin bổ sung theo yêu cầu của Thông tư 210. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng và Công ty con vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Ngân hàng và Công ty con theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền mặt và vàng; các khoản tiền gửi tại NHNN Việt Nam; các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác; cho vay khách hàng; chứng khoán đầu tư; các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

► **Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động:**

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- ✓ Các công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng và Công ty con xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

49. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

► *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng và Công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

► *Các khoản cho vay và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Ngân hàng và Công ty con có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Ngân hàng và Công ty con xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Ngân hàng và Công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà Ngân hàng và Công ty con có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

► *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và Công ty con theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản nợ Chính phủ và NHNN Việt Nam; tiền gửi và vay các TCTD khác; tiền gửi của khách hàng; vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro; các khoản giấy tờ có giá phát hành; các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

49. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

► *Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động*

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Các công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng và Công ty con xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động.

► *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Ngân hàng và Công ty con có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

B05/TCCTD-HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

49. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý Triệu đồng
	Kinh doanh Triệu đồng	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu đồng	Cho vay và phải thu Triệu đồng	Sẵn sàng để bán Triệu đồng	Tài sản khác và nợ tài chính hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu đồng	Tổng cộng giá trị ghi sổ Triệu đồng	
Tài sản tài chính							
Tiền mặt và vàng	-	-	1.148.489	-	-	1.148.489	1.148.489
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	-	-	13.632.932	-	-	13.632.932	13.632.932
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	36.809.783	-	-	36.809.783	(*)
Cho vay khách hàng	-	-	165.672.890	-	-	165.672.890	(*)
Chứng khoán đầu tư	-	10.566.774	-	10.275.083	-	20.841.857	(*)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	142.759	-	142.759	(*)
Tài sản tài chính khác	-	-	3.740.969	-	-	3.740.969	(*)
	-	10.566.774	221.005.063	10.417.842	-	241.989.679	
Nợ phải trả tài chính							
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN Việt Nam	-	-	-	-	2.577.611	2.577.611	(*)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	39.196.315	39.196.315	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	158.334.003	158.334.003	(*)
Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả khác	6.768	-	-	-	-	6.768	(*)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay	-	-	-	-	1.076.174	1.076.174	(*)
TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	20.006.940	20.006.940	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	3.842.280	3.842.280	(*)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	-	-	(*)
	6.768	-	-	-	225.033.323	225.040.091	

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không xác định được vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày


B05/TCTD-HN


50. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH


Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và Công ty con.

51. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VND VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Đồng
USD	25.303,00	24.200,00
EUR	26.577,00	26.780,00
GBP	31.968,00	30.890,00
CAD	17.718,50	18.315,50
SGD	18.755,00	18.387,50
AUD	15.859,50	16.526,00
CHF	28.165,50	28.827,00
JPY	162,31	172,01
HKD	3.279,50	3.110,00
KRW	17,73	18,74
Vàng SJC (chỉ)	8.320.000	7.100.000


Ông Lê Đình Tú
Trưởng phòng Kế toán


Bà Nguyễn Thị Mỹ Lan
Giám đốc Khối Tài chính
kiểm Kế toán Trưởng


Ông Trần Khải Hoàn
Quyền Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Số: 331/2025/PAQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

**PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2024
VÀ PHÂN PHỐI CỔ PHIẾU TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và phân phối cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu, chi tiết như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (VND)
I	PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2024:	
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	4.545.398.166.073
2	Thuế TNDN phải nộp	938.305.686.840
3	Lãi sau thuế TNDN [(3)=(1)-(2)]	3.607.092.479.233
4	Trích lập các quỹ theo quy định	721.418.495.846
4.1	- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	360.709.247.923
4.2	- Quỹ dự phòng tài chính	360.709.247.923
5	Trích các quỹ khác	47.214.184.958
5.1	- Quỹ đầu tư phát triển	3.607.092.479
5.2	- Quỹ nghiên cứu khoa học và đào tạo	3.607.092.479
5.3	- Quỹ khen thưởng	30.000.000.000
5.4	- Quỹ phúc lợi	10.000.000.000
6	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2024 [(6)=(3)-(4)-(5)]	2.838.459.798.429
7	Lợi nhuận chưa phân phối trước năm 2024	502.862.821.694
8	Hình thức phân phối lợi nhuận	Cổ phiếu
II	PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI CỔ PHIẾU TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU:	
1	Vốn chủ sở hữu_Lợi nhuận chưa phân phối:	
1.1	Lợi nhuận chưa phân phối trên BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024 (sau trừ trích các quỹ khác)	3.341.322.620.123
1.2	Lợi nhuận chưa phân phối dùng để phân phối cổ phiếu	3.033.336.720.000
1.3	Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	307.985.900.123
2	Vốn chủ sở hữu_Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (VND)
2.1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trên BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024	839.795.291.748
2.2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ dùng để phân phối cổ phiếu	398.039.660.000
2.3	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ còn lại	441.755.631.748
3	TỔNG SỐ TIỀN PHÂN PHỐI CỔ PHIẾU [(3)=(1.2)+(2.2)]	3.431.376.380.000
=>	Tỷ lệ phân phối cổ phiếu	25,00%

(*): Số tiền phân phối cổ phiếu thực tế phụ thuộc vào Vốn cổ phần tại ngày chốt danh sách cổ đông để phân phối cổ phiếu. Số tiền còn lại do làm tròn số sau khi phân phối cổ phiếu sẽ đưa vào nguồn vốn chủ sở hữu theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Ngân hàng Nam Á;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Trần Ngô Phúc Vũ

Số: 332/2025/TTQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH
VỀ VIỆC THÔNG QUA DANH SÁCH CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
NĂM 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Thông tư 51/2024/TT-NHNN ngày 29/11/2024 của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) quy định về kiểm toán độc lập đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Căn cứ Danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo công bố của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Căn cứ hồ sơ năng lực của các Công ty kiểm toán.

Dựa trên danh sách các Công ty kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2024 thông qua, Hội đồng quản trị (HĐQT) quyết định lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ, kiểm toán Báo cáo tài chính, kiểm toán hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ đối với nội dung đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Ngân hàng TMCP Nam Á năm 2025.

Để thực hiện theo quy định, kính trình ĐHĐCĐ chấp thuận và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ, kiểm toán Báo cáo tài chính, kiểm toán hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ đối với nội dung đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Ngân hàng TMCP Nam Á năm 2026, đảm bảo các điều kiện theo quy định pháp luật hiện hành.

HĐQT chọn Công ty kiểm toán độc lập từ một trong những Công ty sau:

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam;

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH Price Waterhouse Coopers Việt Nam.

HĐQT sẽ báo cáo kết quả thực hiện trong kỳ ĐHĐCĐ thường niên lần tiếp theo.
Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Ngân hàng Nam Á;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Trần Ngô Phúc Vũ

Số: 333/2025/TTQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH VỀ NGÂN SÁCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Nam Á.

Năm 2024, nền kinh tế toàn cầu đã có nhiều dấu hiệu chuyển biến theo chiều hướng khả quan nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều thách thức khó lường. Việc này đặt ra những rủi ro đáng kể đối với đà phục hồi và phát triển kinh tế.

Bằng tất cả sự quyết tâm và tinh thần trách nhiệm, Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS) vẫn điều hành và giám sát hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Nam Á (Ngân hàng Nam Á) theo hướng ổn định, an toàn và hiệu quả. Ngân sách hoạt động và thù lao của HĐQT, BKS đã được sử dụng phục vụ cho mục đích trên và không vượt so với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 thông qua.

Bước sang năm tài chính 2025, nền kinh tế dự kiến tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, làm gia tăng áp lực cho công tác điều hành vĩ mô. Để hoàn thành mục tiêu kế hoạch mà ĐHĐCĐ giao phó thì việc chú trọng hoạt động phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô, nâng cao chất lượng công tác quản trị điều hành, tăng cường hiệu quả hoạt động giám sát sẽ là những ưu tiên hàng đầu của HĐQT và BKS trong năm 2025. Do đó, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua:

- Ngân sách hoạt động (thù lao, thưởng, các lợi ích và chi phí khác) của HĐQT, BKS trong năm tài chính 2025 là 3% lợi nhuận trước thuế hợp nhất của năm 2025, tối thiểu 20 tỷ đồng.
- Việc hạch toán ngân sách hoạt động thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Đây là điều kiện cần thiết hỗ trợ cho HĐQT và BKS hoàn thành nhiệm vụ được giao, đảm bảo hoạt động của Ngân hàng Nam Á ngày càng phát triển an toàn, hiệu quả, bền vững và đáp ứng quyền lợi cổ đông cao nhất.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Ngân hàng Nam Á;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Trần Ngô Phúc Vũ

Số: 334/2025/TTQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH VỀ VIỆC TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Nam Á.

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 về kết quả thực hiện tăng vốn điều lệ theo Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 và Kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2025 như sau:

I. Tình hình tăng vốn điều lệ theo Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024.

ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 ngày 29/03/2024 đã thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 từ mức 10.580.416.150.000 đồng (Mười nghìn năm trăm tám mươi tỷ, bốn trăm mười sáu triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) lên mức 13.725.520.180.000 đồng (Mười ba nghìn bảy trăm hai mươi lăm tỷ, năm trăm hai mươi triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng). Theo đó, HĐQT kính báo cáo ĐHĐCĐ kết quả thực hiện Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 đính kèm Tờ trình số 421/2024/TTQT-NHNA ngày 22/03/2024 như sau:

- Ngân hàng TMCP Nam Á (Ngân hàng Nam Á) đã hoàn thành việc phát hành 264.508.938 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo đó, số lượng cổ phiếu lưu hành của Ngân hàng Nam Á tăng từ mức 1.058.041.615 cổ phiếu (Một tỷ, không trăm năm mươi tám triệu, không trăm bốn mươi một nghìn, sáu trăm mười lăm cổ phiếu) lên mức 1.322.550.553 cổ phiếu (Một tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu, năm trăm năm mươi nghìn, năm trăm năm mươi ba cổ phiếu), tương ứng với mức vốn điều lệ là 13.225.505.530.000 đồng (Mười ba nghìn hai trăm hai mươi lăm tỷ, năm trăm lẻ năm triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng). Ngân hàng Nam Á đã nhận được Công văn số 4632/UBCK-QLCB ngày 25/07/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Ngân hàng Nam Á;

- Ngân hàng Nam Á đã hoàn thành việc phát hành 50.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Theo đó, số lượng cổ phiếu lưu hành của Ngân hàng Nam Á tăng từ mức 1.322.550.553 cổ phiếu (*Một tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu, năm trăm năm mươi nghìn, năm trăm năm mươi ba cổ phiếu*) lên mức 1.372.550.553 cổ phiếu (*Một tỷ, ba trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm năm mươi nghìn, năm trăm năm mươi ba cổ phiếu*), tương ứng với mức vốn điều lệ là 13.725.505.530.000 đồng (*Mười ba nghìn bảy trăm hai mươi lăm tỷ, năm trăm lẻ năm triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng*). Ngân hàng Nam Á đã nhận được Công văn số 7015/UBCK-QLCB ngày 17/10/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Ngân hàng Nam Á;
- Hiện nay, Ngân hàng Nam Á đang trong quá trình thực hiện thủ tục sửa đổi mức vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo đúng trình tự, quy định của pháp luật hiện hành.

II. Kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2025.

Để thực hiện định hướng chiến lược phát triển Ngân hàng Nam Á năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; nhằm nâng cao năng lực tài chính đáp ứng yêu cầu phát triển hoạt động kinh doanh và quản trị rủi ro, gắn kết lợi ích của người lao động với kết quả hoạt động của ngân hàng, HĐQT kính trình ĐHQĐ thường niên năm 2025 xem xét thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ năm 2025 với những nội dung như sau:

- Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 thêm tối đa 4.281.376.380.000 đồng (*Bốn nghìn hai trăm tám mươi một tỷ, ba trăm bảy mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng*), nâng mức vốn điều lệ từ mức 13.725.505.530.000 đồng (*Mười ba nghìn bảy trăm hai mươi lăm tỷ, năm trăm lẻ năm triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng*) lên mức 18.006.881.910.000 đồng (*Mười tám nghìn không trăm lẻ sáu tỷ, tám trăm tám mươi một triệu, chín trăm mười nghìn đồng*), trong đó:
 - + Tăng vốn điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: Tối đa 3.431.376.380.000 đồng (*Ba nghìn bốn trăm ba mươi một tỷ, ba trăm bảy mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng*), tương ứng với 343.137.638 cổ phiếu (*Ba trăm bốn mươi ba triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm ba mươi tám cổ phiếu*).
 - + Tăng vốn điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Ngân hàng Nam Á (ESOP): Tối đa 850.000.000.000 đồng (*Tám trăm năm mươi tỷ đồng*), tương ứng với 85.000.000 cổ phiếu (*Tám mươi lăm triệu cổ phiếu*).

Số lượng cổ phiếu ESOP phát hành thêm do HĐQT xác định cụ thể tại thời điểm phát hành và đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 64 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Cụ thể: “2. Tổng số cổ phiếu phát hành theo chương trình trong mỗi 12 tháng không được vượt quá 5% số cổ phiếu đang lưu hành của công ty.”.

- Việc tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu ESOP sẽ được thực hiện sau khi đã tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 giao HĐQT tổ chức triển khai thực hiện các nội dung tăng vốn điều lệ theo Phương án tăng vốn điều lệ đính kèm Tờ trình và chủ động điều chỉnh, thay đổi các nội dung liên quan phù hợp với quy định pháp luật; đồng thời tiến hành các thủ tục trình các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận việc tăng vốn điều lệ theo quy định và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên lần tiếp theo.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cổ đông Ngân hàng Nam Á;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VPHĐQT.

(đã ký)

Trần Ngô Phúc Vũ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2025

(Đính kèm Tờ trình số 334/2025/TTQT-NHNA về việc tăng vốn điều lệ năm 2025 của Ngân hàng TMCP Nam Á)

Căn cứ kế hoạch hoạt động và nhu cầu vốn kinh doanh năm 2025, Hội đồng quản trị (HĐQT) xây dựng Phương án tăng vốn điều lệ trong năm tài chính 2025 như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Vốn điều lệ là một trong những tiêu chí quan trọng quyết định mức độ an toàn trong hoạt động của ngân hàng cũng như khả năng phát triển của ngân hàng trong tương lai. Do đó, việc tăng vốn điều lệ sẽ quyết định mức độ thành công trong việc mở rộng quy mô hoạt động và làm tăng mức độ an toàn của ngân hàng, giúp ngân hàng đứng vững trước những biến động của thị trường.
2. Đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) về nâng cao năng lực tài chính của các ngân hàng thương mại cổ phần, tạo nền tảng phát triển mạng lưới chi nhánh và hạ tầng kỹ thuật, mở rộng thị phần, góp phần đẩy mạnh thực hiện đề án tái cấu trúc ngành tài chính theo chủ trương của NHNN.
3. Tăng các giới hạn liên quan đến cấp tín dụng cho khách hàng, tăng nguồn vốn trung, dài hạn để tài trợ cho các hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng, góp phần mở rộng đối tượng khách hàng. Tăng thêm nguồn vốn để đầu tư vào các giải pháp kinh doanh, củng cố nền tảng công nghệ thông tin, phát triển công nghệ ngân hàng số và hệ thống quản trị rủi ro.

II. MỤC ĐÍCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Tăng cường năng lực tài chính để đáp ứng nhu cầu phát triển hoạt động ngân hàng như mua sắm, đầu tư tài sản cố định; cải tiến cơ sở vật chất; nâng cao công nghệ ngân hàng; phát triển nguồn nhân lực.
2. Đáp ứng điều kiện mở rộng mạng lưới hoạt động, thành lập công ty trực thuộc, công ty con, công ty liên kết, góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật.
3. Tăng quy mô vốn để mở rộng hoạt động kinh doanh như cho vay và kinh doanh các dịch vụ ngân hàng khác, đồng thời đảm bảo việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á.
4. Gắn kết lợi ích của người lao động với kết quả hoạt động của Ngân hàng Nam Á.

III. KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Mức Vốn điều lệ tăng:

- Căn cứ kết quả thực hiện Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 và các Công văn số 4632/UBCK-QLCB ngày 25/07/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Ngân hàng TMCP Nam Á, Công văn số 7015/UBCK-QLCB ngày 17/10/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Ngân hàng TMCP Nam Á, tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Ngân hàng Nam Á là 1.372.550.553 cổ phiếu (*Một tỷ, ba trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm năm mươi nghìn, năm trăm năm mươi ba cổ phiếu*), tương ứng với mức vốn điều lệ là 13.725.505.530.000 đồng (*Mười ba nghìn bảy trăm hai mươi lăm tỷ, năm trăm lẻ năm triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng*).
- Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm trong năm 2025 tối đa là 4.281.376.380.000 đồng (*Bốn nghìn hai trăm tám mươi một tỷ, ba trăm bảy mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng*), tương ứng 428.137.638 cổ phiếu (*Bốn trăm hai mươi tám triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm ba mươi tám cổ phiếu*), nâng mức vốn điều lệ từ mức 13.725.505.530.000 đồng (*Mười ba nghìn bảy trăm hai mươi lăm tỷ, năm trăm lẻ năm triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng*) lên mức 18.006.881.910.000 đồng (*Mười tám nghìn không trăm lẻ sáu tỷ, tám trăm tám mươi một triệu, chín trăm mười nghìn đồng*), tương ứng 1.800.688.191 cổ phiếu (*Một tỷ, tám trăm triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, một trăm chín mươi một cổ phiếu*).

2. Hình thức phát hành:

- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động của Ngân hàng Nam Á.

3. Phương án phát hành:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Loại tiền phát hành: Đồng Việt Nam (VND).
- Mệnh giá: 10.000 đồng.
- Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 428.137.638 cổ phiếu (*Bốn trăm hai mươi tám triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm ba mươi tám cổ phiếu*).
- Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành (theo mệnh giá): 4.281.376.380.000 đồng (*Bốn nghìn hai trăm tám mươi một tỷ, ba trăm bảy mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng*).
- Trình tự và phương án phát hành cụ thể như sau:

❖ **Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:**

- + Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 343.137.638 cổ phiếu (*Ba trăm bốn mươi ba triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm ba mươi tám cổ phiếu*).

- + Giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành (theo mệnh giá): 3.431.376.380.000 đồng (*Ba nghìn bốn trăm ba mươi một tỷ, ba trăm bảy mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng*).
- + Tỷ lệ phát hành: 25% ($343.137.638 \text{ cổ phiếu} \div 1.372.550.553 \text{ cổ phiếu}$).
- + Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh: Số cổ phiếu phát hành thêm khi chia cho các cổ đông được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 187 cổ phiếu. Khi đó, số cổ phiếu cổ đông A được nhận là 46,75 cổ phiếu (=187 x 25%). Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu cổ đông A thực tế được nhận là 46 cổ phiếu. Phần lẻ 0,75 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.
- + Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm theo Nghị quyết của HĐQT.
- + Nguồn vốn phát hành: Từ nguồn vốn chủ sở hữu (lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật tại ngày 31/12/2024 căn cứ trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 của Ngân hàng Nam Á), cụ thể như sau:

Stt	Khoản mục	Số liệu tại ngày 31/12/2024 theo BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2024 (đồng)	Số liệu tại ngày 31/12/2024 theo BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024 (đồng)	Số tiền được sử dụng để tăng vốn điều lệ (đồng)
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	830.291.880.703	839.795.291.748	398.039.660.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	62.989.081	62.989.081	-
3	Lợi nhuận chưa phân phối (sau khi trừ trích các quỹ khác)	3.341.322.620.123	3.341.322.620.123	3.033.336.720.000
3.1	<i>Lợi nhuận dùng để phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu</i>	<i>3.033.336.720.000</i>	<i>3.033.336.720.000</i>	<i>3.033.336.720.000</i>
3.2	<i>Lợi nhuận giữ lại</i>	<i>307.985.900.123</i>	<i>307.985.900.123</i>	-
4	Các quỹ khác	1.315.590.395.417	1.334.597.217.503	-
4.1	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>1.298.408.567.607</i>	<i>1.317.415.389.693</i>	-
4.2	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>8.567.615.773</i>	<i>8.567.615.773</i>	-

Stt	Khoản mục	Số liệu tại ngày 31/12/2024 theo BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2024 (đồng)	Số liệu tại ngày 31/12/2024 theo BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024 (đồng)	Số tiền được sử dụng để tăng vốn điều lệ (đồng)
4.3	<i>Quỹ nghiên cứu khoa học và đào tạo</i>	8.614.212.037	8.614.212.037	-
Số tiền được sử dụng để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu				3.431.376.380.000

- + Thời gian dự kiến phát hành: trong năm 2025, sau khi nhận được văn bản chấp thuận của NHNN và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN).
- + Thời gian dự kiến hoàn thành: theo quy định tại Giấy phép/Văn bản chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, dự kiến trong năm 2025.
- + Số lượng cổ phiếu dự kiến lưu hành sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 1.715.688.191 cổ phiếu (*Một tỷ, bảy trăm mười lăm triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, một trăm chín mươi một cổ phiếu*).

❖ **Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Ngân hàng Nam Á (Chương trình ESOP):**

- + Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 85.000.000 cổ phiếu (*Tám mươi lăm triệu cổ phiếu*).

Số lượng cổ phiếu ESOP dự kiến phát hành thêm này được xác định tối đa bằng (=) 5% số lượng cổ phiếu dự kiến lưu hành của Ngân hàng Nam Á sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 này, sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, và do đó tối đa bằng (=) 85.784.409 cổ phiếu (=5% × 1.715.688.191 cổ phiếu).

Việc phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP đảm bảo tại thời điểm phát hành phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 64 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán: Cụ thể: “2. Tổng số cổ phiếu phát hành theo chương trình trong mỗi 12 tháng không được vượt quá 5% số cổ phiếu đang lưu hành của công ty.”.

- + Giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành (theo mệnh giá): 850.000.000.000 đồng (*Tám trăm năm mươi tỷ đồng*).
- + Giá phát hành: bằng mệnh giá (10.000 đồng/cổ phiếu).
- + Đối tượng được mua cổ phiếu: cán bộ nhân viên Ngân hàng Nam Á và Công ty con của Ngân hàng Nam Á (người lao động).
- + Tiêu chuẩn người lao động được tham gia Chương trình ESOP: Người lao động có quốc tịch Việt Nam và:
 - Có thời gian tuyển dụng chính thức từ đủ 01 (một) năm trở lên tính đến thời

điểm lập danh sách người lao động tham gia Chương trình ESOP.

- Được công nhận danh hiệu thi đua cá nhân năm 2024.
 - Không thuộc 01 (một) trong các trường hợp không được tham gia Chương trình ESOP theo Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động của Ngân hàng Nam Á được ban hành theo từng thời kỳ.
- + Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành theo Chương trình ESOP bị hạn chế chuyển nhượng 100% số cổ phiếu trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành và 50% số cổ phiếu trong năm tiếp theo.
- + Mục đích phát hành:
- Ghi nhận và khen thưởng xứng đáng cho người lao động có thành tích vượt trội.
 - Gắn kết lợi ích của người lao động với kết quả hoạt động của Ngân hàng Nam Á.
 - Thu hút và giữ chân người lao động có năng lực thuộc đối tượng quy hoạch các vị trí lãnh đạo cấp cao.
- + Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết: trong trường hợp người lao động từ chối mua hoặc mua không hết số cổ phiếu được quyền mua, HĐQT được quyền phân phối số cổ phiếu này cho các đối tượng khác là người lao động đáp ứng các tiêu chuẩn xét chọn người lao động được quyền mua cổ phiếu ESOP. Giá chào bán và điều kiện hạn chế chuyển nhượng của số lượng cổ phiếu này tương tự như đối với cổ phiếu chào bán cho người lao động theo Chương trình ESOP.
- + Điều khoản mua lại cổ phiếu và bán ra số cổ phiếu mua lại: được quy định cụ thể tại Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động của Ngân hàng Nam Á.
- + Thời gian dự kiến phát hành: trong năm 2025, sau khi nhận được văn bản chấp thuận của NHNN, UBCKNN và sau khi hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 này.
- + Thông tin về đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong 12 tháng gần nhất của Ngân hàng Nam Á:
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 50.000.000 cổ phiếu (*Năm mươi triệu cổ phiếu*).
 - Ngày kết thúc đợt phát hành: ngày 02/10/2024.

IV. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Tổng số tiền dự kiến thu được từ các đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ dự kiến được phân bổ như sau:
 - Mua sắm tài sản cố định, công cụ lao động; xây dựng cơ sở vật chất các đơn vị kinh doanh hiện tại và tương lai;
 - Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh.
2. HĐQT chịu trách nhiệm cân đối và phân bổ số tiền thu được từ đợt tăng vốn vào các mục đích nêu trên một cách hợp lý, đảm bảo hiệu quả và lợi ích cho Ngân hàng và cổ đông.

V. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI VÀ DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số GCNĐKDN, ngày cấp, nơi cấp	Người đại diện theo pháp luật	Tỷ lệ sở hữu so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết thời điểm hiện tại	Tỷ lệ sở hữu so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau khi hoàn tất tăng vốn theo Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025
1	Công ty TNHH Ròng Thái Bình Dương	600 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TPHCM	Số 0301835179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp lần đầu ngày 07/10/1999	Hà Học Duy, CCCD số 068089000203 do CCS QLHC về TTXH cấp ngày 22/12/2021	9,092%	8,663%
Tổng cộng					9,092%	8,663%

VI. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI VÀ DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số GCNĐKDN, ngày cấp, nơi cấp	Người đại diện theo pháp luật	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn tất tăng vốn theo Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025
1	Công ty TNHH Ròng Thái Bình Dương	600 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TPHCM	Số 0301835179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp lần đầu ngày 07/10/1999	Hà Học Duy, CCCD số 068089000203 do CCS QLHC về TTXH cấp ngày 22/12/2021	9,092%	8,663%
Tổng cộng					9,092%	8,663%

VII. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU TỪ 15% VỐN ĐIỀU LỆ TRỞ LÊN SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI VÀ DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN: Không có.

VIII. SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

- Tổng mức sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại thời điểm 28/02/2025: 17.304.994 cổ phần (*Mười bảy triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn, chín trăm chín mươi bốn cổ phần*), chiếm 1,261% vốn điều lệ (Căn cứ Danh sách cổ đông chốt ngày 28/02/2025 của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam).
- Tổng mức sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài dự kiến sau khi tăng vốn: 21.631.242 cổ phần (*Hai mươi một triệu, sáu trăm ba mươi một nghìn, hai trăm bốn mươi hai cổ phần*), chiếm 1,201% vốn điều lệ.

IX. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH DỰ KIẾN SAU PHÁT HÀNH

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	Tăng/Giảm
1	Vốn điều lệ	13.726	18.007	4.281
2	Tổng tài sản	245.129	270.000	24.871
3	Huy động vốn cá nhân, TCKT và phát hành GTCG	178.341	209.000	30.659
4	Dư nợ cho vay cá nhân, TCKT	167.738	194.000	26.262
5	Tỷ lệ nợ xấu	2,33%	<2,5%	
6	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) theo Thông tư 41:			
6.1	+ Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ	12,54%	13,67%	1,13%
6.2	+ Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất	12,66%	13,77%	1,11%
7	Lợi nhuận trước thuế	4.545	5.000	455
8	Lợi nhuận sau thuế	3.607	4.000	393
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	1,55%	1,55%	0,00%
10	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	20,61%	18,42%	(2,19%)

X. KHẢ NĂNG QUẢN TRỊ, NĂNG LỰC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG NAM Á ĐỐI VỚI QUY MÔ VỐN VÀ QUY MÔ HOẠT ĐỘNG SAU PHÁT HÀNH

HDQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành hiện nay là những người có năng lực, có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, có khả năng quản trị, điều hành và kiểm soát được quy mô hoạt động của ngân hàng, đảm bảo việc sử dụng vốn một cách có hiệu quả và chấp hành các tỷ lệ về an toàn vốn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của NHNN.

XI. CÁC VẤN ĐỀ ỦY QUYỀN

Để thuận tiện cho quá trình thực hiện phương án tăng vốn điều lệ nêu trên, kính trình ĐHĐCĐ giao HĐQT và Người đại diện theo pháp luật được thực hiện các công việc sau:

- Quyết định lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Ngân hàng Nam Á theo Phương án tăng vốn điều lệ năm 2025;
- Quyết định ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền, sau khi có văn bản chấp thuận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- Ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Ngân hàng Nam Á; quyết định tiêu chí cụ thể, danh sách, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và số lượng cổ phần người lao động được tham gia chương trình và nguyên tắc làm tròn khi phân phối cổ phiếu cho người lao động;
- Trong trường hợp tại thời điểm triển khai thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động mà quy định pháp luật cho phép ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định tiêu chuẩn người lao động tham gia Chương trình ESOP, HĐQT được quyết định thêm các tiêu chuẩn ngoài các tiêu chuẩn đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Phương án này, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật hiện hành;
- Quyết định bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh và giải trình toàn bộ các vấn đề, nội dung của phương án tăng vốn điều lệ (bao gồm các quyết định về nội dung chưa được trình bày trong phương án tăng vốn này) và ký kết các văn bản liên quan để thực hiện việc tăng vốn theo đúng quy định của pháp luật khi làm thủ tục tăng vốn điều lệ;
- Quyết định sửa đổi các điều khoản liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ Ngân hàng Nam Á theo số vốn điều lệ thực tế sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu;
- Thực hiện các thủ tục sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động; đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sau khi hoàn tất đợt phát hành theo đúng quy định của pháp luật;
- Giao HĐQT cân nhắc, lựa chọn đơn vị tư vấn, chủ động triển khai các công việc liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phù hợp với các quy định của pháp luật;
- Quyết định các nội dung khác phát sinh để hoàn tất việc thực hiện tăng vốn điều lệ.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Ngân hàng Nam Á;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Số: 335/2025/TTQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH
VỀ VIỆC THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN
PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI RIÊNG LẺ

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Nam Á.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Ngân hàng TMCP Nam Á (Ngân hàng Nam Á) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua Phương án phát hành Trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ với các nội dung cơ bản như sau:

I. NHU CẦU PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI RIÊNG LẺ.

1. Tăng quy mô nguồn vốn hoạt động, bổ sung nguồn vốn trung dài hạn phục vụ nhu cầu cấp tín dụng tại Ngân hàng Nam Á.
2. Thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á khi chuyển đổi Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông theo Phương án phát hành.

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI RIÊNG LẺ.

Thông tin trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ.

Phương án phát hành trái phiếu (Phương án phát hành) sẽ có một số nội dung chính như sau:

- a. Loại hình Trái phiếu : Trái phiếu chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản bảo đảm.
- b. Kỳ hạn trái phiếu : Tối đa 5 (năm) năm kể từ ngày phát hành. ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định kỳ hạn trái phiếu cụ thể.
- c. Lãi suất trái phiếu : Lãi suất cố định và/hoặc thả nổi, phụ thuộc vào điều kiện thị trường tại thời điểm phát hành.

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định tùy thuộc vào điều kiện thị trường tại thời điểm phát hành.

- d. Đồng tiền phát hành và thanh toán : Đồng Việt Nam (VND) và/hoặc theo quy định về đồng tiền phát hành tại thị trường nước ngoài (nếu phát hành tại thị trường nước ngoài).
- e. Thị trường phát hành : Trái phiếu được chào bán trên thị trường trong nước hoặc quốc tế.
ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thị trường phát hành.
- f. Tổng mệnh giá trái phiếu chuyển đổi : Tối đa 2.000.000.000.000 đồng và/hoặc giá trị tương đương theo đồng tiền và mệnh giá quy định tại thị trường nước ngoài (nếu phát hành tại thị trường nước ngoài), phát hành một hoặc nhiều lần và ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định giá trị phát hành của từng đợt phát hành.
- g. Khối lượng phát hành : Tối đa 20.000 trái phiếu chuyển đổi mệnh giá VND và/hoặc tối đa theo quy định thị trường nước ngoài được quy đổi từ giá trị phát hành (nếu phát hành tại thị trường nước ngoài).
- h. Phương thức phát hành : Phát hành riêng lẻ thông qua đại lý phát hành và/hoặc bảo lãnh phát hành và/hoặc bán trực tiếp cho nhà đầu tư. ĐHĐCĐ giao cho HĐQT quyết định triển khai phương thức phát hành phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- i. Thời gian dự kiến phát hành : Dự kiến trong năm 2025 hoặc 2026. ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm phát hành phụ thuộc vào điều kiện thị trường sau khi có sự chấp thuận từ các cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- j. Các điều khoản về việc chuyển đổi trái phiếu : ❖ Thời hạn chuyển đổi: không quá kỳ hạn của trái phiếu phát hành. ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định thời hạn chuyển đổi và số đợt chuyển đổi, thời điểm chuyển đổi cụ thể của từng đợt.
❖ Nguyên tắc và giá chuyển đổi: việc chuyển đổi được thực hiện một lần hoặc nhiều lần theo số đợt chuyển đổi cho đến khi chuyển đổi hết toàn bộ số trái phiếu phát hành. Giá chuyển đổi là giá ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định nhưng không thấp hơn giá trị sổ sách trên một cổ phần của Ngân hàng Nam Á

căn cứ Báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính bán niên hợp nhất được kiểm toán hoặc soát xét bởi đơn vị kiểm toán đủ điều kiện gần nhất với thời điểm ký Hợp đồng mua bán Trái phiếu chuyển đổi với Nhà đầu tư.

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định mức giá chuyển đổi, tỷ lệ chuyển đổi/hoặc phương pháp xác định giá chuyển đổi cụ thể theo từng đợt chuyển đổi khi triển khai việc phát hành, điều kiện chống pha loãng và các điều khoản có liên quan khác trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc không thấp hơn giá trị sổ sách như trên.

❖ Điều chỉnh giá chuyển đổi: điều chỉnh giá chuyển đổi khi các sự kiện pha loãng cổ phiếu diễn ra. ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT thực hiện điều chỉnh giá chuyển đổi (nếu có phát sinh) phù hợp với tình hình thị trường và tuân thủ quy định của Pháp luật trước khi thực hiện chuyển đổi.

❖ Tỷ lệ chuyển đổi: bằng mệnh giá trái phiếu chia cho giá chuyển đổi được xác định tại thời điểm chuyển đổi.

Số cổ phiếu nhận được sau khi chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị và số cổ phiếu lẻ phát sinh sẽ được hủy bỏ. Ngân hàng Nam Á không phải thanh toán bất kỳ khoản tiền nào đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh được hủy bỏ.

❖ Nhà đầu tư mua trái phiếu chuyển đổi phải đáp ứng quy định pháp luật hiện hành về giới hạn góp vốn, mua cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của Nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi.

❖ Điều kiện chuyển đổi: Việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu chỉ được thực hiện sau khi Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tăng vốn điều lệ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành.

k. Các điều khoản, điều kiện, cam kết khác : Theo điều khoản và điều kiện cụ thể của trái phiếu chuyển đổi trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành.

ĐHĐCĐ giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành (bao gồm việc thực hiện lưu ký trái phiếu, điều khoản mua lại trái phiếu trước hạn, quyền mua cổ phiếu mới của nhà đầu tư trong trường hợp tổ chức phát hành thêm).

III. ĐỀ XUẤT.

Đề thuận lợi và chủ động trong việc triển khai thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan đến phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ các nội dung sau:

1. Thông qua Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ.
2. ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, phương án phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi, phù hợp theo quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:
 - Quyết định các vấn đề cụ thể được giao trong Phương án phát hành; quyết định (i) Giá chuyển đổi và tỷ lệ chuyển đổi cụ thể tại thời điểm chuyển đổi, (ii) Nội dung cụ thể các điều khoản và điều kiện cụ thể của Trái phiếu bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các vấn đề/các nội dung chưa được quy định cụ thể tại Phương án phát hành này;
 - Lựa chọn và chỉ định các tổ chức tham gia cung cấp dịch vụ liên quan tới đợt phát hành, bao gồm nhưng không giới hạn tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu, đại lý phát hành, tổ chức đăng ký, lưu ký Trái phiếu, tổ chức bảo lãnh phát hành (nếu có), tổ chức xếp hạng tín nhiệm (nếu có);
 - Quyết định nội dung các hợp đồng giao dịch với Nhà đầu tư, thoả thuận và tài liệu mà Ngân hàng Nam Á là một bên ký kết hoặc ban hành liên quan đến việc phát hành Trái phiếu (gọi chung là “Tài Liệu Giao Dịch”);
 - Lập phương án và kế hoạch chi tiết về việc sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành Trái phiếu;
 - Trong trường hợp cần thiết, HĐQT được quyền thay đổi/điều chỉnh phương án phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu để đảm bảo lợi ích cao nhất cho Ngân hàng Nam Á và các cổ đông. Việc thay đổi/ điều chỉnh Phương án phát hành, phương án sử dụng vốn của HĐQT phải đảm bảo các nội dung thay đổi/điều chỉnh thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT và đáp ứng các quy định của pháp luật có liên quan;
 - Lập kế hoạch về việc bố trí nguồn và phương thức thanh toán lãi, gốc Trái phiếu theo yêu cầu của Nhà đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) căn cứ vào tình hình thực tế của Ngân hàng Nam Á tại thời điểm phát hành;
 - Ký kết, chuyển giao các Tài Liệu Giao Dịch; tổ chức thực hiện các nghĩa vụ, cam kết và thoả thuận của Ngân hàng Nam Á trong các Tài Liệu Giao Dịch;
 - Ký kết và/hoặc chuyển giao tất cả các văn bản, thông báo sẽ được ký và/hoặc chuyển giao bởi Ngân hàng Nam Á trong các Tài Liệu Giao Dịch;

- Quyết định và thực hiện tất cả các công việc cần thiết khác phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng Nam Á, các Tài Liệu Giao Dịch để hoàn tất đợt phát hành Trái phiếu theo Phương án phát hành, bao gồm việc chỉ định và bổ nhiệm người được uỷ quyền ký các tài liệu liên quan, mở tài khoản ngân hàng phục vụ mục đích phát hành trái phiếu;
- Tổ chức triển khai thực hiện các công việc liên quan đến việc chào bán Trái phiếu chuyển đổi, đăng ký và lưu ký Trái phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau: (i) quyết định các hồ sơ, tài liệu nộp cho Uỷ ban chứng khoán Nhà nước, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc chào bán, đăng ký và lưu ký Trái phiếu phù hợp với quy định của pháp luật, (ii) làm việc và giải trình với các cơ quan chức năng, các đơn vị có liên quan về hồ sơ đăng ký chào bán và các vấn đề khác có liên quan đến việc chào bán Trái phiếu;
- Chủ động tìm kiếm, lập danh sách các Nhà đầu tư có nhu cầu mua Trái phiếu và lựa chọn (các) Nhà đầu tư tham gia đợt phát hành/chào bán Trái phiếu;
- Thực hiện các công việc cần thiết khác nhằm thực hiện thành công việc chào bán Trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, đăng ký Trái phiếu tại Đại lý đăng ký, lưu ký và các nội dung phát sinh trong thời gian Trái phiếu lưu hành;
- Tuỳ từng trường hợp cụ thể, HĐQT có thể uỷ quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc nêu trên.

HĐQT sẽ báo cáo kết quả thực hiện trong kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên lần tiếp theo.

Trân trọng kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cổ đông Ngân hàng Nam Á;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VPHĐQT.

(đã ký)

Trần Ngô Phúc Vũ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI RIÊNG LẺ
(Đính kèm Tờ trình số 335/2025/TTQT-NHNA về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ của Ngân hàng TMCP Nam Á)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

PHẦN I - GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

1. Tên tổ chức phát hành (đầy đủ): Ngân hàng TMCP Nam Á.
2. Tên tiếng Anh: Nam A Commercial Joint Stock Bank
3. Tên viết tắt: Nam A Bank
4. Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần (công ty đại chúng).
5. Địa chỉ trụ sở chính: 201 - 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, TP.HCM.
6. Điện thoại: (028)3929 6699 Fax: (028) 3929 6688
7. Website: www.namabank.com.vn.
8. Vốn điều lệ: 13.725.505.530.000 đồng (Bằng chữ: Mười ba nghìn, bảy trăm hai mươi lăm tỷ, năm trăm lẻ năm triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng).
9. Mã cổ phiếu: NAB (sàn giao dịch HOSE).
10. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300872315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01/09/1992 cấp thay đổi lần thứ 45 ngày 03/08/2023.
11. Giấy phép thành lập và hoạt động: số 18/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 13/04/2023 (thay thế Giấy phép số 0026/NH-GP cấp ngày 22/08/1992); Quyết định số 1506/QĐ-NHNN về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Nam Á do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 09/08/2023
12. Số tài khoản nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán: VCB_CN HCM – VND – NDT, số hiệu tài khoản: 0071001359575 mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (hoặc tài khoản khác theo tình hình thực tế tại thời điểm triển khai phương án).
13. Hoạt động kinh doanh chính:
 - Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;
 - Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: cho vay, chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh ngân hàng, phát hành thẻ tín dụng, bao thanh toán trong nước;

- Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng; Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: cung ứng phương tiện thanh toán, thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
- Mở tài khoản: mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;
- Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
- Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính, các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
- Dịch vụ môi giới tiền tệ;
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
- Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định;
- Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ, tài sản tài chính khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế;
- Lưu ký chứng khoán;
- Kinh doanh vàng miếng;
- Đại lý bảo hiểm;
- Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết thuộc sở hữu của Ngân hàng TMCP Nam Á;

- Hoạt động mua nợ;
- Ví điện tử;
- Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa;
- Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;
- Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định Luật chứng khoán; Ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán;
- Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

PHẦN II - PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI RIÊNG LẼ NGÂN HÀNG TMCP NAM Á

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỐI VỚI ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

1. Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
2. Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
3. Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
4. Căn cứ Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về Quy định chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;
5. Căn cứ Nghị định 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;
6. Căn cứ Nghị định 08/2023/NĐ-CP ngày 05/03/2023 sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;
7. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
8. Căn cứ Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Nam Á (Ngân hàng Nam Á);
9. Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

II. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

1. Tăng quy mô nguồn vốn hoạt động, bổ sung nguồn vốn trung dài hạn phục vụ nhu cầu tín dụng của Ngân hàng Nam Á.
2. Thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á khi chuyển đổi Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông theo Phương án phát hành.

THUYẾT MINH VIỆC ĐÁP ỨNG CÁC ĐIỀU KIỆN CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

STT	Điều kiện phát hành	Khả năng đáp ứng	Thuyết minh
I	Điều kiện theo Điều 9 Nghị định 153/2020/NĐ-CP		
1	Doanh nghiệp phát hành là công ty cổ phần	Đáp ứng	Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0300872315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01/09/1992 cấp thay đổi lần thứ 45 ngày 03/08/2023
2	Đối tượng tham gia đợt chào bán theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định 153/2020/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định 65/2022/NĐ-CP	Đáp ứng	Cam kết tuân thủ theo Điều 11 và Điều 31 Luật Chứng Khoán 2019 và Khoản 6 Điều 1 Nghị định 65/2022/NĐ-CP
3	Thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu	Đáp ứng	<p>Tổ Chức Phát Hành đã thực hiện thanh toán đầy đủ gốc và lãi của Trái Phiếu đã phát hành và đã đáo hạn trong 03 (ba) năm liên tiếp trước đợt phát hành Trái Phiếu.</p> <p>Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 (ba) năm liên tiếp trước đợt phát hành Trái Phiếu.</p> <p>Đối với các Trái Phiếu đã phát hành và còn dư nợ đến thời điểm thực hiện phát hành Trái Phiếu này, Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán đầy đủ các khoản lãi đến hạn, nghĩa vụ</p>

STT	Điều kiện phát hành	Khả năng đáp ứng	Thuyết minh
			thanh toán gốc đối với các trái phiếu còn dư nợ này chưa phát sinh đến thời điểm phát hành Trái Phiếu này.
4	Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành	Đáp ứng	Nam A Bank đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành thông qua các báo cáo gửi NHNN định kỳ.
5	Có phương án phát hành trái phiếu được phê duyệt và chấp thuận theo quy định	Đáp ứng	Cấp có thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận phương án phát hành là Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)
6	Có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện theo quy định	Đáp ứng	Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán ngày 31/12/2024
7	Các đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ phải cách nhau ít nhất 06 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán gần nhất	Đáp ứng	Ngân hàng Nam Á chưa phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ trong vòng 06 tháng gần nhất.
8	Việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.	Đáp ứng	Ngân hàng Nam Á cam kết Tuân thủ quy định khi thực hiện phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi
II	Điều kiện theo Điều 10 Nghị định 153/2020/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định 65/2022/NĐ-CP và điều chỉnh tại Nghị định 08/2023/NĐ-CP		

STT	Điều kiện phát hành	Khả năng đáp ứng	Thuyết minh
1	Các điều kiện chào bán quy định tại Điều 9 Nghị định 153/2020/NĐ-CP	Đáp ứng	Đã đáp ứng theo quy định tại Mục I trên đây
2	Có nhu cầu huy động vốn thành nhiều đợt phù hợp với mục đích phát hành trái phiếu được phê duyệt theo quy định	Đáp ứng	Ngân hàng Nam Á có nhu cầu huy động vốn thành nhiều đợt, phù hợp với mục đích phát hành và được ĐHĐCĐ phê duyệt
3	Có phương án phát hành trái phiếu trong đó dự kiến cụ thể về khối lượng, thời điểm và kế hoạch sử dụng vốn của từng đợt chào bán	Đáp ứng	Phương án phát hành gồm có nhiều đợt và đã được ĐHĐCĐ phê duyệt
4	Thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt chào bán không vượt quá 90 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào bán. Tổng thời gian chào bán trái phiếu thành nhiều đợt tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày phát hành của đợt chào bán đầu tiên	Đáp ứng	Ngân hàng Nam Á cam kết tuân thủ việc phân phối trái phiếu đảm bảo theo thời hạn quy định

III. ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU KIỆN TRÁI PHIẾU

1. Tổ chức phát hành: Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á.
2. Tên gọi trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi Ngân hàng Nam Á.
3. Đồng tiền phát hành và thanh toán trái phiếu: đồng Việt Nam (VND) và/hoặc theo quy định về đồng tiền phát hành tại thị trường nước ngoài (nếu phát hành tại thị trường nước ngoài).
4. Loại hình trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản bảo đảm.
5. Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ thông qua đại lý phát hành và/hoặc bảo lãnh phát hành và/hoặc bán trực tiếp cho nhà đầu tư. ĐHĐCĐ giao cho HĐQT quyết định triển khai phương thức phát hành phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành..
6. Hình thức Trái phiếu: Trái phiếu ghi sổ.
7. Ngày phát hành: dự kiến trong năm 2025, ĐHĐCĐ giao và uỷ quyền cho HĐQT quyết định thời điểm phát hành phụ thuộc vào điều kiện thị trường sau khi có sự chấp thuận từ các cơ quan chức năng có thẩm quyền.
8. Ngày đáo hạn trái phiếu: dự kiến tối đa 5 (năm) năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

9. Kỳ hạn trái phiếu: Tối đa 5 (năm) năm kể từ ngày phát hành. ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định kỳ hạn trái phiếu cụ thể.
10. Mệnh giá trái phiếu: tối thiểu 100.000.000 đồng/trái phiếu và là bội số của 100.000.000 đồng và/hoặc theo quy định về mệnh giá trái phiếu phát hành tại thị trường nước ngoài (nếu phát hành tại thị trường nước ngoài).
11. Số lượng trái phiếu chuyển đổi dự kiến phát hành: tối đa 20.000 trái phiếu chuyển đổi mệnh giá VND và/hoặc tối đa theo quy định tại thị trường nước ngoài được quy đổi từ giá trị phát hành (nếu phát hành tại thị trường nước ngoài).
12. Giá phát hành: trái phiếu chuyển đổi được phát hành bằng 100% mệnh giá.
13. Tổng giá trị trái phiếu chuyển đổi dự kiến phát hành (theo mệnh giá): tối đa 2.000.000.000.000 đồng và/hoặc giá trị tương đương theo đồng tiền và mệnh giá quy định tại thị trường nước ngoài (nếu phát hành tại thị trường nước ngoài).
14. Lãi suất danh nghĩa trái phiếu: Lãi suất cố định và/hoặc thả nổi, phụ thuộc vào điều kiện thị trường tại thời điểm phát hành; ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định tùy thuộc vào điều kiện thị trường tại thời điểm phát hành.
15. Số đợt phát hành và kế hoạch phát hành dự kiến:

Đợt phát hành	Số lượng trái phiếu chuyển đổi dự kiến	Giá trị phát hành dự kiến (theo mệnh giá, đồng)	Thời điểm phát hành dự kiến
Đợt 1	10.000	1.000.000.000.000	Từ quý III-IV năm 2025
Đợt 2	10.000	1.000.000.000.000	Từ quý IV năm 2025 đến quý I năm 2026
Tổng cộng	20.000	2.000.000.000.000	

Trường hợp chưa chào bán hết số lượng trái phiếu phát hành như dự kiến của từng Đợt, thì số lượng chưa chào bán hết sẽ được lần lượt chuyển sang Đợt phát hành tiếp theo.

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian phát hành, điều chỉnh số đợt phát hành, điều chỉnh số lượng trái phiếu phát hành và thời điểm phát hành (nếu có) của từng đợt theo khả năng tiêu thụ của thị trường, tình hình giải ngân tín dụng của Ngân hàng Nam Á, đảm bảo không vượt quá tổng số lượng dự kiến chào bán.

16. Phương thức thanh toán gốc, lãi: Lãi Trái Phiếu được thanh toán vào ngày tròn 12 (mười hai) tháng so với Ngày Phát Hành tính từ Ngày Phát Hành đến khi đáo hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn theo quy định tại Bản công bố thông tin của đợt phát hành; Gốc Trái Phiếu được trả 01 (một) lần vào Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn theo quy định tại Bản công bố thông tin của đợt phát hành;
17. Thị trường phát hành: trái phiếu được chào bán trên thị trường trong nước hoặc quốc tế. ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thị trường phát hành.

18. Các điều khoản về việc chuyển đổi trái phiếu:

- Thời hạn chuyển đổi: không quá kỳ hạn của trái phiếu phát hành. ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định thời hạn chuyển đổi và số đợt chuyển đổi, thời điểm chuyển đổi cụ thể của từng đợt.
- Nguyên tắc và giá chuyển đổi: việc chuyển đổi được thực hiện một lần hoặc nhiều lần theo số đợt chuyển đổi cho đến khi chuyển đổi hết toàn bộ số trái phiếu phát hành. Giá chuyển đổi là giá ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định nhưng không thấp hơn giá trị sổ sách trên một cổ phần của Ngân hàng Nam Á căn cứ Báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính bán niên hợp nhất được kiểm toán hoặc soát xét bởi đơn vị kiểm toán đủ điều kiện gần nhất với thời điểm ký Hợp đồng mua bán Trái phiếu chuyển đổi với Nhà đầu tư.

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định mức giá chuyển đổi, tỷ lệ chuyển đổi/hoặc phương pháp xác định giá chuyển đổi cụ thể theo từng đợt chuyển đổi khi triển khai việc phát hành, điều kiện chống pha loãng và các điều khoản có liên quan khác trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc không thấp hơn giá trị sổ sách như trên.

- Điều chỉnh giá chuyển đổi: điều chỉnh giá chuyển đổi khi các sự kiện pha loãng cổ phiếu diễn ra. ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT thực hiện điều chỉnh giá chuyển đổi (nếu có phát sinh) phù hợp với tình hình thị trường và tuân thủ quy định của Pháp luật trước khi thực hiện chuyển đổi.
- Tỷ lệ chuyển đổi: bằng mệnh giá trái phiếu chia cho giá chuyển đổi được xác định tại thời điểm chuyển đổi.

Số cổ phiếu nhận được sau khi chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị và số cổ phiếu lẻ phát sinh sẽ được hủy bỏ. Ngân hàng Nam Á không phải thanh toán bất kỳ khoản tiền nào đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh được hủy bỏ.

- Nhà đầu tư mua trái phiếu chuyển đổi phải đáp ứng quy định pháp luật hiện hành về giới hạn góp vốn, mua cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của Nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi.
- Điều kiện chuyển đổi: Việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu chỉ được thực hiện sau khi Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tăng vốn điều lệ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành.

19. Các trường hợp, điều kiện, điều khoản và cam kết của doanh nghiệp phát hành về việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu:

- Tùy theo tình hình thực tế, việc mua lại trái phiếu trước hạn của Ngân hàng Nam Á nhằm mục đích cơ cấu lại nguồn vốn, giảm nghĩa vụ nợ, tiết kiệm chi phí và giảm thiểu rủi ro lãi suất cho Ngân hàng Nam Á, trái phiếu chuyển đổi có thể được mua lại một phần hoặc toàn bộ với điều kiện sau khi thực hiện vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, phù hợp với các yêu cầu của pháp luật.

- Ngoài ra, trong trường hợp Nhà đầu tư thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu mà tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại thời điểm chuyển đổi không đáp ứng để thực hiện việc chuyển đổi thì tổ chức phát hành sẽ thực hiện việc mua lại trái phiếu.
- Ngân hàng Nam Á có thể mua lại trái phiếu chuyển đổi vào bất kỳ thời điểm nào trước ngày đáo hạn với mức giá mua lại, thời điểm mua lại và điều kiện mua lại cụ thể sẽ do HĐQT quyết định, tùy vào tình hình thị trường và quy định cụ thể trong các điều khoản, điều kiện trái phiếu chuyển đổi.
- Bắt buộc mua lại theo yêu cầu của Nhà đầu tư khi:
- Doanh nghiệp phát hành vi phạm pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận.
- Doanh nghiệp phát hành vi phạm phương án phát hành trái phiếu mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận.

20. Một số chỉ tiêu tài chính của doanh nghiệp trong 03 năm liền kề trước năm phát hành và sự thay đổi sau khi phát hành (nếu có), bao gồm:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2022
Vốn chủ sở hữu	19.288.533	15.241.792	12.649.780
<i>1. Vốn của TCTD</i>	13.725.604	10.580.866	10.036.613
<i>a. Vốn điều lệ</i>	13.725.506	10.580.416	8.464.347
<i>b. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm TSCD</i>	10	10	10
<i>c. Thặng dư vốn cổ phần</i>	63	415	1.572.231
<i>d. Vốn khác</i>	25	25	25
<i>2. Các quỹ</i>	2.174.392	1.447.731	1.051.414
<i>3. Lợi nhuận chưa phân phối</i>	3.388.537	3.213.195	1.561.753
<i>4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản</i>	-	-	-
<i>5. Chênh lệch tỷ giá</i>	-	-	-
Tổng số nợ phải trả:	225.840.450	194.654.447	164.928.954
+ Nợ vay ngân hàng	1.481.021	1.204.707	1.064.988

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2022
+ Nợ vay từ phát hành trái phiếu	3.960.000	3.710.000	500.000
+ Nợ phải trả khác	220.399.829	189.739.740	163.363.966
<i>Tiền gửi của khách hàng</i>	158.334.003	145.428.945	124.993.335
<i>Tiền gửi và vay các TCTD khác</i>	39.196.315	24.021.674	21.344.036
<i>Phát hành GTCG (không bao gồm Trái phiếu)</i>	16.046.940	14.748.868	11.883.663
Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	92,13%	92,74%	92,88%
Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)	11,71%	12,77%	13,04%
Dư nợ vay trái phiếu/Vốn chủ sở hữu	20,53%	24,34%	3,95%
Lợi nhuận trước thuế	4.545.398	3.303.952	2.267.979
Lợi nhuận sau thuế	3.607.093	2.621.619	1.807.876
Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân (ROA)	1,55%	1,29%	1,06%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	20,61%	18,57%	15,02%

Một số chỉ tiêu tài chính thay đổi sau khi phát hành (dự kiến):

Chỉ tiêu (Hợp nhất)	Thay đổi sau khi phát hành (triệu đồng)
Tổng số nợ phải trả:	227.840.850
+ Trong đó, nợ vay từ phát hành trái phiếu	5.960.000
Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	92,21%
Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	11,83%
Dư nợ vay trái phiếu/Vốn chủ sở hữu	30,94%
Các chỉ tiêu khác	Không thay đổi

Lưu ý: Trên đây là số dự kiến thay đổi sau khi phát hành dựa trên số liệu tại ngày 31/12/2024 và được xét trong điều kiện các chỉ tiêu khác không thay đổi.

21. Các chỉ tiêu an toàn vốn:

STT	Các chỉ tiêu	Thay đổi sau khi phát hành (dự kiến)	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2022	Giới hạn của NHNN
1	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR, %)	12,66%	12,66%	11,16%	8,92%	≥ 8%
2	Tỷ lệ khả năng chi trả (%)					
2.1	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản		23,42%	20,38%	16,37%	≥ 10%
2.2	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (VNĐ)		87,83%	87,74%	91,93%	≥ 50%
2.3	Tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày với USD và ngoại tệ khác		282,65%	254,73%	Không phát sinh	≥ 10%
3	Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn (%)	21,09%	22,33%	19,93%	23,65%	≤ 34%
4	Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (%)	76,28%	76,98%	75,05%	74,70%	≤ 80% ≤ 85% (từ năm 2020)
5	Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có (%)					
5.1	Trạng thái ngoại tệ dương so với vốn tự có		0,19%	0,09%	2,77%	≤ 18%
5.2	Trạng thái ngoại tệ âm so với vốn tự có		4%	1,11%	0	≥ -18%
5.3	Trạng thái vàng cuối ngày so với vốn tự có		0%	0,01%	0,01%	≤ 1%
6	Tỷ lệ đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh so với tổng nợ phải trả bình quân tháng liền kề trước đó		5,4%	7,47%	9,52%	≤ 27%

Lưu ý: Trên đây là số dự kiến thay đổi sau khi phát hành dựa trên số liệu tại ngày 31/12/2024 và được xét trong điều kiện các chỉ tiêu khác không thay đổi.

22. Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu đã phát hành và các khoản nợ đến hạn (không bao gồm nợ trái phiếu) trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu: Ngân hàng Nam Á đảm bảo đúng nghĩa vụ phát sinh, không phát sinh nợ quá hạn.
23. Báo cáo về tình hình phát hành và sử dụng vốn đối với các trái phiếu còn dư nợ, tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu, bao gồm:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2022
Số dư đầu kỳ	3.710.000	500.000	700.000
Tổng khối lượng trái phiếu phát hành trong năm	2.960.000	3.410.000	300.000
Lãi, gốc trái phiếu đã thanh toán			
- Lãi trái phiếu đã thanh toán	244.482	62.707	44.600
- Gốc trái phiếu đã thanh toán	2.710.000	200.000	500.000
Dư nợ trái phiếu còn lại (tại thời điểm cuối năm)	3.960.000	3.710.000	500.000
Tình hình sử dụng vốn trái phiếu	Bổ sung nguồn vốn cho vay, bổ sung dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu tạm thời nhàn rỗi do giải ngân theo tiến độ	Bổ sung nguồn vốn cho vay, bổ sung dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu tạm thời nhàn rỗi do giải ngân theo tiến độ	Tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng Nam Á và Đáp ứng nhu cầu cho vay của Ngân hàng Nam Á trong từng thời kỳ
Kế hoạch thanh toán lãi/gốc trái phiếu	Thanh toán theo đúng điều khoản, điều kiện của Trái phiếu đã được nêu trong Bản công bố thông tin tại thời điểm mua trái phiếu	Thanh toán theo đúng điều khoản, điều kiện của Trái phiếu đã được nêu trong Bản công bố thông tin tại thời điểm mua trái phiếu	Thanh toán theo đúng điều khoản, điều kiện của Trái phiếu đã được nêu trong Bản công bố thông tin tại thời điểm mua trái phiếu

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2022
Các vi phạm pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu	Không	Không	Không

24. Đánh giá về tình hình tài chính và khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp, khả năng trả nợ đối với trái phiếu dự kiến phát hành: Ngân hàng Nam Á đảm bảo khả năng tài chính và khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn theo đúng kế hoạch, đúng cam kết với Nhà đầu tư, tuân thủ theo các quy định của pháp luật.
25. Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính hoặc ý kiến soát xét của kiểm toán đối với báo cáo tài chính: Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2024 do Đơn vị kiểm toán được Ngân hàng Nam Á lựa chọn thực hiện kiểm toán, ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính là ý kiến chấp nhận toàn phần.
26. Phương thức phát hành trái phiếu: phát hành riêng lẻ thông qua đại lý phát hành và/hoặc bảo lãnh phát hành và/hoặc bán trực tiếp cho Nhà đầu tư.
27. Đối tượng chào bán trái phiếu: đối tượng mua trái phiếu là Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, Nhà đầu tư chiến lược, trong đó số lượng Nhà đầu tư chiến lược phải đảm bảo dưới 100 Nhà đầu tư, đồng thời đáp ứng quy định pháp luật hiện hành về giới hạn góp vốn, mua cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của Nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi.
28. Cam kết công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành: Ngân hàng Nam Á cam kết công bố thông tin về đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi theo đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và tính chính xác của thông tin công bố.
29. Điều khoản về đăng ký, lưu ký trái phiếu theo quy định: Trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ được đăng ký, lưu ký tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo các quy định hiện hành.
30. Điều khoản về giao dịch trái phiếu theo quy định.
- Trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ được đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo các quy định hiện hành.
 - Việc giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu chuyển đổi chào bán riêng lẻ bị hạn chế tối thiểu là 03 năm đối với Nhà đầu tư chiến lược và tối thiểu là 01 năm đối với Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.
31. Quyền lợi và trách nhiệm của Nhà đầu tư mua trái phiếu:
- a. Quyền lợi của Nhà đầu tư mua Trái Phiếu

- Người sở hữu trái phiếu được Ngân hàng Nam Á công bố thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định 153, Nghị định 65 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có); được quyền tiếp cận hồ sơ chào bán trái phiếu khi có yêu cầu;
- Người sở hữu trái phiếu được thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền gốc và lãi khi đến hạn thanh toán theo quy định của đợt phát hành;
- Người sở hữu trái phiếu được dùng trái phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, thừa kế, chiết khấu; được sử dụng trái phiếu làm tài sản bảo đảm trong các quan hệ dân sự và quan hệ thương mại theo quy định của pháp luật;
- Được sử dụng trái phiếu làm tài sản cầm cố tại các tổ chức tín dụng khác theo các quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay nếu được tổ chức tín dụng đó chấp thuận;
- Được yêu cầu Ngân hàng Nam Á mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định 153, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 65 và điều khoản, điều kiện mua lại trái phiếu tại phương án phát hành;
- Được yêu cầu người bán Trái Phiếu cung cấp đầy đủ nội dung công bố thông tin của Ngân hàng Nam Á theo quy định tại Nghị định 153 (được sửa đổi bởi Nghị định 65, Nghị định 08) này khi mua trái phiếu trên thị trường thứ cấp;
- Nhà đầu tư mua Trái Phiếu được thực hiện biểu quyết đối với các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Một nghị quyết, quyết định được xem là thông qua hợp lệ nếu được chấp thuận bởi tối thiểu 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành;
- Tỷ lệ biểu quyết chấp thuận các vấn đề liên quan đến điều kiện, điều khoản sau khi phát hành thành công: được cấp có thẩm quyền của Ngân hàng Nam Á thông qua, và được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận;
- Các quyền lợi khác theo quy định tại Hợp đồng đặt mua trái phiếu và quy định của pháp luật.

b. Trách nhiệm của Nhà đầu tư mua Trái Phiếu.

- Tiếp cận đầy đủ nội dung công bố thông tin của Ngân hàng Nam Á; hiểu rõ phương án phát hành, điều kiện, điều khoản trái phiếu và các cam kết khác của Ngân hàng Nam Á trước khi quyết định mua và giao dịch Trái Phiếu;
- Hiểu rõ về các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư, giao dịch Trái Phiếu; hiểu rõ và đảm bảo tuân thủ quy định về đối tượng Nhà đầu tư, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại Nghị định 153 và Nghị định 65 và quy định của pháp luật liên quan;
- Tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư và giao dịch trái phiếu. Nhà nước không đảm bảo việc Ngân hàng Nam Á thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc Trái Phiếu khi đến hạn và các quyền khác cho Nhà đầu tư mua Trái Phiếu;

- Trước khi mua Trái Phiếu (cả trên thị trường sơ cấp và thứ cấp), Nhà đầu tư phải ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định nêu trên và tự chịu trách nhiệm đối với quyết định mua Trái Phiếu của mình sau khi ký văn bản xác nhận này. Văn bản xác nhận thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 65 và phải được lưu trữ tại hồ sơ chào bán khi phát hành Trái Phiếu hoặc tại công ty chứng khoán nơi Nhà đầu tư thực hiện giao dịch Trái Phiếu theo quy định của pháp luật;
 - Thực hiện giao dịch Trái Phiếu theo quy định tại Điều 16 Nghị định 153 (được sửa đổi bởi Nghị định 65); không được bán hoặc cùng góp vốn đầu tư Trái Phiếu với Nhà đầu tư không phải là Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp dưới mọi hình thức;
- Khi bán Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp phải cung cấp đầy đủ nội dung công bố thông tin của Ngân hàng Nam Á theo quy định tại Nghị định 153 (được sửa đổi bởi Nghị định 65) cho Nhà đầu tư mua trái phiếu.
- Có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ thuế phát sinh từ thu nhập chịu thuế của Nhà đầu tư;
- Các trách nhiệm khác quy định tại Hợp đồng đặt mua trái phiếu và quy định của pháp luật.

32. Quyền và trách nhiệm của Ngân hàng Nam Á:

- Ngân hàng Nam Á có quyền sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu theo mục đích phát hành Trái Phiếu đã công bố và hưởng các quyền khác của Ngân hàng Nam Á theo quy định của pháp luật và Văn Kiện Trái Phiếu;
- Ngân hàng Nam Á sẽ lập (vào ngày phát hành) danh sách người sở hữu trái phiếu nhằm mục đích nộp hồ sơ đăng ký, lưu ký Trái Phiếu tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo đúng quy định;
- Ngân hàng Nam Á sẽ thanh toán các khoản gốc, lãi Trái Phiếu, tất cả các nghĩa vụ khác phải thanh toán liên quan đến Trái Phiếu (nếu có) cho Người Sở Hữu Trái Phiếu tại mỗi và tất cả các thời điểm Ngân hàng Nam Á có nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền này cho Người Sở Hữu Trái Phiếu và thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ khác của Ngân hàng Nam Á theo quy định của pháp luật, hồ sơ chào bán Trái Phiếu;
- Ngân hàng Nam Á cam kết sẽ duy trì tư cách pháp lý của Ngân hàng Nam Á là một công ty hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, thực hiện toàn bộ các yêu cầu về công bố thông tin, quản lý sổ sách chứng từ, hệ thống tài chính – kế toán, thực hiện các nghĩa vụ thuế, các giao dịch, v.v. theo quy định của pháp luật, hồ sơ chào bán Trái Phiếu;
- Tuân thủ quy định pháp luật về việc chào bán trái phiếu
- Có trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu theo đúng phương án phát hành trái phiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ chào bán trái phiếu và các thông tin công bố; thực hiện chế độ quản lý tài chính, kế toán thống kê và kiểm toán theo quy định của pháp luật.
 - Có trách nhiệm giải thích cho Nhà đầu tư các thông tin liên quan đến phương án phát hành, các rủi ro pháp lý, rủi ro đầu tư, rủi ro sử dụng vốn, quyền, lợi ích, trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp phát hành và của Nhà đầu tư;
 - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng đặt mua trái phiếu và quy định của pháp luật.
33. Trách nhiệm và nghĩa vụ của từng tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ liên quan đến việc phát hành trái phiếu: được quy định tại các Hợp đồng cung cấp dịch vụ liên quan đến việc phát hành Trái phiếu từng đợt cụ thể.
34. Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược và danh sách Nhà đầu tư chiến lược:
- Tiêu chí lựa chọn: Nhà đầu tư có tiềm năng về tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm; có thể hỗ trợ Ngân hàng Nam Á trong các hoạt động kinh doanh, có khả năng tham gia, tham vấn công tác quản trị điều hành doanh nghiệp, phù hợp với nhu cầu phát triển của Ngân hàng Nam Á.
 - Danh sách Nhà đầu tư: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Nhà đầu tư phù hợp với tiêu chí và đảm bảo không quá 100 Nhà đầu tư.
35. Kế hoạch bố trí nguồn và phương thức thanh toán lãi, gốc trái phiếu:
- Kế hoạch bố trí nguồn thanh toán lãi, gốc trái phiếu: Ngân hàng Nam Á sử dụng nguồn thu hợp pháp từ lãi tích lũy trong hoạt động cho vay khách hàng từ nguồn trái phiếu, nguồn vốn hoạt động chung, tiền lãi từ hoạt động kinh doanh và các nguồn vốn hợp pháp khác để thanh toán gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn.
- Tiền gốc trái phiếu: thanh toán một lần vào ngày đáo hạn theo hình thức chuyển khoản/tiền mặt. Trường hợp ngày thanh toán tiền gốc trái phiếu rơi vào nghỉ, lễ, Tết thì chuyển sang ngày làm việc kế tiếp.
 - Tiền lãi trái phiếu: thanh toán định kỳ 1 năm/lần theo hình thức chuyển khoản/tiền mặt. Ngày thanh toán lãi trái phiếu trùng với ngày phát hành trái phiếu, trường hợp ngày trả lãi rơi vào ngày nghỉ, Lễ, Tết thì chuyển sang ngày làm việc kế tiếp.
36. Các cam kết khác đối với Nhà đầu tư mua trái phiếu: không có
37. Các điều khoản điều kiện khác: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng và quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung nội dung tại Phương án phát hành này trên cơ sở phân tích thị trường và thông báo cho Những người sở hữu trái phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn ở: điều khoản mua lại trái phiếu trước hạn, quyền mua cổ phiếu mới của Nhà đầu tư trong trường hợp tổ chức phát hành thêm... phù hợp với các quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi của Nhà đầu tư.

IV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NGUỒN VỐN THU ĐƯỢC TỪ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến được sử dụng như sau:

Đợt	Mục đích sử dụng vốn	Giá trị phát hành (theo mệnh giá, đồng)	Kế hoạch sử dụng vốn
1	Tăng quy mô nguồn vốn hoạt động, bổ sung nguồn vốn trung dài hạn phục vụ nhu cầu tín dụng trung dài hạn.	1.000.000.000.000	Từ quý III-IV năm 2025
2	Tăng quy mô nguồn vốn hoạt động, bổ sung nguồn vốn trung dài hạn phục vụ nhu cầu tín dụng trung dài hạn.	1.000.000.000.000	Từ quý IV năm 2025 đến quý I năm 2026
Tổng		2.000.000.000.000	

Trong trường hợp nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu tạm thời nhàn rỗi do giải ngân theo tiến độ được Ngân hàng Nam Á sử dụng bổ sung dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng nhà nước theo đúng quy định. HĐQT quyết định phân bổ, điều chỉnh mục đích và kế hoạch sử dụng vốn chi tiết, tùy theo tình hình thực tế của Ngân hàng Nam Á, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

PHẦN III - PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ CHUYỂN ĐỔI TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Kế hoạch phát hành cổ phiếu để chuyển đổi cho các Chủ sở hữu trái phiếu chuyển đổi được phát hành theo Phần II phương án này (sau đây gọi tắt là “cổ phiếu”)

1. Loại chứng khoán được phát hành: cổ phiếu phổ thông;
2. Loại tiền phát hành: Việt Nam Đồng (VNĐ);
3. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu;
4. Thời điểm phát hành: trong thời hạn chuyển đổi và tương ứng với thời điểm chuyển đổi của từng đợt chuyển đổi của trái phiếu chuyển đổi được quy định tại Phần II Phương án này và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phiếu được phát hành cho mục đích chuyển đổi;

Trong trường hợp Nhà đầu tư khi thực hiện chuyển đổi Trái phiếu chuyển đổi mà dẫn đến việc Nhà đầu tư và người có liên quan sở hữu từ 25% cổ phần đang lưu hành của Tổ Chức Phát Hành hoặc các trường hợp khác phải thực hiện chào mua công khai như quy định tại Luật Chứng khoán hoặc các văn bản sửa đổi có bổ sung liên quan:

- Nhà đầu tư sẽ không được phép thực hiện chuyển đổi và/hoặc thực hiện quyền mua đổi với số lượng cổ phiếu chuyển đổi vượt quá mức theo quy định; hoặc
- Tổ Chức Phát Hành sẽ tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua việc miễn chào mua công khai đối với Nhà đầu tư.

5. Tổng số cổ phiếu phát hành: bằng số lượng Trái phiếu chuyển đổi mà Nhà đầu tư có yêu cầu chuyển đổi và được quyền chuyển đổi nhân với số cổ phần nhận được khi chuyển đổi 1 trái phiếu;
6. Tổng mệnh giá cổ phiếu phát hành: phụ thuộc vào số lượng cổ phiếu thực tế phát hành;
7. Đối tượng phát hành: các Chủ sở hữu trái phiếu chuyển đổi; đáp ứng quy định pháp luật hiện hành về giới hạn góp vốn, mua cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của Nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi. Việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu chỉ được thực hiện sau khi Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tăng vốn điều lệ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành;
8. Số đợt phát hành: theo số đợt chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi tương ứng tại Phần II Phương án này;
9. Mục đích của việc phát hành: để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;
10. Giá phát hành: bằng giá chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi được quy định tại mục IV Phần II tờ trình này;
11. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài khi thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục theo quy định (nếu có) nhằm đáp ứng và đảm bảo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện phát hành cổ phiếu để chuyển đổi theo các quy định hiện hành;
12. Xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn khi thực hiện chuyển đổi: Số cổ phiếu nhận được sau khi chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị và số cổ phiếu lẻ phát sinh sẽ được hủy bỏ. Ngân hàng Nam Á không phải thanh toán bất kỳ khoản tiền nào đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh được hủy bỏ;
13. Quy định về chuyển nhượng: cổ phiếu phát hành để chuyển đổi được tự do chuyển nhượng sau khi hoàn tất việc chuyển đổi và các thủ tục có liên quan. Trường hợp việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trước khi hết thời gian hạn chế chuyển nhượng, cổ phiếu phát hành sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong khoảng thời gian hạn chế chuyển nhượng còn lại của trái phiếu chuyển đổi.
14. Thời điểm ghi nhận vốn điều lệ tăng thêm: thời điểm Ngân hàng Nam Á ghi nhận vốn điều lệ tăng thêm là thời điểm Ngân hàng Nam Á được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận mức vốn điều lệ mới;
15. Đăng ký lưu ký và niêm yết cổ phiếu: Toàn bộ số lượng cổ phiếu chuyển đổi thực tế được phát hành và chuyển đổi sẽ được đăng ký lưu ký tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định hiện hành đối với cổ phiếu Ngân hàng Nam Á.
16. Các nội dung khác: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng và quyết định.

PHẦN IV - ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, phương án phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi phù hợp theo quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

1. Quyết định các vấn đề cụ thể được giao trong Phương án phát hành; quyết định (i) Giá chuyển đổi và tỷ lệ chuyển đổi cụ thể tại thời điểm chuyển đổi, (ii) Nội dung cụ thể các điều khoản và điều kiện cụ thể của Trái phiếu bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các vấn đề/các nội dung chưa được quy định cụ thể tại Phương án phát hành này;
2. Lựa chọn và chỉ định các tổ chức tham gia cung cấp dịch vụ liên quan tới đợt phát hành, bao gồm nhưng không giới hạn tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu, đại lý phát hành, tổ chức đăng ký, lưu ký Trái phiếu, tổ chức bảo lãnh phát hành (nếu có), tổ chức xếp hạng tín nhiệm (nếu có);
3. Quyết định nội dung các hợp đồng giao dịch với Nhà đầu tư, thoả thuận và tài liệu mà Ngân hàng Nam Á là một bên ký kết hoặc ban hành liên quan đến việc phát hành Trái phiếu (gọi chung là “Tài Liệu Giao Dịch”);
4. Lập phương án và kế hoạch chi tiết về việc sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành Trái phiếu;
5. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT được quyền thay đổi/điều chỉnh phương án phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu để đảm bảo lợi ích cao nhất cho Ngân hàng Nam Á và các cổ đông. Việc thay đổi/ điều chỉnh Phương án phát hành, phương án sử dụng vốn của HĐQT phải đảm bảo các nội dung thay đổi/điều chỉnh thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT và đáp ứng các quy định của pháp luật có liên quan;
6. Lập kế hoạch về việc bố trí nguồn và phương thức thanh toán lãi, gốc Trái phiếu theo yêu cầu của Nhà đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) căn cứ vào tình hình thực tế của Ngân hàng Nam Á tại thời điểm phát hành;
7. Ký kết, chuyển giao các Tài Liệu Giao Dịch; tổ chức thực hiện các nghĩa vụ, cam kết và thoả thuận của Ngân hàng Nam Á trong các Tài Liệu Giao Dịch;
8. Ký kết và/hoặc chuyển giao tất cả các văn bản, thông báo sẽ được ký và/hoặc chuyển giao bởi Ngân hàng Nam Á trong các Tài Liệu Giao Dịch;
9. Quyết định và thực hiện tất cả các công việc cần thiết khác phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng Nam Á, các Tài Liệu Giao Dịch để hoàn tất đợt phát hành Trái phiếu theo Phương án phát hành, bao gồm việc chỉ định và bổ nhiệm người được uỷ quyền ký các tài liệu liên quan, mở tài khoản ngân hàng phục vụ mục đích phát hành trái phiếu;
10. Tổ chức triển khai thực hiện các công việc liên quan đến việc chào bán Trái phiếu chuyển đổi, đăng ký và lưu ký Trái phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau: (i) quyết định các hồ sơ, tài liệu nộp cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc chào bán, đăng ký và lưu ký Trái phiếu phù hợp với quy định của pháp luật, (ii) làm việc và giải trình với các cơ quan chức năng, các đơn vị có liên quan về hồ sơ đăng ký chào bán và các vấn đề khác có liên quan đến việc chào bán Trái phiếu;
11. Chủ động tìm kiếm, lập danh sách các Nhà đầu tư có nhu cầu mua Trái phiếu và lựa chọn (các) Nhà đầu tư tham gia đợt phát hành/chào bán Trái phiếu;
12. Thực hiện các công việc cần thiết khác nhằm thực hiện thành công việc chào bán Trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, đăng ký Trái phiếu tại Đại lý đăng ký, lưu ký và các nội dung phát sinh trong thời gian Trái phiếu lưu hành;

13. Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT có thể uỷ quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc nêu trên.

Trên đây là các nội dung của Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, phương án phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi. HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.
Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông Ngân hàng Nam Á;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Trần Ngô Phúc Vũ

Số: 336/2025/TTQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH
VỀ VIỆC NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG TMCP NAM Á
PHÁT HÀNH RA CÔNG CHÚNG

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (“Luật Chứng Khoán”) và các Luật sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (“Nghị định 155”);

Căn cứ vào Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 31/3/2022 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam về việc ban hành quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Nam Á (Ngân hàng Nam Á),

Theo quy định của pháp luật thì sau khi kết thúc việc phát hành trái phiếu ra công chúng, Ngân hàng Nam Á phải đăng ký niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán, đồng thời việc niêm yết phải được ĐHĐCĐ thông qua.

Trên cơ sở đó, để thuận lợi và chủ động trong việc triển khai thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật, Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua việc niêm yết trái phiếu Ngân hàng TMCP Nam Á (Ngân hàng Nam Á) phát hành ra công chúng với một số nội dung như sau:

- Thông qua việc niêm yết trái phiếu (bao gồm trái phiếu nhằm tăng vốn cấp II) được phát hành ra công chúng từ năm 2025 của Ngân hàng Nam Á trên hệ thống giao dịch chứng khoán (hiện nay là Sở giao dịch chứng khoán) sau khi kết thúc các đợt chào bán, phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan;
- Thông qua việc giao và ủy quyền cho HĐQT tổ chức chỉ đạo thực hiện và quyết định các vấn đề cần thiết liên quan để thực hiện việc niêm yết trái phiếu nêu trên theo nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, bao gồm:
 - + Quyết định thời gian niêm yết, số lượng trái phiếu niêm yết trên cơ sở số lượng trái phiếu được Ngân hàng Nam Á phát hành ra công chúng;
 - + Triển khai thực hiện các thủ tục, quyết định nội dung và ký kết các văn bản, xử lý tất cả các vấn đề phát sinh có liên quan đến việc niêm yết trái phiếu Ngân hàng Nam Á trên hệ thống giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan và hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

+ Quyết định các vấn đề khác có liên quan đến việc niêm yết trái phiếu Ngân hàng Nam Á nêu trên.

HDQT sẽ báo cáo kết quả thực hiện trong kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên lần tiếp theo.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Ngân hàng Nam Á;
- HDQT, BKS;
- Lưu: VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Trần Ngô Phúc Vũ

Số: 337/2025/TTQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH VỀ VIỆC GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Nam Á (Ngân hàng Nam Á),
Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 xem xét thông qua các nội dung sau:
- Chấp thuận chủ trương việc Ngân hàng Nam Á:
 - a) Thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện các hoạt động kinh doanh: bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu; cho thuê tài chính; bảo hiểm;
 - b) Thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực: quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, dịch vụ trung gian thanh toán; thông tin tín dụng;
 - c) Góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực: bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
 - d) Góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực khác ngoài các lĩnh vực quy định tại điểm (c) nêu trên sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
- Giao HĐQT quyết định hình thức, phương thức, trình tự, tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần; thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định pháp luật hiện hành. HĐQT báo cáo kết quả thực hiện trong kỳ ĐHĐCĐ thường niên lần tiếp theo.

Trân trọng kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cổ đông Ngân hàng Nam Á;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VP HĐQT.

(đã ký)

Trần Ngô Phúc Vũ

Số: 338/2025/TTQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH VỀ CHỦ TRƯỞNG THAM GIA TÁI CƠ CẤU QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Nam Á.

Trong những năm vừa qua, nền kinh tế thế giới có những biến động khó lường do bị ảnh hưởng từ thiên tai, dịch bệnh và các tranh chấp giữa các quốc gia trên thế giới. Việc này đã ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của hệ thống ngân hàng nói chung và các Quỹ Tín dụng nhân dân nói riêng. Đứng trước tình hình đó, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã có nhiều quyết sách để củng cố, chấn chỉnh, sắp xếp, cơ cấu lại các Quỹ tín dụng nhân dân yếu kém và đồng thời khuyến khích ngân hàng thương mại tham gia tái cơ cấu các Quỹ Tín dụng nhân dân với mục tiêu không để xảy ra tình trạng mất an toàn, an ninh tiền tệ, ảnh hưởng tiêu cực đến hệ thống các tổ chức tín dụng.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ và NHNN, Ngân hàng TMCP Nam Á (Ngân hàng Nam Á) đã tham gia và xử lý thành công 03 Quỹ Tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt tại tỉnh Đồng Nai và đã được NHNN đánh giá rất cao. Việc tham gia tái cơ cấu Quỹ Tín dụng nhân dân góp phần nâng cao uy tín thương hiệu Ngân hàng Nam Á trên thị trường tài chính và cũng thể hiện rất rõ trách nhiệm của Ngân hàng Nam Á trong việc chung tay giữ vững sự ổn định của hệ thống ngân hàng, tài chính quốc gia.

Tiếp nối thành công trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua chủ trương Ngân hàng Nam Á tiếp tục tham gia xử lý các Quỹ Tín dụng nhân dân, đồng thời ủy quyền cho HĐQT trong việc lựa chọn và quyết định phương án tham gia trình NHNN xem xét, phê duyệt. HĐQT báo cáo kết quả thực hiện trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần tiếp theo.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Ngân hàng Nam Á;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Trần Ngô Phúc Vũ

TỜ TRÌNH PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Nam Á.

Trong bối cảnh xu thế toàn cầu hóa, các chủ thể hoạt động kinh doanh ngày càng hội nhập sâu rộng trên mọi mặt đời sống, kinh tế và xã hội, trong đó có lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Việc này đã mở ra nhiều cơ hội phát triển tiềm năng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam trong việc mở rộng thị trường hoạt động, đa dạng hóa tệp khách hàng sử dụng sản phẩm dịch vụ tài chính và thu hút nguồn vốn đầu tư, ngoại tệ từ nước ngoài.

Hội đồng quản trị (HĐQT) nhận thấy việc xây dựng mạng lưới hoạt động tại thị trường nước ngoài không chỉ đem lại lợi ích về mặt kinh tế mà còn giúp Ngân hàng TMCP Nam Á (Ngân hàng Nam Á) khẳng định uy tín thương hiệu, năng lực quản trị và tiềm lực tài chính trên thị trường quốc tế. Mặc dù chủ trương phát triển mạng lưới kinh doanh ra thị trường quốc tế đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 thông qua, tuy nhiên do tình hình thị trường chưa thực sự thuận lợi và cần có thêm thời gian nghiên cứu, phân tích kỹ lưỡng về đặc thù kinh tế, văn hóa, pháp luật của từng quốc gia nên chủ trương này vẫn chưa thể triển khai trong năm 2024. Trên cơ sở đó, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ tiếp tục thuận chủ trương phát triển mạng lưới ra thị trường quốc tế trong năm 2025 với một số nội dung sau:

- Hình thức: thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con của Ngân hàng Nam Á tại nước ngoài.
- Phạm vi hoạt động:
 - + Kinh doanh dịch vụ tài chính – ngân hàng.
 - + Hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại đầu tư, kết nối giao thương giữa cộng đồng nhà đầu tư, doanh nghiệp nước ngoài và Ngân hàng Nam Á, thu hút các dòng vốn nước ngoài và mở rộng hoạt động kinh doanh quốc tế.
 - + Các hoạt động khác theo quy định pháp luật Việt Nam và quốc gia có liên quan.

Để thuận lợi và chủ động trong việc triển khai thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 xem xét và tiếp tục thông qua:

- Chủ trương thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con của Ngân hàng Nam Á

tại nước ngoài .

- Ủy quyền cho HĐQT chủ động quyết định thời điểm, hình thức, địa bàn, phạm vi hoạt động và thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật để phát triển mạng lưới theo định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

HĐQT sẽ báo cáo kết quả thực hiện trong kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên lần tiếp theo.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Ngân hàng Nam Á;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Trần Ngô Phúc Vũ

Số: 340/2025/TTQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH
VỀ VIỆC THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN
KHẮC PHỤC DỰ KIẾN TRONG TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM
TẠI NGÂN HÀNG TMCP NAM Á

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Nam Á.

Theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, tổ chức tín dụng phải xây dựng phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm và báo cáo Ngân hàng Nhà nước (NHNN).

Vì vậy để đảm bảo tuân thủ quy định có liên quan và tăng tính chủ động, kịp thời trong việc xây dựng, điều chỉnh Phương án khắc phục, Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao, ủy quyền cho HĐQT:

- Chỉ đạo việc nghiên cứu, xây dựng, thông qua "**Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm tại Ngân hàng TMCP Nam Á**" (Phương án khắc phục) để báo cáo NHNN theo quy định. HĐQT sẽ báo cáo kết quả xây dựng Phương án khắc phục cho ĐHĐCĐ trong kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên tiếp theo.
- Chủ động điều chỉnh, thay đổi các nội dung liên quan đến Phương án khắc phục tùy vào tình hình thực tế khách quan hoặc theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Trân trọng kính trình./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Cổ đông Ngân hàng Nam Á;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VPHĐQT.

(đã ký)

Trần Ngô Phúc Vũ